

HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ





GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM

VITA - ĐẦU TƯ NHƯ Ý - LỰA CHỌN BẢO VỆ 200

Số hợp đồng bảo hiểm	: 60652073
Số tiền bảo hiểm của sản phẩm chính	: 1.500.000.000 đồng
Ngày phát hành hợp đồng	: 24/12/2024
Ngày hiệu lực hợp đồng	: 08/11/2024



Quý khách vui lòng xem kỹ toàn bộ nội dung Hợp đồng bảo hiểm, đặc biệt là Quy tắc và điều khoản để chắc chắn rằng các quyền lợi theo yêu cầu của Quý khách đều đã được thể hiện đầy đủ và chính xác.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng Bảo hiểm này.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ GENERALI VIỆT NAM

Nguyễn Phương Anh
Tổng Giám đốc

THÔNG TIN VỀ BÊN MUA BẢO HIỂM, NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	CMND/CCCD Hộ chiếu/Khai sinh
Bên mua bảo hiểm	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	03/02/1976	001176010807
Người được bảo hiểm 01	ĐÀO QUANG MINH	Nam	15/02/2003	001203042032
Người thụ hưởng:	là người được chỉ định nhận quyền lợi bảo hiểm trong Giấy yêu cầu bảo hiểm hoặc các thỏa thuận bổ sung, nếu có, theo Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm này.			

THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

(theo từng Người được bảo hiểm)

Tên sản phẩm	Người được bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm (đồng)	Phí định kỳ (đồng)	Ngày kết thúc thời hạn đóng phí tối đa (*)	Ngày kết thúc thời hạn bảo hiểm
Bảo hiểm chính					
VITA - ĐẦU TƯ NHƯ Ý - LỰA CHỌN BẢO VỆ 200	01	1.500.000.000	20.130.000	07/11/2102	07/11/2102
Bảo hiểm bổ trợ					
Bảo hiểm tử vong và thương tật do Tai nạn - Phiên bản mở rộng	01	500.000.000	1.568.000	07/11/2078	07/11/2078
Bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần	01	500.000.000	2.160.000	07/11/2054	07/11/2054
VITA - Sức Khỏe Vàng - Phiên bản 3					
• Quyền lợi nội trú - V.I.P	01		7.016.000	07/11/2088	07/11/2088
• Quyền lợi ngoại trú - Tiêu Chuẩn	01		1.802.000	07/11/2088	07/11/2088
• Quyền lợi nha khoa - Tiêu Chuẩn	01		2.279.000	07/11/2088	07/11/2088
Bảo hiểm miễn đóng phí Bệnh hiểm nghèo mở rộng	01		749.000	07/11/2078	07/11/2078

Thời hạn bảo hiểm:	78 năm
Định kỳ đóng phí:	Hàng năm
Tổng phí đóng theo định kỳ của Năm hợp đồng thứ nhất:	35.704.000 đồng

Lưu ý:
(*) Thời hạn đóng phí tối đa bằng Thời hạn bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm không bắt buộc đóng phí đến hết thời hạn này. Trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên, Phí bảo hiểm cần đóng đủ và đúng hạn. Từ Năm hợp đồng thứ 5, Bên mua bảo hiểm có thể linh hoạt đóng phí theo thời hạn đóng phí dự kiến trên Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm.

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

(Quy định cụ thể về quyền lợi bảo hiểm và chi trả quyền lợi bảo hiểm được nêu trong Quy tắc và Điều khoản hợp đồng)

Quyền lợi bảo hiểm	Số tiền chi trả (đồng)
01 ĐÀO QUANG MINH	
VITA - ĐẦU TƯ NHƯ Ý - LỰA CHỌN BẢO VỆ 200	
1. Quyền lợi tử vong	3.000.000.000 đồng, cộng với - Giá trị Tài khoản hợp đồng ⁽²⁾
2. Quyền lợi Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn ⁽¹⁾	3.000.000.000 đồng, cộng với - Giá trị Tài khoản hợp đồng ⁽³⁾
3. Quyền lợi đáo hạn	Giá trị Tài khoản hợp đồng ⁽⁴⁾
⁽¹⁾Quyền lợi này chỉ được chi trả nếu Sự kiện bảo hiểm xảy ra trước Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt 70 Tuổi. ⁽²⁾Giá trị Tài khoản hợp đồng được xác định vào Ngày định giá ngay sau ngày Generali nhận được yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm. ⁽³⁾Giá trị Tài khoản hợp đồng được xác định vào Ngày định giá ngay sau ngày Generali chấp thuận chi trả quyền lợi bảo hiểm. ⁽⁴⁾Giá trị Tài khoản hợp đồng được xác định vào Ngày định giá ngay sau Ngày kết thúc hợp đồng. Trong trường hợp Người được bảo hiểm tử vong hoặc bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước 04 Tuổi, Số tiền chi trả sẽ được điều chỉnh theo quy định tại Quy tắc và điều khoản.	
Bảo hiểm tử vong và thương tật do Tai nạn - Phiên bản mở rộng	
1. Thương tật vĩnh viễn do Tai nạn	Chi trả theo mức độ Tổn thương, tối đa 500.000.000 đồng
2. Chấn thương cơ quan nội tạng do Tai nạn (Ngực/Bụng/Hệ tiết niệu/Mô liên kết)	Chi trả theo mức độ Tổn thương, tối đa 500.000.000 đồng
3. Gãy xương do Tai nạn (Xương sọ/Xương mặt/Xương thân mình/Xương chi trên/Xương chi dưới)	Chi trả theo mức độ Tổn thương, tối đa 500.000.000 đồng
4. Bỏng do Tai nạn	Chi trả theo mức độ Bỏng, tối đa 500.000.000 đồng



GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM

VITA - ĐẦU TƯ NHƯ Ý - LỰA CHỌN BẢO VỆ 200

Quyền lợi bảo hiểm	Số tiền chi trả (đồng)
5. Vận chuyển cấp cứu do Tai nạn	2.500.000 đồng/Tai nạn, tối đa 5.000.000 đồng/Năm hợp đồng
6. Tử vong do Tai nạn	
Tử vong do Tai nạn của máy bay khi đang là hành khách trên chuyến bay thường lệ (dân dụng)	1.500.000.000 đồng trừ đi tổng các quyền lợi đã chi trả trước đó
Tử vong do Tai nạn của phương tiện giao thông công cộng khi đang là hành khách trên đó, hoặc trong thang máy công cộng, hoặc do hỏa hoạn tại các tòa nhà công cộng theo Quy tắc và Điều khoản	1.000.000.000 đồng trừ đi tổng các quyền lợi đã chi trả trước đó
Tử vong do Tai nạn trong các trường hợp khác	500.000.000 đồng trừ đi tổng các quyền lợi đã chi trả trước đó
Bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần	
1. Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu (chi trả tối đa 02 Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu)	125.000.000 đồng cho mỗi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu
2. Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau (chi trả tối đa 05 Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau)	500.000.000 đồng cho mỗi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau
3. Quyền lợi Biến chứng bệnh tiểu đường	125.000.000 đồng
VITA - Sức Khỏe Vàng - Phiên bản 3	
Quyền lợi nội trú - V.I.P	Hạn mức hàng năm: 1.200.000.000 đồng
Phạm vi địa lý được bảo hiểm	Toàn cầu (ngoại trừ Hoa Kỳ)
Quyền lợi nhân đôi hạn mức (để điều trị nội trú các bệnh Ung thư, Đột quỵ, Nhồi máu cơ tim)	Tăng thêm hạn mức 1.200.000.000 đồng khi đã sử dụng hết Hạn mức hàng năm của quyền lợi nội trú.
Phạm vi bảo hiểm	Giới hạn phụ
1. Viện phí và các chi phí y tế	



GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM

VITA - ĐẦU TƯ NHƯ Ý - LỰA CHỌN BẢO VỆ 200

Quyền lợi bảo hiểm	Số tiền chi trả (đồng)
Giới hạn cho mỗi Đợt điều trị có Phẫu thuật: 720.000.000 đồng Giới hạn cho mỗi Đợt điều trị không có Phẫu thuật: 360.000.000 đồng	
• Tiền giường và phòng	6.000.000 đồng/Ngày nằm viện
• Chi phí Phòng chăm sóc đặc biệt (tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng)	Theo Chi phí y tế thực tế
• Chi phí Phẫu thuật	Theo Chi phí y tế thực tế
• Các chi phí điều trị nội trú khác	Theo Chi phí y tế thực tế
• Chi phí điều trị trước khi Nằm viện (trong vòng 30 ngày trước khi Nằm viện)	Theo Chi phí y tế thực tế
• Chi phí điều trị sau khi xuất viện (trong vòng 60 ngày sau khi xuất viện)	Theo Chi phí y tế thực tế
• Chi phí hỗ trợ người nuôi bệnh nhân (tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	6.000.000 đồng/ngày
• Chăm sóc y tế tại nhà (tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	1.000.000 đồng/ngày
• Trợ cấp nằm viện tại Bệnh viện công lập (tối đa 30 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng)	1.000.000 đồng/Ngày nằm viện
• Chi phí Vật lý trị liệu	10.000.000 đồng/Năm hợp đồng
• Vận chuyển cấp cứu	Theo Chi phí y tế thực tế
2. Cấy ghép nội tạng (thận, tim, gan, phổi, tụy, tủy xương)	
• Chi phí cho Người được bảo hiểm (là người nhận tạng)	Theo Chi phí y tế thực tế
• Chi phí cho người hiến tạng	600.000.000 đồng/Năm hợp đồng
3. Điều trị Ung thư, Đột quy, Nhồi máu cơ tim	Theo Chi phí y tế thực tế



GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM

VITA - ĐẦU TƯ NHƯ Ý - LỰA CHỌN BẢO VỆ 200

Quyền lợi bảo hiểm	Số tiền chi trả (đồng)
4. Điều trị trong ngày	
• Phẫu thuật trong ngày	Theo Chi phí y tế thực tế
• Điều trị thận nhân tạo	60.000.000 đồng/Năm hợp đồng
5. Điều trị cấp cứu do Tai nạn	Theo Chi phí y tế thực tế
Quyền lợi ngoại trú - Tiêu Chuẩn Tỷ lệ đồng chi trả trong trường hợp khám, điều trị tại các Cơ sở y tế/Phòng khám tư nhân: 20%	Hạn mức hàng năm: 15.000.000 đồng
Phạm vi địa lý được bảo hiểm	Việt Nam
Phạm vi bảo hiểm	Giới hạn phụ
1. Chi phí điều trị ngoại trú theo Tây y	1.500.000 đồng/lần khám
2. Chi phí điều trị ngoại trú theo Đông y	750.000 đồng/lần khám
Bảo hiểm miễn đóng phí Bệnh hiểm nghèo mở rộng	
Được Chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo	Generali sẽ thay Bên mua bảo hiểm đóng Phí bảo hiểm phải đóng trong tương lai của Hợp đồng kể từ Ngày đến hạn đóng phí kế tiếp ngay sau ngày Bảo hiểm bổ trợ này được chấp thuận chi trả cho đến khi kết thúc thời hạn của Bảo hiểm bổ trợ này hoặc khi kết thúc thời hạn 15 năm, tùy thời điểm nào đến trước.
Quyền lợi nha khoa - Tiêu Chuẩn	Hạn mức hàng năm: 5.000.000 đồng
Phạm vi địa lý được bảo hiểm	Việt Nam
Phạm vi bảo hiểm	Giới hạn phụ
1. Chi phí kiểm tra, cạo vôi răng (tối đa 02 lần/Năm hợp đồng)	500.000 đồng/lần
2. Các chi phí khám và điều trị răng khác	Theo Chi phí y tế thực tế

Lưu ý:

Đối với Bảo hiểm bổ trợ - Bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần:



GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM
VITA - ĐẦU TƯ NHƯ Ý - LỰA CHỌN BẢO VỆ 200

- Số tiền tối đa chi trả cho mỗi Bệnh hiểm nghèo của Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo dành cho trẻ em (nếu có) hoặc Quyền lợi Biến chứng bệnh tiểu đường hoặc Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm/bảo hiểm bổ trợ/quyền lợi bảo hiểm mở rộng Bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần của một Người được bảo hiểm không vượt quá 500 triệu đồng.
- Quyền lợi Biến chứng bệnh tiểu đường áp dụng từ Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt 18 Tuổi.
- Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo dành cho trẻ em áp dụng đến trước Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt 18 tuổi.

Điều khoản đặc biệt

Không có



Tiếp theo →

QUY TẮC & ĐIỀU KHOẢN SẢN PHẨM CHÍNH



QUY TẮC VÀ ĐIỀU KHOẢN

BẢO HIỂM

LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

- PHIÊN BẢN 2

(Được ban hành theo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy tắc và điều khoản
ngày 15/10/2024 của Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam)



Mục lục

CHƯƠNG	QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM	05
1	Điều 1. Quyền lợi bảo hiểm	06
	Điều 2. Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ	09
	Điều 3. Các trường hợp loại trừ	10
CHƯƠNG	GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	12
2	Điều 4. Người có quyền nhận quyền bảo hiểm	13
	Điều 5. Thủ tục giải quyết quyền lợi	14
	Điều 6. Thời hạn giải quyết quyền lợi bảo hiểm	15

CHƯƠNG

3

THAM GIA BẢO HIỂM, HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG VÀ NHỮNG THAY ĐỔI LIÊN QUAN ĐẾN HỢP ĐỒNG

16

Điều 7. Tham gia bảo hiểm	17
Điều 8. Cung cấp thông tin	17
Điều 9. Bảo hiểm có điều kiện	19
Điều 10. Thời gian cân nhắc	20
Điều 11. Miễn truy xét	20
Điều 12. Trách nhiệm bảo mật thông tin khách hàng	20
Điều 13. Hiệu lực của Hợp đồng	21
Điều 14. Chấm dứt Hợp đồng trước hạn	21
Điều 15. Chấm dứt Hợp đồng	22
Điều 16. Khôi phục hiệu lực Hợp đồng	22
Điều 17. Các thay đổi trong quá trình thực hiện Hợp đồng	23
Điều 18. Thay đổi liên quan đến quyền lợi của Hợp đồng	25
Điều 19. Nhầm lẫn khi kê khai Tuổi, giới tính	27
Điều 20. Các quy định khác	28

CHƯƠNG

4

PHÍ BẢO HIỂM, CÁC KHOẢN PHÍ CỦA HỢP ĐỒNG VÀ GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG

30

Điều 21. Phí bảo hiểm	31
Điều 22. Phương thức phân bổ phí bảo hiểm	32
Điều 23. Thời hạn đóng phí, Định kỳ đóng phí và Gia hạn đóng Phí bảo hiểm	33
Điều 24. Các khoản phí	35
Điều 25. Tài khoản hợp đồng	38

CHƯƠNG

5

THÔNG TIN VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG

39

Điều 26	Thiết lập Quỹ liên kết đơn vị và thông tin về cơ cấu hoạt động	40
Điều 27	Định giá Đơn vị quỹ	40
Điều 28	Các biện pháp bảo vệ và gia tăng quyền lợi của Bên mua bảo hiểm	41
Điều 29	Mua và bán Đơn vị quỹ	42
Điều 30	Trường hợp bất khả kháng	42

PHỤ LỤC I:

ĐỊNH NGHĨA

43 - 52

CHƯƠNG 1

QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM





CHƯƠNG 1

Quyền lợi của sản phẩm

Điều 1. Quyền lợi bảo hiểm

1.1 Quyền lợi Món quà khởi đầu

Trong Năm hợp đồng đầu tiên, nếu Hợp đồng có hiệu lực và Phí bảo hiểm cơ bản (quy năm) của Năm hợp đồng đầu tiên từ 50 triệu đồng trở lên, Generali sẽ chi trả Quyền lợi Món quà khởi đầu như sau:

Phí bảo hiểm cơ bản (quy năm) của Năm hợp đồng đầu tiên	Quyền lợi Món quà khởi đầu (% Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ)
Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3%
Từ 100 triệu đồng trở lên	5%

Đối với Phí bảo hiểm cơ bản của định kỳ đầu tiên, Quyền lợi Món quà khởi đầu sẽ được chi trả ngay sau khi kết thúc Thời gian cân nhắc. Đối với các kỳ phí bảo hiểm tiếp theo trong Năm hợp đồng đầu tiên, Quyền lợi Món quà khởi đầu sẽ được chi trả ngay sau khi Phí bảo hiểm định kỳ được đóng đầy đủ. Quyền lợi Món quà khởi đầu sẽ được phân bổ vào Tài khoản cơ bản theo Tỷ lệ phân bổ quỹ và được dùng để mua Đơn vị quỹ theo Giá đơn vị quỹ tại Ngày định giá ngay sau ngày chi trả.

1.2 Quyền lợi Thưởng

1.2.1 Quyền lợi Thưởng định kỳ

Vào cuối Năm hợp đồng thứ 06, 09, 12, 15 và 18, Generali sẽ chi trả Quyền lợi Thưởng định kỳ bằng 4% giá trị bình quân của Giá trị Tài khoản cơ bản tại Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng của 36 Tháng hợp đồng liền kề trước đó.

1.2.2 Quyền lợi Thưởng đặc biệt

Vào cuối Năm hợp đồng thứ 10, 15 và 20, Generali sẽ chi trả Quyền lợi Thưởng đặc biệt theo tỷ lệ % Phí bảo hiểm của Năm hợp đồng đầu tiên tại thời điểm phát hành Hợp đồng (không bao gồm Phí bảo hiểm bổ trợ của (các) bảo hiểm bổ trợ đã chấm dứt hiệu lực trước hạn hoặc do Generali từ chối bảo hiểm đối với (các) bảo hiểm bổ trợ này) tương ứng với từng Lựa chọn bảo vệ như sau:

Lựa chọn bảo vệ	Cuối Năm hợp đồng thứ		
	10	15	20
Bảo vệ 50	25%	25%	50%
Bảo vệ 100	50%	50%	100%
Bảo vệ 150	75%	75%	150%
Bảo vệ 200	100%	100%	200%

1.2.3 Điều kiện nhận Quyền lợi Thưởng

- a. Để được nhận Quyền lợi Thưởng của mỗi kỳ xem xét, Hợp đồng phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:
 - Phí bảo hiểm định kỳ đã được đóng đầy đủ từ Ngày hiệu lực hợp đồng cho đến cuối kỳ xem xét. Trong kỳ xem xét, Phí bảo hiểm định kỳ được đóng không trễ hơn 180 ngày kể từ Ngày đến hạn đóng phí;
 - Chưa từng bị mất hiệu lực liên tục quá 180 ngày trong kỳ xem xét;
 - Không bị giảm Số tiền bảo hiểm trong khoảng thời gian từ Ngày hiệu lực hợp đồng đến cuối kỳ xem xét;
 - Không có giao dịch rút tiền từ Tài khoản cơ bản trong kỳ xem xét.
- b. Các kỳ xem xét của Quyền lợi Thưởng định kỳ:
 - Kỳ xem xét thứ nhất: 06 Năm hợp đồng đầu tiên tính từ Ngày hiệu lực hợp đồng;
 - Bốn kỳ xem xét kế tiếp: mỗi 03 Năm hợp đồng liền kề trước thời điểm chi trả quyền lợi.
- c. Các kỳ xem xét của Quyền lợi Thưởng đặc biệt:
 - Kỳ xem xét thứ nhất: 10 Năm hợp đồng đầu tiên tính từ Ngày hiệu lực hợp đồng;
 - Hai kỳ xem xét kế tiếp: mỗi 05 Năm hợp đồng liền kề trước thời điểm chi trả quyền lợi.

1.2.4 Phương thức chi trả Quyền lợi Thưởng

- a. Quyền lợi Thưởng định kỳ được phân bổ vào Tài khoản cơ bản theo:
 - Tỷ trọng giá trị quỹ của Tài khoản cơ bản, hoặc
 - Tỷ lệ phân bổ quỹ được chỉ định cho Phí bảo hiểm cơ bản (nếu Giá trị Tài khoản cơ bản bằng 0).

- b. Quyền lợi Thưởng đặc biệt được phân bổ vào Tài khoản đóng thêm theo:
- Tỷ trọng giá trị quỹ của Tài khoản đóng thêm, hoặc
 - Tỷ trọng giá trị quỹ của Tài khoản cơ bản (nếu Giá trị Tài khoản đóng thêm bằng 0), hoặc
 - Tỷ lệ phân bổ quỹ được chỉ định cho Phí bảo hiểm cơ bản (nếu Giá trị Tài khoản cơ bản và Giá trị Tài khoản đóng thêm bằng 0).
- c. Tỷ trọng giá trị quỹ được xác định vào ngày chi trả.
- d. Quyền lợi Thưởng sau khi phân bổ cho từng Quỹ sẽ dùng để mua Đơn vị quỹ theo Giá đơn vị quỹ tại Ngày định giá ngay sau ngày chi trả.

1.3 Quyền lợi Đáo hạn

Bên mua bảo hiểm được nhận toàn bộ Giá trị Tài khoản hợp đồng tại Ngày định giá ngay sau Ngày kết thúc hợp đồng.

1.4 Quyền lợi Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn

Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực, nếu Người được bảo hiểm bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt 70 Tuổi, Generali sẽ chi trả:

- Số tiền được xác định theo tỷ lệ phần trăm của Số tiền bảo hiểm tương ứng với từng Lựa chọn bảo vệ như sau:

Lựa chọn bảo vệ	Bảo vệ 50	Bảo vệ 100	Bảo vệ 150	Bảo vệ 200
% Số tiền bảo hiểm	50%	100%	150%	200%

Cộng với

- Giá trị Tài khoản hợp đồng được xác định dựa trên: i) số lượng Đơn vị quỹ tại ngày Generali chấp thuận chi trả quyền lợi bảo hiểm; và ii) Giá đơn vị quỹ tại Ngày định giá ngay sau ngày Generali chấp thuận chi trả quyền lợi bảo hiểm.

Generali sẽ cộng, trừ các khoản tiền được quy định tại Điều 20.3 (nếu có), trước khi chi trả.

Hợp đồng chấm dứt kể từ thời điểm Người được bảo hiểm được chứng nhận bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (nếu được Generali chấp thuận chi trả quyền lợi bảo hiểm).

1.5 Quyền lợi tử vong

Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực, nếu Người được bảo hiểm tử vong, Generali sẽ chi trả:

- Số tiền được xác định theo tỷ lệ phần trăm của Số tiền bảo hiểm tương ứng với từng Lựa chọn bảo vệ như sau:

Lựa chọn bảo vệ	Bảo vệ 50	Bảo vệ 100	Bảo vệ 150	Bảo vệ 200
% Số tiền bảo hiểm	50%	100%	150%	200%

Cộng với:

- Giá trị Tài khoản hợp đồng được xác định dựa trên: i) số lượng Đơn vị quỹ tại ngày Generali nhận được yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm; và ii) Giá đơn vị quỹ tại Ngày định giá ngay sau ngày Generali nhận được yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm.

Generali sẽ cộng, trừ các khoản tiền được quy định tại Điều 20.3 (nếu có), trước khi chi trả quyền lợi.

Hợp đồng chấm dứt kể từ thời điểm Người được bảo hiểm tử vong.

1.6 Giới hạn chi trả

Trong trường hợp Người được bảo hiểm dưới 04 Tuổi tại thời điểm xảy ra Sự kiện bảo hiểm, Generali sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm tại Điều 1.4 và Điều 1.5 với Số tiền được xác định theo tỷ lệ phần trăm của Số tiền bảo hiểm tương ứng với từng Lựa chọn bảo vệ như sau:

	Lựa chọn bảo vệ	Tuổi tại thời điểm xảy ra Sự kiện bảo hiểm			
		Dưới 01 Tuổi	Từ 01 đến dưới 02 Tuổi	Từ 02 đến dưới 03 Tuổi	Từ 03 đến dưới 04 Tuổi
% Số tiền bảo hiểm	Bảo vệ 50	10%	20%	30%	40%
	Bảo vệ 100	20%	40%	60%	80%
	Bảo vệ 150	30%	60%	90%	120%
	Bảo vệ 200	40%	80%	120%	160%

Điều 2. Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ

Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu cung cấp sản phẩm bảo hiểm bổ trợ cho (những) người có quyền lợi có thể được bảo hiểm với Bên mua bảo hiểm theo Quy tắc và điều khoản của từng bảo hiểm bổ trợ và phù hợp với Quy tắc và điều khoản này.

Bảo hiểm bổ trợ của từng người được bảo hiểm được thể hiện trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc văn bản xác nhận của Generali hoặc văn bản thỏa thuận giữa Generali và Bên mua bảo hiểm (nếu có).

Điều 3. Các trường hợp loại trừ

3.1 Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn

Generali sẽ không chi trả quyền lợi tại Điều 1.4 và Điều 1.5 nếu Người được bảo hiểm tử vong hoặc bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trong trường hợp sau và/hoặc do nguyên nhân sau:

- a. Tự tử, mưu toan tự tử hoặc tự gây ra thương tích, trong tình trạng tỉnh táo hoặc mất trí, trong vòng 02 năm kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy vào ngày nào đến sau; hoặc
- b. Hành vi phạm tội của Người được bảo hiểm và/hoặc Người thụ hưởng và/hoặc Bên mua bảo hiểm. Trong trường hợp do hành vi phạm tội của Người thụ hưởng, Generali chỉ không chi trả phần quyền lợi bảo hiểm cho Người thụ hưởng thực hiện hành vi đó; hoặc
- c. Tình trạng y tế có trước, ngoại trừ Tình trạng y tế có trước đã được kê khai trên Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và được Generali chấp nhận.

3.2 Giải quyết trường hợp loại trừ

- a. Nếu Người được bảo hiểm bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn thuộc trường hợp quy định tại Điều 3.1, Bên mua bảo hiểm có thể:
 - tiếp tục đóng Phí bảo hiểm để duy trì Hợp đồng. Khi đó, Người được bảo hiểm vẫn tiếp tục được bảo hiểm với các quyền lợi khác thuộc phạm vi bảo hiểm; hoặc

- yêu cầu chấm dứt Hợp đồng. Khi đó, Generali sẽ chi trả cho Bên mua bảo hiểm Giá trị Tài khoản hợp đồng (được xác định dựa trên: i) số lượng Đơn vị quỹ tại ngày chấm dứt Hợp đồng; và ii) Giá đơn vị quỹ tại Ngày định giá sau ngày chấm dứt Hợp đồng), sau khi trừ đi Khoản nợ và (các) chi phí khám, xét nghiệm y khoa (nếu có). Hợp đồng chấm dứt vào ngày Generali nhận được văn bản yêu cầu của Bên mua bảo hiểm.
- b. Nếu Người được bảo hiểm tử vong thuộc trường hợp quy định tại Điều 3.1, Generali sẽ chi trả cho Bên mua bảo hiểm Giá trị Tài khoản hợp đồng được xác định dựa trên: i) số lượng Đơn vị quỹ tại ngày Generali nhận được yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm; và ii) Giá đơn vị quỹ tại Ngày định giá ngay sau ngày Generali nhận được yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm.
- Generali sẽ cộng, trừ các khoản tiền được quy định tại Điều 20.3 (nếu có) trước khi chi trả.

3.3 Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ

Đối với bảo hiểm bổ trợ, các trường hợp loại trừ được áp dụng theo quy định tại Quy tắc và điều khoản của từng bảo hiểm bổ trợ.

QUY TẮC VÀ ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM BỔ TRỢ

**BẢO HIỂM TỬ VONG
VÀ THƯƠNG TẬT DO TAI NẠN**

(PHIÊN BẢN MỞ RỘNG)

(Được phê chuẩn theo Công văn số 14598/BTC-QLBH ngày 23/12/2021 của Bộ Tài chính)



Bảo hiểm bổ trợ **Bảo hiểm tử vong và thương tật do Tai nạn – Phiên bản mở rộng**^[1] ("Bảo hiểm bổ trợ") được đính kèm theo sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung và Liên kết đơn vị để bảo hiểm cho (những) người có quyền lợi có thể được bảo hiểm với Bên mua bảo hiểm, trong trường hợp Bên mua bảo hiểm có yêu cầu và được Generali chấp thuận.

Quy tắc và điều khoản của Bảo hiểm bổ trợ ("Điều khoản bổ trợ") là thỏa thuận giữa **Generali** và **Bên mua bảo hiểm** về Bảo hiểm bổ trợ và là một phần của Hợp đồng.

Trong Điều khoản bổ trợ này, các thuật ngữ viết hoa nhưng không được định nghĩa sẽ được hiểu theo quy định của Quy tắc và điều khoản của sản phẩm bảo hiểm chính ("Điều khoản chính"). Quy định của Điều khoản chính được áp dụng đối với Bảo hiểm bổ trợ theo nguyên tắc:

- Nếu có mâu thuẫn giữa Điều khoản bổ trợ với Điều khoản chính, quy định của Điều khoản bổ trợ sẽ được ưu tiên áp dụng.
- Nếu Điều khoản bổ trợ không có quy định về một vấn đề mà vấn đề đó đã được quy định tại Điều khoản chính thì quy định của Điều khoản chính sẽ được áp dụng.

[1] Bảo hiểm bổ trợ này khi được đính kèm theo sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung - Phiên bản 2017 sẽ được hiểu và gọi là "Quyền lợi bảo hiểm mở rộng".

Điều 1. Quyền lợi bảo hiểm

Trong thời gian Bảo hiểm bổ trợ có hiệu lực, nếu Người được bảo hiểm bị Tổn thương hoặc tử vong do Tai nạn, Generali sẽ chi trả các quyền lợi bảo hiểm như sau:

1.1 Quyền lợi Thương tật vĩnh viễn do Tai nạn

Thương tật	Số tiền chi trả (% Số tiền bảo hiểm)
1. Chấn thương sọ não nghiêm trọng	100%
2. Thương tật dẫn đến mất khả năng lao động với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	100%
3. Mất vĩnh viễn thị lực hai mắt	100%
4. Mất vĩnh viễn thính lực hai tai	100%
5. Mất hoặc liệt vĩnh viễn hai bàn tay	100%
6. Mất hoặc liệt vĩnh viễn hai bàn chân	100%
7. Mất hoặc liệt vĩnh viễn một tay và một chân	100%
8. Mất hoặc liệt vĩnh viễn một tay và mất vĩnh viễn thị lực một mắt	100%
9. Mất hoặc liệt vĩnh viễn một chân và mất vĩnh viễn thị lực một mắt	100%
10. Mất vĩnh viễn thị lực một mắt	50%
11. Mất vĩnh viễn thính lực một tai	50%
12. Mất hoặc liệt vĩnh viễn một bàn tay hoặc một bàn chân	50%
13. Mất (cụt) đốt ở ngón tay cái	
- Một đốt	10% (Tối đa 30 triệu đồng/Tai nạn)
- Hai đốt trên cùng một ngón tay (trong cùng một Tai nạn)	15%
14. Mất (cụt) đốt ở ngón tay trỏ hoặc ngón tay giữa hoặc ngón tay áp út hoặc ngón tay út	
- Một đốt	4% (Tối đa 15 triệu đồng/Tai nạn)
- Hai đốt hoặc ba đốt trên cùng một ngón tay (trong cùng một Tai nạn)	8%

Thương tật	Số tiền chi trả (% Số tiền bảo hiểm)
15. Mất (cụt) đốt ở ngón chân cái	
- Một đốt	2% (Tối đa 15 triệu đồng/Tai nạn)
- Hai đốt trên cùng một ngón chân (trong cùng một Tai nạn)	5%
16. Mất (cụt) đốt ở ngón chân trở hoặc ngón chân giữa hoặc ngón chân áp út hoặc ngón chân út	
- Một đốt	2% (Tối đa 15 triệu đồng/Tai nạn)
- Hai đốt trên cùng một ngón chân (trong cùng một Tai nạn)	2%
- Ba đốt trên cùng một ngón chân (trong cùng một Tai nạn)	3%

1.2 Quyền lợi Chấn thương cơ quan nội tạng do Tai nạn

Bộ phận	Chấn thương	Số tiền chi trả (% Số tiền bảo hiểm)
Ngực	Tràn khí màng phổi	5%
	Tràn máu màng phổi	5%
Bụng	Vỡ lá lách (vết thương lách hoặc vỡ lách)	5%
	Vỡ gan (vết thương gan hoặc vỡ gan)	10%
	Thủng dạ dày hoặc ruột non/ruột già	10%
	Vỡ tụy	10%
Hệ tiết niệu	Chấn thương một/hai thận chỉ phải điều trị bảo tồn	5%
	Chấn thương một/hai thận phải phẫu thuật	10%
	Rách thành niệu quản hoặc đứt niệu quản	5%
	Rách thành bàng quang	5%
	Rách thành niệu đạo hoặc đứt niệu đạo	5%
Mô liên kết	Đứt hoàn toàn một hoặc nhiều các dây chằng đầu gối sau: - Dây chằng giữa hoặc bên - Dây chằng chéo trước hoặc sau	3% (Tối đa 50 triệu đồng/Tai nạn)

1.3 Quyền lợi Gãy xương do Tai nạn

Bộ xương	Gãy xương	Số tiền chi trả (% Số tiền bảo hiểm)
Xương sọ	Vỡ một hoặc nhiều phần xương sọ (bao gồm nút xương sọ, vỡ lún sọ, vỡ sàn sọ, chấn thương xuyên hộp sọ) trừ các xương mặt hay việc khuyết xương sọ do phẫu thuật mở hộp sọ trong chấn thương sọ não	10%
Xương mặt	Gãy xương hàm dưới hoặc xương hàm trên	5%
	Gãy một trong các xương mặt khác	2%
Xương thân mình	Gãy một hoặc nhiều thân xương đốt sống, trừ xương cùng và xương cụt	10%
	Gãy từ ba xương sườn trở lên	5%
Xương chi trên	Gãy một hoặc hai xương đòn	2%
	Gãy một hoặc hai bên xương bả vai	2%
	Gãy một hoặc nhiều xương cổ tay, xương bàn tay hoặc xương đốt ngón tay	1%
	Gãy một hoặc nhiều các xương dưới đây: - Xương cánh tay - Xương trụ - Xương quay	5% (Tối đa 50 triệu đồng/Tai nạn)
Xương chi dưới	Gãy xương chậu	10%
	Gãy xương đùi của một chân	10%
	Vỡ sụn chêm giữa hai bên khớp gối, cần phẫu thuật	2%
	Gãy một hoặc hai xương bánh chè	2%
	Gãy một hoặc nhiều xương cổ chân, xương gót chân, xương bàn chân hoặc xương đốt ngón chân	1%
	Gãy xương mác và/hoặc xương chày của cùng một chân	5% (Tối đa 50 triệu đồng/Tai nạn)

1.4 Quyền lợi Bông do Tai nạn

Bộ phận	Tỷ lệ (%) diện tích da cơ thể bị Bông	Số tiền chi trả (% Số tiền bảo hiểm)
Đầu	Từ 2% đến dưới 5%	50%
	Từ 5% đến dưới 8%	75%
	Từ 8% trở lên	100%
Thân mình và tay, chân	Từ 10% đến dưới 15%	50%
	Từ 15% đến dưới 20%	75%
	Từ 20% trở lên	100%

1.5 Quyền lợi Vận chuyển cấp cứu do Tai nạn

Nếu Người được bảo hiểm bị Tai nạn và được vận chuyển cấp cứu đến Cơ sở y tế/Phòng khám hoặc giữa các Cơ sở y tế/Phòng khám theo chỉ định của Bác sĩ, Generali Việt Nam sẽ chi trả số tiền hỗ trợ vận chuyển là 2.500.000 đồng cho mỗi lần Tai nạn của Người được bảo hiểm.

Việc vận chuyển cấp cứu của Người được bảo hiểm phải được thực hiện bằng phương tiện vận chuyển cấp cứu thuộc Cơ sở y tế/Phòng khám hoặc tổ chức có chức năng cung cấp dịch vụ vận chuyển cấp cứu.

Quyền lợi này được chi trả tối đa là 5.000.000 đồng/Năm hợp đồng.

Generali không chi trả các chi phí chuyển viện theo yêu cầu của Người được bảo hiểm.

1.6 Quyền lợi Tử vong do Tai nạn

Nếu Người được bảo hiểm tử vong do Tai nạn, Generali sẽ chi trả quyền lợi tử vong do Tai nạn trong những trường hợp theo bảng sau:

Tử vong do tai nạn	Số tiền chi trả (% Số tiền bảo hiểm)
a. Nếu Tai nạn làm Người được bảo hiểm tử vong là tai nạn máy bay xảy ra khi Người được bảo hiểm đang là hành khách trên chuyến bay thường lệ (dân dụng)	300%
b. Nếu Tai nạn làm Người được bảo hiểm tử vong là: Tai nạn giao thông và tại thời điểm xảy ra Tai nạn, Người được bảo hiểm đang là hành khách có mua vé trên phương tiện giao thông công cộng, gồm: xe buýt, ô tô chở khách tuyến cố định, tàu hỏa chở khách	

Tử vong do tai nạn	Số tiền chi trả (% Số tiền bảo hiểm)
(gồm cả phương tiện đường sắt đô thị), tàu thủy chở khách, phà chở khách, buýt đường thủy, tàu điện; hoặc - Tai nạn thang máy và tại thời điểm xảy ra Tai nạn, Người được bảo hiểm đang ở trong thang máy (không bao gồm thang máy hoạt động trong hầm mỏ, tại các công trình xây dựng hoặc nhà ở riêng lẻ); hoặc - Do hậu quả trực tiếp của hỏa hoạn tại tòa nhà công cộng, gồm: nhà hát, rạp chiếu phim, hội trường công cộng, trung tâm thương mại, siêu thị, trường học, bệnh viện và các trung tâm thể thao	200%
c. Nếu Tai nạn làm Người được bảo hiểm tử vong là các trường hợp tai nạn khác	100%

Trước khi chi trả quyền lợi này, Generali sẽ trừ đi số tiền đã chấp thuận chi trả cho các quyền lợi bảo hiểm quy định tại Điều 1.1, Điều 1.2, Điều 1.3, Điều 1.4 và Điều 1.5 (nếu có).

1.7 Tỷ lệ điều chỉnh trong trường hợp Người được bảo hiểm là trẻ em

Nếu Người được bảo hiểm là trẻ em, quyền lợi bảo hiểm tại Điều 1 (ngoại trừ Điều 1.5) được xác định bằng số tiền chi trả nhân với Tỷ lệ điều chỉnh tương ứng với tuổi của Người được bảo hiểm tại thời điểm xảy ra Sự kiện bảo hiểm.

Chi tiết Tỷ lệ điều chỉnh như sau:

Tuổi tại thời điểm xảy ra Sự kiện bảo hiểm	Dưới 01 Tuổi	Từ 01 đến dưới 02 Tuổi	Từ 02 đến dưới 03 Tuổi	Từ 03 đến dưới 04 Tuổi	Từ 04 Tuổi trở lên
Tỷ lệ điều chỉnh	20%	40%	60%	80%	100%

Điều 2. Giới hạn chi trả quyền lợi bảo hiểm

Tổng số tiền chi trả cho tất cả Tổn thương và quyền lợi Vận chuyển cấp cứu do Tai nạn cộng lại sẽ không vượt quá 100% Số tiền bảo hiểm.

Khi đã chấp thuận chi trả Quyền lợi Tử vong do Tai nạn, Generali sẽ không phải chi trả bất kỳ quyền lợi nào khác.

Điều 3. Phí ban đầu

Phí ban đầu áp dụng cho Bảo hiểm bổ trợ này được tính theo tỷ lệ % của Phí bảo hiểm bổ trợ như sau:

Năm đóng phí	1	2	3	4	5+
Phí ban đầu (% Phí bảo hiểm bổ trợ)	60%	45%	15%	5%	0%

Điều 4. Các trường hợp loại trừ

Generali không chi trả quyền lợi bảo hiểm quy định tại Điều 1, nếu Người được bảo hiểm bị Tổn thương hoặc tử vong do Tai nạn trong trường hợp sau và/hoặc do nguyên nhân sau:

- Hành vi phạm tội của Người được bảo hiểm và/hoặc Người thụ hưởng và/hoặc Bên mua bảo hiểm. Trong trường hợp do hành vi phạm tội của Người thụ hưởng, Generali sẽ không chi trả phần quyền lợi bảo hiểm cho Người thụ hưởng tham gia vào hành vi đó;
- Sử dụng thuốc mà không theo chỉ định của bác sĩ, sử dụng bất kỳ loại chất gây nghiện, ma túy, chất độc, thuốc kích thích;
- Điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn thuộc trường hợp bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật hoặc trong cơ thể có chất ma túy.

Điều 5. Thủ tục giải quyết quyền lợi

Bên mua bảo hiểm hoặc người có quyền nhận quyền lợi bảo hiểm nộp cho Generali các chứng từ bằng tiếng Việt như sau:

- Giấy yêu cầu giải quyết quyền lợi được khai đầy đủ, chính xác;
- Bản sao Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu của người có quyền nhận quyền lợi bảo hiểm;
- Bảng chứng về quyền nhận quyền lợi: giấy tờ chứng minh mối quan hệ với Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm, văn bản thỏa thuận/phân chia di sản thừa kế, di chúc, văn bản cử người đại diện nhận quyền lợi;

d. Bảng chứng về Sự kiện bảo hiểm:

- Tử vong: Giấy chứng tử/Trích lục khai tử.
- Các trường hợp Tổn thương do Tai nạn: kết quả giám định tình trạng thương tật, Bổng do Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh trở lên hoặc cơ quan có thẩm quyền, hoặc cơ quan y tế được Generali chấp thuận, cấp theo quy định của pháp luật (ngoại trừ trường hợp Người được bảo hiểm bị mất chi).
- Chứng từ y tế: Bản sao Giấy ra viện và tóm tắt bệnh án (nếu có nằm viện), giấy chứng nhận phẫu thuật (nếu có phẫu thuật), hồ sơ khám, kết quả xét nghiệm, phim X-quang, kết quả siêu âm, MRI, CT, chẩn đoán và điều trị từ bất kỳ Bác sĩ và/hoặc Cơ sở y tế nào mà Người được bảo hiểm đã đến khám và điều trị.
- Hóa đơn/ hóa đơn điện tử cho chi phí Vận chuyển cấp cứu do Tai nạn.

e. Bảng chứng về nguyên nhân của Sự kiện bảo hiểm như:

- Biên bản khám nghiệm hiện trường (nếu có), kết luận điều tra của cơ quan có thẩm quyền (nếu có), biên bản tai nạn của cơ quan công an có thẩm quyền, tường trình tai nạn có xác nhận của cơ quan công an có thẩm quyền, nếu Sự kiện bảo hiểm xảy ra do Tai nạn;
- Biên bản khám nghiệm tử thi (nếu có);

Generali có quyền yêu cầu Bên mua bảo hiểm hoặc người có quyền nhận quyền lợi bảo hiểm thực hiện công chứng, chứng thực, hợp pháp hóa lãnh sự các giấy tờ, bảng chứng nêu trên (bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt). Chi phí cho việc cung cấp các giấy tờ này sẽ do Bên mua bảo hiểm hoặc người có quyền nhận quyền lợi bảo hiểm chịu trách nhiệm.

Trường hợp có tranh chấp xảy ra, Generali có quyền yêu cầu giám định y khoa đối với Người được bảo hiểm tại các cơ quan giám định/chuyên viên giám định được Generali chỉ định hoặc chấp thuận, chi phí cho việc giám định y khoa do Generali chi trả. Kết quả giám định y khoa là cơ sở để Generali xem xét giải quyết quyền lợi bảo hiểm.

Điều 6. Thời hạn bảo hiểm

Thời hạn của Bảo hiểm bổ trợ từ 05 năm đến 75 năm (tùy theo lựa chọn của Bên mua bảo hiểm và Tuổi của Người được bảo hiểm), nhưng không vượt quá thời hạn của Hợp đồng. Thời hạn của Bảo hiểm bổ trợ được thể hiện tại Giấy chứng nhận bảo hiểm, văn bản xác nhận của Generali hoặc văn bản thỏa thuận giữa Generali và Bên mua bảo hiểm (nếu có).

Bảo hiểm bổ trợ bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày Bên mua bảo hiểm hoàn tất yêu cầu bảo hiểm và đóng đủ khoản phí bảo hiểm của Bảo hiểm bổ trợ và được Generali chấp thuận bằng văn bản, với điều kiện Người được bảo hiểm phải còn sống vào thời điểm yêu cầu bảo hiểm được Generali chấp thuận.

Điều 7. Chấm dứt Bảo hiểm bổ trợ

Bảo hiểm bổ trợ chấm dứt hiệu lực trong những trường hợp sau, tùy trường hợp nào xảy ra trước:

- Kết thúc thời hạn của Bảo hiểm bổ trợ;
- Tổng số tiền Generali chấp thuận chi trả cho các quyền lợi quy định tại Điều 1.1, Điều 1.2, Điều 1.3, Điều 1.4 và Điều 1.5 đã đủ 100% Số tiền bảo hiểm;
- Người được bảo hiểm tử vong;
- Hợp đồng chấm dứt;
- Bên mua bảo hiểm yêu cầu chấm dứt Bảo hiểm bổ trợ;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Định nghĩa

8.1 Tai nạn

Là một sự kiện hoặc một chuỗi sự kiện liên tục, khách quan, xảy ra do tác động của một lực, một vật bất ngờ từ bên ngoài, không chủ động và ngoài ý muốn của Người được bảo hiểm lên cơ thể Người được bảo hiểm trong thời gian Bảo hiểm bổ trợ có hiệu lực.

Sự kiện hoặc chuỗi sự kiện nêu trên là nguyên nhân trực tiếp, duy nhất và không liên quan đến bất kỳ nguyên nhân nào khác, gây ra thương tật và/hoặc tử vong cho Người được bảo hiểm trong vòng 180 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện hoặc chuỗi sự kiện đó.

8.2 Tồn thương

Bao gồm một hoặc nhiều thương tật do Tai nạn gây ra được nêu tại các quyền lợi Thương tật vĩnh viễn do Tai nạn, Chấn thương cơ quan nội tạng do Tai nạn, Gãy xương do Tai nạn và Bỏng do Tai nạn theo quy định tại Điều 1 của Điều khoản bổ trợ này.

8.3 Chấn thương

Là sự tổn thương thân thể của Người được bảo hiểm do Tai nạn gây ra, có bằng chứng của sự va đập, vết cắt, hoặc vết thương ở phần bên ngoài cơ thể.

Chấn thương không bao gồm những tổn thương thân thể do đau ốm, bệnh tật, nhiễm các loại vi khuẩn hoặc vi-rút.

8.4 Bỏng

Là bỏng độ III trở lên của mô mềm của các cơ quan trong cơ thể Người được bảo hiểm do Tai nạn gây ra. Tiêu chuẩn của bỏng độ III là tổn thương toàn bộ lớp da (thượng bì và mô dưới da) và có chỉ định cấy ghép da. Tỷ lệ bỏng trên diện tích da cơ thể (mức độ bỏng) được xác định theo Biểu đồ bề mặt cơ thể Lund và Browder.

8.5 Chấn thương sọ não nghiêm trọng

Là chấn thương đầu do Tai nạn dẫn đến di chứng thần kinh vĩnh viễn và không thể phục hồi, được đánh giá sau ngày xảy ra Tai nạn ít nhất 03 tháng. Chẩn đoán được xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa thần kinh, dựa trên cơ sở hình ảnh tổn thương não trên hình ảnh Cộng hưởng từ nhân não (MRI) hoặc trên phim Chụp cắt lớp não (CT), hoặc các kết quả xét nghiệm hình ảnh học đáng tin cậy khác.

Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong những trường hợp chấn thương tử vong.

8.6 Liệt vĩnh viễn

Là bị liệt hoàn toàn và không thể phục hồi chức năng. Tình trạng này phải kéo dài trong thời gian ít nhất 03 tháng kể từ ngày xảy ra Tai nạn và phải được xác nhận bởi Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh.

8.7 Mất hoặc liệt vĩnh viễn tay

Là tình trạng mất (cụt) hoặc bị liệt hoàn toàn và không thể phục hồi chức năng của tay được tính từ cổ tay trở lên.

8.8 Mất hoặc liệt vĩnh viễn chân

Là tình trạng mất (cụt) hoặc bị liệt hoàn toàn và không thể phục hồi chức năng của chân được tính từ mắt cá chân trở lên.

8.9 Mất bàn tay

Là tình trạng bàn tay bị mất (cụt) hoàn toàn tất cả xương đốt bàn tay.

8.10 Mất bàn chân

Là tình trạng bàn chân bị mất (cụt) hoàn toàn tất cả xương đốt bàn chân.

8.11 Mất vĩnh viễn thính lực

Là tình trạng mất thính lực trên 90 dB với các tần số âm thanh là 500 Hz, 1000 Hz và 2000 Hz. Chẩn đoán phải được xác định dựa trên cơ sở kết quả đo thính lực đồ và các thử nghiệm ngưỡng âm thanh được thực hiện và xác định bởi bác sĩ chuyên khoa tai mũi họng.

8.12 Gãy xương

Là tình trạng gãy hoàn toàn hoặc vỡ của xương hoặc gãy lìa toàn bộ mặt cắt của xương, nhưng không bao gồm các trường hợp Nứt xương hay Gãy cành tươi. Chẩn đoán Gãy xương phải được Bác sĩ xác nhận căn cứ vào kết quả chụp X-quang, hoặc chụp CT hoặc MRI.

8.13 Nứt xương

Là một đường gãy mảnh (trên phim X-quang hoặc hình ảnh chụp CT hoặc MRI) giữa 2 mảnh của 1 xương nhưng các mảnh xương vẫn dính liền với nhau và đường gãy này không kéo dài hết chiều ngang của xương.

8.14 Gãy cành tươi

Là tình trạng xương bị gãy ngang phần vỏ, kéo dài vào phần giữa và hướng xuống trục dọc của xương mà không gãy lìa sang phần vỏ xương đối diện.

8.15 Cơ sở y tế

Là tổ chức được thành lập hợp pháp và hoạt động theo luật của nước sở tại nơi tổ chức này đặt cơ sở, có giấy phép hoạt động và đáp ứng được các yêu cầu sau:

- a. hoạt động liên tục 24 giờ trong ngày nhằm cung cấp dịch vụ khám, chẩn đoán và điều trị cho người bị bệnh, thương tích;
- b. có đầy đủ năng lực và phương tiện để thực hiện các ca phẫu thuật y khoa và hoạt động điều trị nội trú;

- c. có lưu giữ đầy đủ bệnh án và hồ sơ của bệnh nhân theo tiêu chuẩn quy định của cơ quan có thẩm quyền.

8.16 Phòng khám

Là một khoa của Cơ sở y tế hoặc một cơ sở khám chữa bệnh được thành lập và hoạt động theo luật của nước sở tại nơi tổ chức này đặt cơ sở; hoạt động với mục đích chủ yếu là khám và điều trị ngoại trú.

8.17 Bác sĩ

Là người có bằng bác sĩ trong lĩnh vực Tây y hoặc Đông y được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thực hành nghề y hợp pháp trong phạm vi đào tạo chuyên ngành và phạm vi giấy phép theo luật pháp của nước sở tại nơi người đó hành nghề. Bác sĩ không được đồng thời là:

- a. Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Người thụ hưởng; hoặc
- b. Vợ/chồng, con, anh chị em ruột, cha mẹ, ông bà, cháu, cha dượng, mẹ kế của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng.

8.18 Người được bảo hiểm

Là cá nhân đang cư trú tại Việt Nam, từ 30 ngày Tuổi đến 65 Tuổi tại ngày Bảo hiểm bổ trợ bắt đầu có hiệu lực và được Generali chấp thuận bảo hiểm theo Điều khoản bổ trợ này.

Tuổi tối đa của Người được bảo hiểm khi kết thúc thời hạn của Bảo hiểm bổ trợ là 75 Tuổi.

8.19 Số tiền bảo hiểm

Là số tiền do Bên mua bảo hiểm yêu cầu bảo hiểm và được Generali chấp thuận bảo hiểm theo Điều khoản bổ trợ này. Số tiền bảo hiểm được thể hiện tại Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc văn bản xác nhận của Generali hoặc văn bản thỏa thuận giữa Generali và Bên mua bảo hiểm (nếu có).



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ GENERALI VIỆT NAM

TOÀ NHÀ GENERALI PLAZA
43-45 Tú Xương, P. Võ Thị Sáu,
Quận 3, TP.HCM

TOÀ NHÀ GENTOWER HÀ NỘI
14 Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

TOÀ NHÀ GENTOWER ĐÀ NẴNG
386 Hoàng Diệu, P. Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

 1900 96 96 75

 www.generali.vn

 info@generali-life.com.vn

QUY TẮC VÀ ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM BỔ TRỢ

BẢO HIỂM BỆNH HIỂM NGHÈO CHI TRẢ NHIỀU LẦN

ĐÍNH KÈM SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ - PHIÊN BẢN 2

(Được phê chuẩn theo Công văn số 3407/BTC - QL BH ngày 02/04/2021 của Bộ Tài chính)



Bảo hiểm bổ trợ **Bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần** này được đính kèm sản phẩm bảo hiểm chính (Bảo hiểm Liên kết đơn vị - Phiên bản 2) để bảo hiểm cho (những) người có quyền lợi có thể được bảo hiểm với Bên mua bảo hiểm, trong trường hợp Bên mua bảo hiểm có yêu cầu và được Generali chấp thuận.

Quy tắc và điều khoản của bảo hiểm bổ trợ này (sau đây gọi tắt là “Điều khoản bổ trợ”) là thỏa thuận giữa **Generali** và **Bên mua bảo hiểm** về Bảo hiểm bổ trợ và là một phần của Hợp đồng.

Trong Điều khoản bổ trợ này, các thuật ngữ được viết hoa nhưng không được định nghĩa sẽ được hiểu theo quy định của Quy tắc và điều khoản của sản phẩm bảo hiểm chính (sau đây gọi tắt là “Điều khoản chính”). Quy định của điều khoản chính được áp dụng đối với Bảo hiểm bổ trợ này theo nguyên tắc:

- Nếu có mâu thuẫn giữa Điều khoản bổ trợ với Điều khoản chính, quy định của Điều khoản bổ trợ sẽ được ưu tiên áp dụng.
- Nếu Điều khoản bổ trợ không có quy định về một vấn đề mà vấn đề đó đã được quy định tại Điều khoản chính thì quy định của Điều khoản chính sẽ được áp dụng.

Điều 1. Quyền lợi bảo hiểm

Trong thời gian Bảo hiểm bổ trợ này có hiệu lực, Generali chi trả những quyền lợi bảo hiểm sau:

1.1 Bệnh hiểm nghèo dành cho trẻ em

Generali sẽ chi trả 25% Số tiền bảo hiểm (nhưng không vượt quá 500 triệu đồng) khi Người được bảo hiểm được Chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo (là Bệnh hiểm nghèo dành cho trẻ em theo quy định tại Phụ lục II của Điều khoản bổ trợ) trước Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt 18 Tuổi.

Quyền lợi này được chi trả một lần duy nhất trong suốt thời hạn của Bảo hiểm bổ trợ này.

Trường hợp Người được bảo hiểm tham gia nhiều hơn một hợp đồng bảo hiểm/bảo hiểm bổ trợ/quyền lợi bảo hiểm mở rộng Bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần, tổng số tiền chi trả cho Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo dành cho trẻ em phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm/bảo hiểm bổ trợ/quyền lợi bảo hiểm mở rộng này sẽ không vượt quá 500 triệu đồng.

1.2 Biến chứng bệnh tiểu đường

Generali sẽ chi trả 25% Số tiền bảo hiểm (nhưng không vượt quá 500 triệu đồng) khi Người được bảo hiểm được Chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo (là Biến chứng bệnh tiểu đường theo quy định tại Phụ lục III của Điều khoản bổ trợ) từ Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt 18 Tuổi.

Quyền lợi này được chi trả một lần duy nhất trong suốt thời hạn của Bảo hiểm bổ trợ này.

Trường hợp Người được bảo hiểm tham gia nhiều hơn một hợp đồng bảo hiểm/bảo hiểm bổ trợ/quyền lợi bảo hiểm mở rộng Bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần, tổng số tiền chi trả cho Quyền lợi Biến chứng bệnh tiểu đường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm/bảo hiểm bổ trợ/quyền lợi bảo hiểm mở rộng này sẽ không vượt quá 500 triệu đồng.

1.3 Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu

Generali sẽ chi trả 25% Số tiền bảo hiểm (nhưng không vượt quá 500 triệu đồng) khi Người được bảo hiểm được Chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo (là Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu theo quy định tại Phụ lục IV của Điều khoản bổ trợ) và thỏa các điều kiện sau:

- Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu của Người được bảo hiểm thuộc 01 trong 05 Nhóm Bệnh hiểm nghèo quy định tại Phụ lục I của Điều khoản bồi trợ và không thuộc Nhóm Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu đã được chi trả trước đó; và
- Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu không liên quan trực tiếp hoặc không xuất phát từ cùng nguyên nhân gây ra Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu và/hoặc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau đã được chi trả trước đó.

Quyền lợi này được chi trả cho tối đa 02 Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu.

Trường hợp Người được bảo hiểm tham gia nhiều hơn một hợp đồng bảo hiểm/bảo hiểm bồi trợ/quyền lợi bảo hiểm mở rộng Bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần, tổng số tiền chi trả cho mỗi Bệnh hiểm nghèo của Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm/bảo hiểm bồi trợ/quyền lợi bảo hiểm mở rộng này sẽ không vượt quá 500 triệu đồng.

1.4 Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau

Generali sẽ chi trả Số tiền bảo hiểm khi Người được bảo hiểm được Chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo (là Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau theo quy định tại Phụ lục V của Điều khoản bồi trợ) và thỏa các điều kiện sau:

- Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau của Người được bảo hiểm phải thuộc 01 trong 05 Nhóm Bệnh hiểm nghèo quy định tại Phụ lục I của Điều khoản bồi trợ và không thuộc (các) Nhóm Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau đã được chi trả trước đó; và
- Khoảng thời gian tối thiểu giữa (các) lần Chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo liên tiếp nhau là 12 tháng.

Bảo hiểm bồi trợ chấm dứt hiệu lực khi Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau được chấp thuận chi trả lần thứ năm.

Generali chỉ chi trả một trong các Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo theo quy định tại Điều 1.1, Điều 1.2, Điều 1.3, Điều 1.4, tùy theo quyền lợi nào cao nhất nếu có nhiều hơn 01 Bệnh hiểm nghèo được chẩn đoán trong cùng một lần Chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo hoặc trong cùng một ngày Tai nạn xảy ra hoặc phẫu thuật được thực hiện, cho dù các Bệnh hiểm nghèo này có thể đang ở các giai đoạn, tình trạng hoặc hình thái bệnh khác nhau.

Điều 2. Các trường hợp ngoại trừ

Generali sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm quy định tại Điều 1, nếu:

- a. Người được bảo hiểm tử vong trong vòng 14 ngày kể từ ngày được Chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo; hoặc
- b. Bệnh hiểm nghèo có triệu chứng hoặc dấu hiệu hoặc được chẩn đoán:
- trước ngày Bảo hiểm bổ trợ bắt đầu có hiệu lực, hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy vào ngày nào đến sau; hoặc
 - trong vòng 90 ngày kể từ ngày Bảo hiểm bổ trợ bắt đầu có hiệu lực, hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy vào ngày nào đến sau, (quy định này không áp dụng đối với trường hợp Bệnh hiểm nghèo là hậu quả của Tai nạn và Người được bảo hiểm được Chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo trong vòng 90 ngày kể từ ngày Tai nạn xảy ra).
- c. Người được bảo hiểm được Chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo vì một trong những nguyên nhân hoặc trong trường hợp sau:
- Tự tử, mưu toan tự tử hoặc tự gây ra thương tích, trong tình trạng tỉnh táo hoặc mất trí, trong vòng 02 năm kể từ ngày Bảo hiểm bổ trợ bắt đầu có hiệu lực hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy vào ngày nào đến sau;
 - Hành vi phạm tội của Người được bảo hiểm và/hoặc Người thụ hưởng và/hoặc Bên mua bảo hiểm.
 - Bệnh phát sinh liên quan đến Tình trạng y tế có trước, ngoại trừ Tình trạng y tế có trước được kê khai trên hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và được Generali chấp nhận;
 - Bệnh phát sinh liên quan đến dị tật bẩm sinh;
 - Sử dụng thuốc mà không theo chỉ định của bác sĩ, sử dụng bất kỳ loại chất gây nghiện, ma túy, chất độc, thuốc kích thích;
 - Điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn;
 - Hành vi cố ý vi phạm pháp luật của Người được bảo hiểm.

Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm, Generali sẽ không chi trả phần tăng thêm của Số tiền bảo hiểm nếu:

- Người được bảo hiểm có triệu chứng hoặc dấu hiệu hoặc được Chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo trước hoặc trong vòng 90 ngày kể từ ngày yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm được Generali chấp thuận bằng văn bản; hoặc
- Người được bảo hiểm được Chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo do tự tử, mưu toan tự tử hoặc tự gây ra thương tích trong tình trạng tỉnh táo hoặc mất trí, trong vòng 02 năm kể từ ngày yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm được Generali chấp thuận bằng văn bản.

Điều 3. Thủ tục giải quyết quyền lợi

Bên mua bảo hiểm hoặc người có quyền nhận quyền lợi bảo hiểm nộp cho Generali các chứng từ bằng tiếng Việt như sau:

- a. Giấy yêu cầu giải quyết quyền lợi được khai đầy đủ, chính xác;
- b. Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu của người có quyền nhận quyền lợi bảo hiểm;
- c. Bảng chứng về quyền nhận quyền lợi: giấy tờ chứng minh mối quan hệ với Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm, văn bản thỏa thuận phân chia/khai nhận di sản thừa kế, di chúc, văn bản cử người đại diện nhận quyền lợi;
- d. Bảng chứng về Sự kiện bảo hiểm: chứng từ chứng minh Người được bảo hiểm được Chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo theo định nghĩa Bệnh hiểm nghèo quy định tại Điều khoản bổ trợ này.
- e. Bảng chứng về nguyên nhân của Sự kiện bảo hiểm:
 - Biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận điều tra của cơ quan có thẩm quyền, biên bản tai nạn, tường trình tai nạn, nếu Sự kiện bảo hiểm xảy ra do Tai nạn;
 - Giấy ra viện và tóm tắt bệnh án (nếu có nằm viện), giấy chứng nhận phẫu thuật (nếu có phẫu thuật), hồ sơ khám, kết quả xét nghiệm, chẩn đoán và điều trị từ bất kỳ bác sĩ và/hoặc cơ sở y tế nào mà Người được bảo hiểm đã đến khám và điều trị;
 - Biên bản khám nghiệm tử thi (nếu có).

Generali có quyền yêu cầu Bên mua bảo hiểm hoặc người có quyền nhận quyền lợi bảo hiểm thực hiện công chứng, chứng thực hợp pháp hóa lãnh sự các giấy tờ, bảng chứng nêu trên (bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt). Chi phí cho việc cung cấp các giấy tờ này sẽ do Bên mua bảo hiểm hoặc người có quyền nhận quyền lợi bảo hiểm chịu trách nhiệm.

Trường hợp có tranh chấp xảy ra, Generali có quyền yêu cầu giám định y khoa đối với Người được bảo hiểm tại các cơ quan giám định/chuyên viên giám định được Generali chỉ định hoặc chấp thuận, chi phí cho việc giám định y khoa do Generali chi trả. Kết quả giám định y khoa là cơ sở để Generali xem xét giải quyết quyền lợi bảo hiểm.

Điều 4. Thời hạn bảo hiểm

Thời hạn của Bảo hiểm bổ trợ này có thể từ 05 năm đến 30 năm (tùy theo lựa chọn của Bên mua bảo hiểm và Tuổi của Người được bảo hiểm) và được thể hiện tại Giấy chứng nhận bảo hiểm, văn bản xác nhận của Generali hoặc văn bản thỏa thuận giữa Generali và Bên mua bảo hiểm (nếu có).

Điều 5. Chấm dứt Bảo hiểm bổ trợ

Bảo hiểm bổ trợ chấm dứt hiệu lực theo một trong những trường hợp sau, tùy trường hợp nào xảy ra trước:

- Kết thúc Thời hạn của Bảo hiểm bổ trợ này;
- Trường hợp quy định tại Điều 1.4 của Điều khoản bổ trợ này;
- Người được bảo hiểm tử vong;
- Hợp đồng chấm dứt;
- Bên mua bảo hiểm yêu cầu chấm dứt Bảo hiểm bổ trợ;
- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật, của Điều khoản bổ trợ này.

Điều 6. Định nghĩa

6.1 Bác sĩ

Là người có bằng bác sĩ trong lĩnh vực Tây y được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoặc thừa nhận được hành nghề y hợp pháp trong phạm vi đào tạo chuyên ngành và phạm vi giấy phép theo Luật pháp của nước sở tại tại nơi người đó hành nghề. Bác sĩ không được đồng thời là:

- a. Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Người thụ hưởng; hoặc
- b. Vợ/chồng hợp pháp, con, anh chị em ruột, cha mẹ, ông bà, cháu, cha dượng, mẹ kế của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Người thụ hưởng.

6.2 Bệnh hiểm nghèo

Bao gồm Bệnh hiểm nghèo dành cho trẻ em, Biến chứng bệnh tiểu đường, Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu và Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau theo nhóm bệnh được quy định tại Phụ lục I của Điều khoản bổ trợ này.

6.3 Chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo

Là chẩn đoán sau cùng của một hay nhiều Bệnh hiểm nghèo được thực hiện bởi Bác sĩ hoặc nhóm Bác sĩ chuyên khoa của bệnh viện.

Kết quả Chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo được chấp nhận nếu đáp ứng các điều kiện tại định nghĩa Bệnh hiểm nghèo theo quy định tại Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV và Phụ lục V, dựa trên những bằng chứng y khoa của Người được bảo hiểm do người có quyền nhận quyền lợi bảo hiểm cung cấp. Generali có thể yêu cầu Người được bảo hiểm tiến hành những xét nghiệm khác nếu cần thiết.

Trong trường hợp xảy ra tranh chấp trên kết quả chẩn đoán, Generali có thể yêu cầu Người được bảo hiểm tiến hành xét nghiệm y khoa tại một trung tâm xét nghiệm độc lập theo thoả thuận giữa Generali và người có quyền nhận quyền lợi bảo hiểm. Generali và người có quyền nhận quyền lợi bảo hiểm phải tuân theo kết quả xét nghiệm sau cùng này. Mọi chi phí cho việc tiến hành xét nghiệm y khoa trong trường hợp tranh chấp theo yêu cầu của Generali sẽ do Generali chịu trách nhiệm.

6.4 Tình trạng y tế có trước

Là:

- Triệu chứng, dấu hiệu bất thường về tình trạng sức khỏe của Người được bảo hiểm khởi phát trong vòng 12 tháng trước ngày bắt đầu có hiệu lực của Bảo hiểm bổ trợ hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy vào ngày nào đến sau, mà nếu biết được các triệu chứng, dấu hiệu bất thường này Generali: i) không chấp thuận bảo hiểm, hoặc ii) chấp thuận bảo hiểm với mức phí tăng thêm, hoặc iii) áp dụng loại trừ bảo hiểm, hoặc iv) không chấp thuận khôi phục hiệu lực của Bảo hiểm bổ trợ; hoặc
- Tình trạng bệnh tật hoặc thương tật của Người được bảo hiểm đã được khám, xét nghiệm, tư vấn y khoa, chẩn đoán hay điều trị trước ngày bắt đầu có hiệu lực của Bảo hiểm bổ trợ hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy vào ngày nào đến sau.

Thông tin sức khỏe được lưu giữ tại cơ sở y tế, hồ sơ y tế hoặc lời khai của Người được bảo hiểm/Bên mua bảo hiểm được xem là bằng chứng đầy đủ và hợp pháp về Tình trạng y tế có trước.

6.5 Chức năng sinh hoạt hàng ngày

Bao gồm 06 chức năng sau:

- Tắm rửa: là khả năng tắm rửa trong bồn tắm hoặc dưới vòi sen (bao gồm việc bước vào và bước ra khỏi bồn tắm, phòng tắm) hoặc tắm rửa bằng các phương tiện khác.

- Mặc quần áo: là khả năng mặc và cởi quần áo hay các trang phục khác, mang và tháo các loại niềng răng, chân tay giả hay những thiết bị y tế tương tự.
- Dịch chuyển: là khả năng di chuyển từ giường ra ghế hay vào xe lăn, và ngược lại.
- Đi lại: là khả năng di chuyển trong nhà, từ phòng này qua phòng khác cùng một mặt bằng.
- Tiêu, tiểu: là khả năng kiểm soát chức năng tiêu, tiểu để đảm bảo vệ sinh cá nhân.
- Ăn uống: là khả năng tự đưa thức ăn đã được chuẩn bị sẵn vào miệng.

6.6 Người được bảo hiểm

Là cá nhân đang cư trú tại Việt Nam, từ 30 ngày Tuổi đến 60 Tuổi tại ngày hiệu lực của Bảo hiểm bổ trợ, và được Generali chấp thuận bảo hiểm theo Điều khoản bổ trợ này. Tuổi tối đa của Người được bảo hiểm khi kết thúc Thời hạn bảo hiểm của Bảo hiểm bổ trợ này là 75 Tuổi.

6.7 Số tiền bảo hiểm

Là số tiền do Bên mua bảo hiểm yêu cầu bảo hiểm và được Generali chấp thuận bảo hiểm theo Điều khoản bổ trợ này. Số tiền bảo hiểm được thể hiện tại Giấy chứng nhận bảo hiểm, văn bản xác nhận của Generali hoặc văn bản thỏa thuận giữa Generali và Bên mua bảo hiểm (nếu có).

PHỤ LỤC





PHỤ LỤC I

Danh sách bệnh hiểm nghèo được bảo hiểm

Biến chứng bệnh tiểu đường	Bệnh hiểm nghèo dành cho trẻ em	
1. Bệnh vồng mạc do tiểu đường 2. Bệnh thận do tiểu đường 3. Cụt chi do tiểu đường	1. Bệnh Wilson 2. Bệnh Tay – Chân – Miệng với các biến chứng nặng (đe dọa tính mạng) 3. Bệnh tiểu đường phụ thuộc Insulin (Tiểu đường tuýp 1) 4. Bệnh Kawasaki với các biến chứng tim 5. Bệnh xương thủy tinh 6. Sốt thấp khớp có biến chứng van tim	7. Bệnh Hemophilia thể nặng 8. Sốt xuất huyết Dengue 9. Viêm khớp mạn tính hệ thống ở trẻ em (Bệnh Still ở trẻ em) 10. Chứng tự kỷ thể nặng 11. Hội chứng thận hư tái phát thể nặng 12. Bệnh bạch hầu đường hô hấp
Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu và Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau theo nhóm bệnh		
Nhóm bệnh	35 Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	61 Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau
1. Ung thư	1. Ung thư biểu mô tại chỗ 2. Ung thư giai đoạn sớm của một số cơ quan	1. Ung thư
2. Tạng chủ	3. Phẫu thuật cắt bỏ một thận 4. Ghép ruột non 5. Phẫu thuật cắt một bên phổi 6. Phẫu thuật gan 7. Phẫu thuật tái tạo đường mật 8. Ghép giác mạc 9. Hen suyễn nặng 10. Xơ gan 11. Thiếu máu bất sản có khả năng hồi phục	2. Suy thận 3. Phẫu thuật ghép tạng chủ 4. Bệnh phổi giai đoạn cuối 5. Nang tủy thận 6. Viêm gan siêu vi thể tối cấp 7. Suy gan giai đoạn cuối 8. Thiếu máu bất sản 9. Viêm tụy mãn tái phát 10. Viêm gan tự miễn mãn tính
3. Hệ tuần hoàn (tim và mạch máu)	12. Đặt máy tạo nhịp tim 13. Đặt máy khử rung tim	11. Nhồi máu cơ tim 12. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành

	14. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành trực tiếp xâm lấn tối thiểu (MIDCAB) 15. Phẫu thuật động mạch chủ xâm lấn tối thiểu 16. Tạo hình van tim hoặc nong van tim qua da 17. Cắt màng ngoài tim 18. Đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ 19. Tăng áp động mạch phổi giai đoạn sớm 20. Phồng động mạch chủ nặng không có triệu chứng	13. Phẫu thuật thay van tim 14. Phẫu thuật động mạch chủ 15. Tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát 16. Bệnh cơ tim 17. Hội chứng Eisenmenger 18. Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn
4. Hệ thần kinh Cơ xương khớp	21. Phẫu thuật đặt dẫn lưu não thất 22. Phẫu thuật cắt u tuyến yên 23. Loãng xương có gãy xương 24. Bệnh tủy sống hoặc chấn thương tủy sống dẫn tới rối loạn chức năng bàng quang và ruột 25. Phẫu thuật huyết khối xoang hang 26. Viêm tủy sống do lao 27. Động kinh nặng 28. Parkinson thể trung bình	19. Hôn mê 20. Đột quỵ 21. Bệnh Alzheimer 22. Bệnh Parkinson 23. Bệnh xơ cứng rải rác 24. Viêm não 25. Chấn thương sọ não nặng 26. Phẫu thuật sọ não 27. Bệnh teo cơ tủy (SMA) 28. Bệnh xơ cứng cột bên teo cơ 29. Viêm màng não do vi khuẩn 30. U não lành tính 31. Bệnh bại liệt 32. Cụt chi 33. Liệt chi 34. Bệnh loạn dưỡng cơ 35. Bệnh nhược cơ 36. Loãng xương nặng 37. Tổn thương đa rễ đám rối thần kinh cánh tay 38. Bệnh Creutzfeldt-Jakob (Bò điên) 39. Bệnh lao màng não 40. Gãy cột sống do Tai nạn 41. Phình mạch não bắt buộc phải phẫu thuật 42. Hội chứng Apallic 43. Liệt trên nhân tiến triển 44. Liệt hành não tiến triển

5. Nhóm Bệnh hiểm nghèo khác	29. Mất thị lực 01 mắt 30. Bỏng không nghiêm trọng 31. Mất 01 chi 32. Phẫu thuật cấy ốc tai 33. Mất chức năng 01 chi và mất thị lực 01 mắt 34. Viêm võng mạc sắc tố 35. Viêm khớp dạng thấp thể trung bình	45. Bỏng nặng 46. Lupus ban đỏ hệ thống có biến chứng thận 47. Mù 48. Mất khả năng nói 49. Mất thính lực 50. Viêm đa khớp dạng thấp thể nặng 51. U tủy thượng thận 52. Xơ cứng bì tiến triển 53. Nhiễm HIV do truyền máu 54. Nhiễm HIV do nghề nghiệp 55. Suy thượng thận mãn tính 56. Viêm cân mạc hoại tử 57. Viêm loét đại tràng có phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng 58. Bệnh Crohn có đường rò 59. Phẫu thuật vẹo cột sống tự phát 60. Sốt xuất huyết Ebola 61. Bệnh phù chân voi
-------------------------------------	--	---

Định nghĩa chi tiết về các bệnh của Bệnh hiểm nghèo dành cho trẻ em, Biến chứng bệnh tiểu đường, Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu và Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau theo nhóm bệnh được quy định tương ứng tại Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV và Phụ lục V.



PHỤ LỤC II

Định nghĩa bệnh hiểm nghèo dành cho trẻ em

1. Bệnh Wilson

Là bệnh rối loạn chuyển hóa đồng do đột biến gen, gây tình trạng nhiễm độc đồng nghiêm trọng, đặc trưng bởi tổn thương gan tiến triển và/hoặc tổn thương thần kinh do sự tích tụ đồng.

Bệnh được Bác sĩ chuyên khoa chẩn đoán xác định và có hồ sơ y tế điều trị bằng chất thải đồng trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng.

2. Bệnh Tay – Chân – Miệng với các biến chứng nặng (đe dọa tính mạng)

Là bệnh truyền nhiễm, gây ra bởi vi-rút Cocksackie (A16) và Enterovirus (EV71), đặc trưng bởi các vết loét hay phỏng nước và/hoặc phát ban lan rộng.

Cho mục đích của Bảo hiểm bổ trợ này, bệnh phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Bệnh nặng, có các biến chứng như viêm não và/hoặc viêm cơ tim;
- Kết quả phân lập vi-rút gây bệnh dương tính;
- Gây tổn thương thần kinh, và bằng chứng về tổn thương thần kinh phải được xác định không sớm hơn 30 ngày sau khi được chẩn đoán bệnh.

3. Bệnh tiểu đường phụ thuộc Insulin (Tiểu đường tuýp 1)

Là bệnh tiểu đường phụ thuộc Insulin, đặc trưng bởi các dấu hiệu uống nhiều, tiểu nhiều, đói nhiều, sụt cân, thiếu hụt Insulin, nhiễm toan Ketone từng đợt và có sự phá hủy tế bào Beta tuyến tụy qua cơ chế trung gian miễn dịch.

Bệnh được Bác sĩ chuyên khoa Nhi/Bác sĩ chuyên khoa Nội tiết chẩn đoán xác định và chỉ định điều trị bằng liệu pháp Insulin và chế độ ăn kiêng phù hợp. Đồng thời tình trạng phụ thuộc vào liệu pháp Insulin phải kéo dài ít nhất 06 tháng.

Bệnh Tiểu đường tuýp 2 không thuộc phạm vi bảo hiểm của Bảo hiểm bổ trợ này.

4. Bệnh Kawasaki với các biến chứng tim

Bệnh được Bác sĩ chuyên khoa Nhi và Bác sĩ chuyên khoa Tim mạch nhi chẩn đoán xác định, bằng các xét nghiệm phù hợp, với tình trạng sốt kéo dài hơn 04 ngày, và có ít nhất 04 trong các dấu hiệu thực thể sau:

- Viêm kết mạc hai bên;
- Thay đổi khoang miệng: Ban đỏ ở môi và khoang họng, nứt môi, “lưỡi dâu tây”;
- Thay đổi ở ngoại vi: Phù, ban đỏ, bong tróc quanh móng hoặc toàn thân;
- Ban đỏ đa dạng;
- Hạch cổ to.

Đồng thời, Người được bảo hiểm phải được chỉ định điều trị bằng Salicylate và Gammaglobulins đường tĩnh mạch.

Ngoài ra, phải có bằng chứng xét nghiệm cho thấy có tổn thương giãn hay phình động mạch vành và tình trạng tổn thương đó phải kéo dài ít nhất 06 tháng sau đợt bệnh cấp đầu tiên.

5. Bệnh xương thủy tinh

Là một khiếm khuyết di truyền làm cho xương loãng, giòn và dễ gãy.

Người được bảo hiểm được Bác sĩ chuyên khoa chẩn đoán xác định mắc bệnh xương thủy tinh tuýp III và đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Kết quả khám sức khỏe thực hiện bởi Bác sĩ chuyên khoa xác nhận tình trạng chậm tăng trưởng và thính lực kém;
- X-quang cho thấy tổn thương gãy nhiều xương và vẹo cột sống nặng tiến triển;
- Kết quả sinh thiết da dương tính.

6. Sốt thấp khớp có biến chứng van tim

Bệnh được Bác sĩ chuyên khoa chẩn đoán xác định dựa trên Bảng tiêu chuẩn chẩn đoán thấp tim của Jone đã sửa đổi.

Bệnh phải dẫn đến tổn thương 01 hoặc nhiều van tim và hở van từ mức độ nhẹ trở lên. Tổn thương van tim do sốt thấp khớp phải được xác nhận bởi Bác sĩ chuyên khoa Tim mạch dựa trên các xét nghiệm định tính chức năng van tim, và tổn thương phải kéo dài ít nhất 06 tháng kể từ khi được chẩn đoán.

7. Bệnh Hemophilia thể nặng

Là bệnh Hemophilia thể nặng có xuất huyết tự nhiên và xét nghiệm yếu tố VIII hoặc yếu tố IX dưới 1%. Bệnh được chẩn đoán xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Huyết học.

8. Sốt xuất huyết Dengue

Là sốt xuất huyết Dengue độ III hoặc độ IV theo phân loại của Tổ chức Y tế Thế giới, có hội chứng sốc Dengue và nhiễm khuẩn Dengue, và có kết quả xét nghiệm huyết thanh dương tính với Dengue.

Ngoài ra, bệnh phải có tất cả các dấu hiệu sau:

- Sốt cao liên tục từ 02 ngày trở lên;
- Biểu hiện xuất huyết (ví dụ như nghiệm pháp dây thắt dương tính; đốm xuất huyết, nốt xuất huyết, xuất huyết; chảy máu từ niêm mạc miệng, đường tiêu hóa, vị trí tiêm hoặc các vị trí khác; nôn ra máu, đi ngoài ra máu);
- Tiểu cầu giảm ($\leq 100.000/\text{mm}^3$);
- Bằng chứng của sự thoát huyết tương (ví dụ như tràn dịch màng phổi, tràn dịch màng bụng, giảm Albumin trong huyết thanh..);
- Bằng chứng về suy tuần hoàn, biểu hiện:
 - Hạ huyết áp (huyết áp tâm thu $< 80\text{mmHg}$) hoặc huyết áp kẹt (hiệu số giữa huyết áp tâm thu với huyết áp tâm trương $< 20\text{ mmHg}$); và
 - Các bằng chứng về giảm tưới máu mô như da lạnh, ẩm, giảm niệu hoặc nhiễm toan chuyển hóa.

9. Viêm khớp mạn tính hệ thống ở trẻ em (Bệnh Still ở trẻ em)

Là một thể viêm khớp mãn tính ở trẻ em, có đặc điểm sốt cao và các dấu hiệu của bệnh hệ thống xuất hiện có thể hàng tháng trước khi có biểu hiện viêm khớp.

Bệnh được Bác sĩ chuyên khoa Thấp nhi chẩn đoán xác định, có hồ sơ y tế ghi nhận diễn tiến mạn tính trong ít nhất 06 tháng. Ngoài ra, bệnh phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Đặc trưng bởi các biểu hiện sốt cao thành cơn trong ngày, xuất hiện ban nhanh bay, viêm khớp, lách to, hạch to, viêm màng thanh dịch, sụt cân;
- Xét nghiệm máu có tăng bạch cầu trung tính, tăng acute phase protein (APP), và kết quả xét nghiệm kháng thể kháng nhân (ANA) và yếu tố dạng thấp (RF) âm tính.

10. Chứng tự kỷ thể nặng

Là chứng tự kỷ (hay Rối loạn phổ tự kỷ) mức độ nặng ở trẻ từ 05 tuổi trở lên, được Bác sĩ chuyên khoa chẩn đoán xác định, và tiến triển liên tục trong ít nhất 06 tháng sau khi được chẩn đoán.

Ngoài ra, phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- a. Người được bảo hiểm đang được điều trị bằng liệu pháp hành vi, liệu pháp hoạt động, liệu pháp ngôn ngữ, can thiệp tâm lý hoặc giáo dục đặc biệt tại một cơ sở trị liệu được công nhận dành cho trẻ tự kỷ;
- b. Tất cả các tiêu chuẩn chẩn đoán sau đây (dựa trên Sổ tay Thống kê và Chẩn đoán Các Rối loạn Tâm thần DSM-5) được thực hiện, và được chứng nhận bởi Bác sĩ chuyên khoa điều trị cho Người được bảo hiểm.
 - Khiếm khuyết thường xuyên trong giao tiếp xã hội và tương tác xã hội tại nhiều ngữ cảnh, biểu hiện: khiếm khuyết nghiêm trọng về kỹ năng giao tiếp xã hội bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, gây ra những hạn chế nghiêm trọng về hoạt động chức năng, về phát triển mối quan hệ xã hội tương ứng với lứa tuổi, và chỉ có đáp ứng ở mức tối thiểu với các tương tác xã hội.
 - Hành vi, mối quan tâm, hoạt động bị hạn chế và lặp đi lặp lại, biểu hiện:
 - Hành vi cứng nhắc không linh hoạt, đặc biệt khó khăn trong việc thích nghi với sự thay đổi, hành động bị giới hạn hoặc lặp đi lặp lại, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tất cả các hoạt động chức năng;
 - Căng thẳng quá mức, khó thay đổi mối quan tâm hoặc hành động.
 - Các triệu chứng trên xuất hiện từ giai đoạn phát triển sớm.
 - Các triệu chứng trên gây suy giảm nghiêm trọng các chức năng giao tiếp xã hội, hoạt động, và các lĩnh vực quan trọng khác.

Chứng tự kỷ được xác định do nguyên nhân liên quan đến các yếu tố y khoa, hoặc di truyền, hoặc môi trường (bao gồm các hội chứng di truyền, các rối loạn chuyển hóa, hội chứng thai nhi rượu...) không thuộc phạm vi bảo hiểm của Bảo hiểm bổ trợ này.

11. Hội chứng thận hư tái phát thể nặng

Là hội chứng thận hư, được chẩn đoán xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Nhi, và đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- a. Phù do mất protein qua thận;
- b. Albumin máu giảm $< 25 \text{ g/l}$;
- c. Protein niệu $> 150 \text{ mg/m}^2/\text{giờ}$ ($> 3,6 \text{ g/m}^2/\text{ngày}$) hoặc giá trị tương đương với các phương thức xét nghiệm khác;
- d. Có ít nhất 04 đợt tái phát hội chứng thận hư nặng với đầy đủ các điều kiện (a), (b) và (c) nêu trên xảy ra trong vòng 12 tháng kể từ đợt khởi phát, trong đó có ít nhất một đợt tái phát xảy ra trong vòng 09 tháng sau đợt khởi phát.

12. Bệnh bạch hầu đường hô hấp

Là bệnh cấp tính do vi khuẩn bạch hầu, được Bác sĩ chuyên khoa Nhi chẩn đoán xác định và đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- a. Bệnh đường hô hấp trên với biểu hiện sốt cao, hình thành giả mạc (lan rộng ở vòm họng, 02 amidan và thanh quản), hạch cổ sưng to;
- b. Cần thở máy;
- c. Xét nghiệm vi khuẩn bạch hầu (*Corynebacterium diphtheria*) dương tính tại mẫu bệnh phẩm họng, giả mạc;
- d. Được chỉ định điều trị bằng kháng độc tố bạch hầu;
- e. Xét nghiệm xác nhận sinh độc tố bạch hầu;
- f. Có bằng chứng viêm cơ tim.



PHỤ LỤC III

Định nghĩa biến chứng bệnh tiểu đường

1. Bệnh võng mạc do tiểu đường

Là bệnh võng mạc do tiểu đường có chỉ định cần thiết phải được điều trị bằng tia laser. Bệnh phải được xác định dựa trên kết quả chụp huỳnh quang đáy mắt. Đồng thời, chẩn đoán xác định và chỉ định điều trị phải được thực hiện bởi Bác sĩ chuyên khoa.

2. Bệnh thận do tiểu đường

Là bệnh thận do tiểu đường được chẩn đoán xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa với bằng chứng: chỉ số độ lọc cầu thận ước tính eGRF nhỏ hơn 30 ml/min/1.73 m², và protein niệu tiến triển nhiều hơn 300 mg/24 giờ.

3. Cụt chi do tiểu đường

Là tình trạng cắt cụt toàn bộ một cẳng chân/bàn chân/cánh tay/bàn tay để điều trị hoại tử do biến chứng của tiểu đường.



PHỤ LỤC IV

Định nghĩa bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu

Nhóm 1: Ung thư

1. Ung thư biểu mô tại chỗ

Là ung thư biểu mô tại chỗ của một trong các cơ quan sau: vú, tử cung, buồng trứng, ống dẫn trứng, âm hộ, âm đạo, cổ tử cung, dương vật, tinh hoàn, đại tràng, trực tràng, phổi, gan, dạ dày, vòm mũi họng, bàng quang.

Cho mục đích của Bảo hiểm bổ trợ này, ung thư biểu mô tại chỗ là sự phát triển mới của các tế bào ung thư biểu mô và chỉ giới hạn trong các tế bào mô gốc ban đầu của các tế bào ung thư mà chưa xâm lấn hoặc phá hủy các mô xung quanh, chưa có di căn hạch hay di căn các cơ quan khác. Chẩn đoán phải được xác định bằng kết quả mô bệnh học.

Các trường hợp sau không thuộc phạm vi bảo hiểm:

- Chỉ có chẩn đoán lâm sàng mà không có xác nhận bởi kết quả mô bệnh học;
- Loạn sản cổ tử cung, bao gồm CIN I, CIN II, và CIN III;
- Ung thư biểu mô tại chỗ của đường mật.

2. Ung thư giai đoạn sớm của một số cơ quan

- **Ung thư tuyến tiền liệt giai đoạn sớm:** Ung thư tuyến tiền liệt có kết quả mô bệnh học T1aN0M0 hoặc T1bN0M0 theo phân loại TNM, hoặc theo hình thức phân loại khác ở giai đoạn tương đương hoặc giai đoạn sớm hơn.
- **Ung thư tuyến giáp giai đoạn sớm:** Ung thư biểu mô vi thể dạng nhú của tuyến giáp có kết quả mô bệnh học T1N0M0 theo phân loại TNM, hoặc theo hình thức phân loại khác ở giai đoạn tương đương hoặc giai đoạn sớm hơn.
- **Ung thư bàng quang giai đoạn sớm:** Ung thư biểu mô vi thể dạng nhú của bàng quang có kết quả mô bệnh học TaN0M0 theo phân loại TNM, hoặc theo hình thức phân loại khác ở giai đoạn tương đương hoặc giai đoạn sớm hơn.

- **Bệnh bạch cầu lympho mạn giai đoạn sớm:** Bệnh bạch cầu lympho mạn (CLL) giai đoạn 01 hoặc 02 theo Hệ thống xếp giai đoạn theo RAI. CLL giai đoạn 0 hoặc thấp hơn theo Hệ thống xếp giai đoạn theo RAI không thuộc phạm vi bảo hiểm.
- **Ung thư tế bào hắc tố giai đoạn sớm:** Ung thư tế bào hắc tố xâm lấn có độ dày Breslow dưới 1,5mm, hoặc Mức 01 và Mức 02 theo Clark. Các ung thư tế bào hắc tố không xâm lấn có kết quả mô bệnh học là “tái chỗ” không thuộc phạm vi bảo hiểm.

Nhóm 2: Tạng chủ

3. Phẫu thuật cắt bỏ một thận

Là phẫu thuật cắt hoàn toàn 01 thận do bệnh hoặc tai nạn. Chỉ định phẫu thuật phải được Bác sĩ chuyên khoa Thận xác nhận là hoàn toàn cần thiết. Các trường hợp hiến thận không thuộc phạm vi bảo hiểm.

4. Ghép ruột non

Là việc nhận ghép ít nhất 01 mét ruột non cùng với nguồn cung cấp máu của đoạn ruột đó để điều trị suy ruột thông qua phẫu thuật mở ổ bụng.

5. Phẫu thuật cắt một bên phổi

Là phẫu thuật cắt hoàn toàn 01 bên phổi do bệnh hoặc tai nạn. Các trường hợp cắt một phần hoặc cắt thùy phổi không thuộc phạm vi bảo hiểm.

6. Phẫu thuật gan

Là phẫu thuật cắt bỏ ít nhất toàn bộ 01 thùy gan do bệnh hoặc tai nạn. Phẫu thuật này phải được Bác sĩ chuyên khoa xác nhận là hoàn toàn cần thiết.

Các trường hợp không thuộc phạm vi bảo hiểm: hiến gan, các trường hợp phẫu thuật để điều trị bệnh hoặc rối loạn có nguyên nhân liên quan đến lạm dụng đồ uống có cồn, hoặc sử dụng thuốc, hoặc sử dụng chất gây nghiện.

7. Phẫu thuật tái tạo đường mật

Là phẫu thuật nối mật ruột (nối ống mật chủ-hỗng tràng hoặc nối ống mật chủ-tá tràng) để điều trị các bệnh đường mật, bao gồm hẹp đường mật,

mà không thể điều trị bằng các phương thức phẫu thuật hoặc nội soi khác. Phẫu thuật phải được Bác sĩ chuyên khoa Gan mật xác nhận là phương thức điều trị thích hợp nhất.

Các trường hợp phẫu thuật để điều trị sỏi mật hoặc viêm đường mật không thuộc phạm vi bảo hiểm.

8. Ghép giác mạc

Là việc nhận ghép toàn bộ 01 giác mạc để điều trị mù do sẹo giác mạc vĩnh viễn mà không thể chữa trị được bằng các phương pháp khác.

9. Hen suyễn nặng

Là hen suyễn có cơn cấp tính nặng gây co thắt phế quản liên tục yêu cầu phải được nhập viện điều trị và hỗ trợ hô hấp bằng thở máy trong thời gian liên tục ít nhất 04 giờ. Bệnh phải được Bác sĩ chuyên khoa Hô hấp chẩn đoán xác định và chỉ định điều trị.

10. Xơ gan

Là tình trạng xơ hóa gan được xác nhận bằng kết quả mô bệnh học với chỉ số hoạt tính mô học theo hệ thống điểm HAI-Knodell từ 06 trở lên. Chẩn đoán xơ gan phải dựa trên kết luận mô bệnh học và được xác nhận bởi Bác sĩ chuyên khoa Gan.

Các trường hợp xơ gan do lạm dụng đồ uống có cồn, hoặc sử dụng thuốc, hoặc sử dụng chất gây nghiện không thuộc phạm vi bảo hiểm.

11. Thiếu máu bất sản có khả năng hồi phục

Là tình trạng suy tủy xương cấp tính và có khả năng hồi phục, gây ra thiếu 03 dòng máu hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu. Chẩn đoán phải dựa trên kết quả sinh thiết tủy xương và đồng thời phải đáp ứng được 02 trong 03 điều kiện sau:

- Số đếm tuyệt đối bạch cầu trung tính bằng hoặc nhỏ hơn $500/\text{mm}^3$ ($=/ < 500/\text{mm}^3$);
- Số đếm tuyệt đối hồng cầu lưới bằng hoặc nhỏ hơn $20.000/\text{mm}^3$ ($=/ < 20.000/\text{mm}^3$);
- Số lượng tiểu cầu bằng hoặc nhỏ hơn $20.000/\text{mm}^3$ ($=/ < 20.000/\text{mm}^3$).

Nhóm 3: Hệ tuần hoàn (tim và mạch máu)

12. Đặt máy tạo nhịp tim

Là việc đặt máy tạo nhịp tim vĩnh viễn để điều trị loạn nhịp tim nghiêm trọng mà không thể điều trị được bằng bất kỳ phương pháp nào khác, bao gồm việc đặt máy tạo nhịp tim trong liệu pháp tái đồng bộ tim. Việc đặt máy tạo nhịp tim phải được Bác sĩ chuyên khoa Tim mạch chỉ định và xác nhận là cần thiết về mặt y khoa.

13. Đặt máy khử rung tim

Là việc đặt máy khử rung tim vĩnh viễn để điều trị loạn nhịp tim nghiêm trọng mà không thể điều trị được bằng bất kỳ phương pháp nào khác. Việc đặt máy khử rung tim phải được Bác sĩ chuyên khoa Tim mạch chỉ định và xác nhận là cần thiết về mặt y khoa.

14. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành trực tiếp xâm lấn tối thiểu (MIDCAB)

Là phẫu thuật bắc cầu động mạch vành để điều trị tắc động mạch vành, được thực hiện bằng phương thức cổng truy cập, hoặc phẫu thuật bắc cầu động mạch vành trực tiếp xâm lấn tối thiểu (thực hiện cầu nối động mạch vành qua một đường rạch nhỏ ở ngực mà không mở xương ức). Các trường hợp can thiệp nội mạch và can thiệp động mạch vành qua da không thuộc phạm vi bảo hiểm.

15. Phẫu thuật động mạch chủ xâm lấn tối thiểu

Là phẫu thuật để sửa chữa phình, hẹp, tắc hoặc bóc tách động mạch chủ, được thực hiện bằng các kỹ thuật xâm lấn tối thiểu hoặc can thiệp nội mạch. Bệnh phải được xác định bằng kết quả siêu âm tim hay các kỹ thuật chẩn đoán thích hợp khác và phải được xác nhận bởi Bác sĩ chuyên khoa Tim mạch.

Cho mục đích của Bảo hiểm bổ trợ này, động mạch chủ chỉ bao gồm động mạch chủ ngực và động mạch chủ bụng, không bao gồm các nhánh của động mạch chủ.

16. Tạo hình van tim hoặc nong van tim qua da

Là thủ thuật đơn giản tạo hình van tim hoặc nong van tim bằng bóng qua da để sửa chữa các khiếm khuyết van tim. Bệnh phải được xác định bằng

kết quả siêu âm tim và chỉ định điều trị phải được xác nhận bởi Bác sĩ chuyên khoa Tim mạch.

Các hình thức phẫu thuật có liên quan đến mở lồng ngực hoặc rạch lồng ngực không thuộc phạm vi bảo hiểm.

17. Cắt màng ngoài tim

Là phẫu thuật cắt màng ngoài tim hoặc phẫu thuật “lỗ khóa” để điều trị bệnh màng ngoài tim. Chỉ định phẫu thuật phải được xác nhận là hoàn toàn cần thiết bởi Bác sĩ chuyên khoa Tim mạch.

18. Đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ

Là phẫu thuật đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ để điều trị thuyên tắc mạch phổi tái phát. Tình trạng thuyên tắc mạch phổi tái phát phải được chứng minh bằng hồ sơ y tế. Phương thức điều trị này phải được xác nhận là hoàn toàn cần thiết bởi Bác sĩ chuyên khoa.

19. Tăng áp động mạch phổi giai đoạn sớm

Là tình trạng tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát có dày thất phải dẫn đến suy tim từ Độ III trở lên theo Bảng phân loại suy tim của Hiệp hội Tim mạch New York. Chẩn đoán phải được xác định bằng thủ thuật thông tim thực hiện bởi Bác sĩ chuyên khoa Tim mạch.

Bảng phân loại suy tim của Hiệp hội Tim mạch New York:

- Độ I – Không hạn chế hoạt động thể lực. Hoạt động thể lực thông thường không gây ra mệt mỏi, khó thở hoặc đau ngực.
- Độ II – Hạn chế nhẹ hoạt động thể lực. Hoạt động thể lực thông thường gây ra mệt mỏi, khó thở hoặc đau ngực.
- Độ III – Hạn chế nhiều hoạt động thể lực. Hoạt động thể lực nhẹ dưới mức thông thường cũng gây ra mệt mỏi, khó thở hoặc đau ngực.
- Độ IV – Không có khả năng thực hiện bất kỳ hoạt động thể lực thông thường nào mà không thấy mệt mỏi, khó thở hoặc đau ngực. Các triệu chứng hiện diện một cách thường xuyên ngay cả khi nghỉ ngơi.

20. Phòng động mạch chủ diện rộng không có triệu chứng

Là tình trạng phòng hoặc bóc tách động mạch chủ bụng hoặc động mạch chủ ngực diện rộng được xác định bởi kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh tương ứng. Đường kính chỗ phòng hoặc bóc tách động mạch chủ phải lớn hơn 55mm và phải được xác nhận bởi Bác sĩ chuyên khoa Tim mạch.

Nhóm 4: Hệ Thần kinh – Cơ xương khớp

21. Phẫu thuật đặt dẫn lưu não thất

Là phẫu thuật đặt dẫn lưu não thất vĩnh viễn (ví dụ như dẫn lưu não thất ổ bụng, dẫn lưu não thất tâm nhĩ) để giảm áp lực não tủy. Chỉ định đặt dẫn lưu phải được xác nhận là hoàn toàn cần thiết bởi Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh.

22. Phẫu thuật cắt u tuyến yên

Là phẫu thuật cắt u tuyến yên qua xoang bướm hoặc qua mũi.

Khối u tuyến yên phải được xác định bởi các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh như chụp cắt lớp vi tính (CT scan) hoặc chụp cộng hưởng từ (MRI), và chỉ định phẫu thuật cắt u tuyến yên phải được Bác sĩ chuyên khoa Nội tiết xác định là hoàn toàn cần thiết.

23. Loãng xương có Gãy xương

Là tình trạng loãng xương gây gãy xương dưới tác động của chấn thương rất nhẹ và phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Gãy cổ xương đùi hoặc gãy ít nhất 02 thân đốt sống dưới tác động của chấn thương rất nhẹ;
- Kết quả đo mật độ khoáng chất xương ở ít nhất 02 vị trí bằng phương pháp đo hấp phụ tia X năng lượng kép (DEXA) hoặc CT scan tương đương với mức độ loãng xương nặng (T-score nhỏ hơn -2,5);
- Gãy cổ xương đùi đòi hỏi phải được phẫu thuật cố định trong hoặc thay thế; gãy thân đốt sống đòi hỏi phải phẫu thuật thân đốt sống.

Phạm vi bảo hiểm đối với Bệnh hiểm nghèo này sẽ chấm dứt khi Người được bảo hiểm đạt 70 Tuổi.

24. Bệnh tủy sống hoặc chấn thương tủy sống dẫn tới rối loạn chức năng bàng quang và ruột

Là bệnh lý tủy sống hoặc chấn thương vùng đuôi ngựa gây ra rối loạn vĩnh viễn chức năng ruột và bàng quang đòi hỏi phải đặt ống thông vĩnh viễn. Tình trạng này phải kéo dài liên tục 06 tháng và phải được Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh chẩn đoán xác định.

25. Phẫu thuật huyết khối xoang hang

Là phẫu thuật dẫn lưu huyết khối xoang hang. Chẩn đoán huyết khối xoang hang và chỉ định phẫu thuật dẫn lưu phải được xác nhận bởi Bác sĩ chuyên khoa.

26. Viêm tủy sống do lao

Là bệnh viêm tủy sống do trực khuẩn lao dẫn đến tổn thương thần kinh vĩnh viễn kéo dài liên tục ít nhất 03 tháng. Chẩn đoán phải dựa trên kết quả xét nghiệm dịch não tủy qua chọc dò tủy sống và được xác nhận bởi Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh.

27. Động kinh nặng

Là tình trạng động kinh nặng đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- a. Chẩn đoán phải được xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh dựa trên các kết quả điện não đồ (EEG), chụp cộng hưởng từ (MRI), chụp xạ hình cắt lớp Positron (PET) hoặc các xét nghiệm chẩn đoán thích hợp khác;
- b. Hồ sơ y tế ghi nhận có cơn động kinh co cứng-co giật toàn thân hoặc động kinh cơn lớn không do kích thích tái diễn nhiều hơn 05 cơn mỗi tuần. Các cơn động kinh này được xác nhận là kháng thuốc, không đáp ứng với các liệu pháp điều trị tối ưu, và được chứng minh bằng xét nghiệm nồng độ thuốc trong huyết thanh;
- c. Người được bảo hiểm đã sử dụng ít nhất 02 loại thuốc chống động kinh (chống co giật) trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng theo đơn thuốc chỉ định của Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh.

28. Parkinson thể trung bình

Là bệnh thoái hóa hệ thần kinh trung ương gây ra bởi sự thiếu hụt chất dẫn truyền thần kinh của não. Bệnh phải được chẩn đoán xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh và đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- a. bệnh không thể kiểm soát bằng thuốc;
- b. có dấu hiệu bệnh nặng tiến triển;
- c. mất vĩnh viễn khả năng thực hiện 01 trong 06 Chức năng sinh hoạt hàng ngày trong thời gian liên tục ít nhất 180 ngày.

Các trường hợp Parkinson do thuốc, do độc chất hoặc chất gây nghiện, Parkinson thứ phát do các nguyên nhân khác hoặc do di truyền không thuộc phạm vi bảo hiểm.

Nhóm 5: Nhóm Bệnh hiểm nghèo khác

29. Mất thị lực 01 mắt

Là tình trạng mất hoàn toàn, vĩnh viễn và không hồi phục thị lực của 1 mắt:

- a. do bệnh hoặc tai nạn;
- b. được xác nhận của Bác sĩ chuyên khoa Mắt về tình trạng thị lực có kính nhỏ hơn 6/60 hoặc 20/200 (bảng Snellen), hoặc giới hạn ngoại vi thị trường nhỏ hơn hoặc bằng 20°;
- c. không phải là hậu quả của lạm dụng đồ uống có cồn, hoặc sử dụng thuốc, hoặc sử dụng chất gây nghiện.

Ngoài ra, tổn thương nêu trên phải kéo dài liên tục ít nhất 06 tháng.

Các trường hợp do Người được bảo hiểm tự gây ra không thuộc phạm vi bảo hiểm.

30. Bỏng không nghiêm trọng

Là bỏng độ ba chiếm ít nhất 10% diện tích bề mặt cơ thể của Người được bảo hiểm theo Biểu đồ bề mặt cơ thể của Lund và Browder (là phương pháp tính tỷ lệ phần trăm diện tích bề mặt cơ thể của Lund và Browder).

Bỏng phải do nguyên nhân Tai nạn và phải có chỉ định điều trị bằng cấy ghép da.

Các trường hợp do Người được bảo hiểm tự gây ra không thuộc phạm vi bảo hiểm.

31. Mất 01 chi

Là tình trạng cắt cụt toàn bộ 01 chi từ trên khớp khuỷu hoặc trên khớp gối. Tình trạng này phải được xác nhận bởi Bác sĩ chuyên khoa.

Các trường hợp do Người được bảo hiểm tự gây ra không thuộc phạm vi bảo hiểm.

32. Phẫu thuật cấy ốc tai

Phẫu thuật cấy ốc tai do tổn thương vĩnh viễn ốc tai hoặc dây thần kinh thính giác. Phẫu thuật cấy ốc tai phải được xác nhận là hoàn toàn cần thiết bởi Bác sĩ chuyên khoa Tai Mũi Họng.

33. Mất chức năng 01 chi và mất thị lực 01 mắt

Là tình trạng mất hoàn toàn không hồi phục chức năng của 01 chi và mất hoàn toàn thị lực của 01 mắt do bệnh hay tai nạn. Tình trạng này phải được xác nhận bởi Bác sĩ chuyên khoa.

Các trường hợp do Người được bảo hiểm tự gây ra không thuộc phạm vi bảo hiểm.

34. Viêm võng mạc sắc tố

Là tình trạng viêm võng mạc sắc tố có giới hạn ngoại vi thị trường nhỏ hơn hoặc bằng 10°. Tình trạng này phải được xác nhận bởi Bác sĩ chuyên khoa Mắt và không thể cải thiện bằng bất kỳ phương thức điều trị hoặc điều chỉnh nào.

35. Viêm khớp dạng thấp thể trung bình

Là bệnh viêm đa khớp dạng thấp thể trung bình đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Phù hợp tiêu chuẩn chẩn đoán Viêm đa khớp dạng thấp của Hội Thấp học Mỹ (American College of Rheumatology);
- Mất vĩnh viễn khả năng thực hiện ít nhất 02 trong 06 Chức năng sinh hoạt hàng ngày;
- Hủy hoại khớp diện rộng gây ra biến dạng lâm sàng nghiêm trọng của ít nhất 02 trong số các khớp sau: bàn tay, cổ tay, khuỷu, gối, háng, cổ chân, cột sống cổ hoặc bàn chân;
- Tất cả các tình trạng nêu trên phải kéo dài trong ít nhất 03 tháng.



PHỤ LỤC V

Định nghĩa bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau

Nhóm 1: Ung thư

1. Ung thư

Là sự phát triển lan tràn và không thể kiểm soát của các tế bào ác tính, có sự xâm lấn và phá hủy các mô bình thường, và cần phải điều trị bằng biện pháp can thiệp nghiêm trọng. Chẩn đoán ung thư phải được xác định bằng kết quả xét nghiệm mô bệnh học được thực hiện bởi Bác sĩ chuyên khoa Ung bướu hoặc Bác sĩ chuyên khoa Giải phẫu bệnh.

Các trường hợp sau không thuộc phạm vi bảo hiểm:

- Khối u có kết quả xét nghiệm mô bệnh học ở giai đoạn ung thư biểu mô tại chỗ (carcinoma-in-situ), hoặc giai đoạn tiền ung thư, hoặc ung thư không xâm lấn, ví dụ như:
 - Ung thư biểu mô tại chỗ của vú;
 - Loạn sản cổ tử cung giai đoạn CIN-1, CIN-2 và CIN-3.
- Các loại ung thư da sau đây, trừ trường hợp có bằng chứng của ung thư di căn:
 - Tăng sinh tế bào sừng;
 - Ung thư tế bào đáy, ung thư tế bào vảy;
 - Ung thư tế bào hắc tố có độ dày Breslow dưới 1,5mm, hoặc Mức 01 và Mức 02 theo Clark.
- Ung thư tuyến tiền liệt có kết quả mô bệnh học T1aN0M0 hoặc T1bN0M0 theo phân loại TNM, hoặc theo hình thức phân loại khác ở giai đoạn tương đương hoặc giai đoạn sớm hơn;
- Ung thư biểu mô vi thể dạng nhú của tuyến giáp T1N0M0 theo phân loại TNM, hoặc theo hình thức phân loại khác ở giai đoạn tương đương hoặc giai đoạn sớm hơn;
- Ung thư biểu mô vi thể dạng nhú của bàng quang;
- Bệnh bạch cầu mạn dòng lympho từ Giai đoạn 0 đến Giai đoạn 02 theo RAJ; và
- Tất cả các khối u trên Người được bảo hiểm nhiễm HIV.

Nhóm 2: Tạng chủ

2. Suy thận

Là tình trạng suy chức năng giai đoạn cuối, mãn tính và không thể phục hồi của cả 02 thận đòi hỏi phải được điều trị bằng chạy thận nhân tạo thường xuyên hoặc ghép thận.

3. Phẫu thuật ghép tạng chủ

Là việc nhận ghép một trong các cơ quan sau: tủy xương (ghép tế bào gốc tạo máu sau khi đã phá hủy tủy xương hoàn toàn); tim; phổi; gan; tụy; thận.

Việc cấy ghép này phải hoàn toàn cần thiết về mặt y khoa để điều trị tình trạng suy giai đoạn cuối không thể phục hồi của cơ quan tương ứng.

Các trường hợp ghép tế bào gốc, ghép tế bào đảo tụy, ghép một phần của các cơ quan nêu trên không thuộc phạm vi bảo hiểm.

4. Bệnh phổi giai đoạn cuối

Là bệnh phổi giai đoạn cuối gây suy hô hấp mãn tính.

Bệnh phải được chẩn đoán xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Hô hấp và có tất cả các điều kiện sau:

- FEV1 thường xuyên nhỏ hơn 01 lít, được đo 03 lần, mỗi lần cách nhau 03 tháng;
- Phải được điều trị thường xuyên và liên tục bằng liệu pháp ôxy bổ sung;
- Áp lực riêng phần của ôxy trong máu động mạch $< 55\text{mmHg}$ ($\text{PaO}_2 < 55\text{ mmHg}$);
- Khó thở cả khi nghỉ ngơi.

5. Nang tủy thận

Là bệnh thận di truyền tiến triển, có nhiều nang trong tủy thận hai bên, teo ống thận và xơ hóa mô kẽ gây nên thiếu máu, đa niệu và mất natri do thận. Cho mục đích của Bảo hiểm bổ trợ này, chẩn đoán phải được hỗ trợ bởi kết quả sinh thiết thận và phải gây ra suy chức năng hai thận mãn tính không hồi phục và đòi hỏi phải chạy thận nhân tạo thường xuyên.

6. Viêm gan siêu vi thể tối cấp

Là tình trạng hoại tử phần lớn nhu mô gan do virus dẫn đến suy gan tối cấp, và đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Kích thích gan giảm nhanh;
- Hoại tử toàn bộ các phân thùy gan;
- Kết quả xét nghiệm chức năng gan suy giảm nhanh;
- Vàng da đậm.

Các trường hợp sau không thuộc phạm vi bảo hiểm:

- Do nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến tự tử;
- Do ngộ độc, do dùng thuốc quá liều, do sử dụng chất gây nghiện, do lạm dụng đồ uống có cồn;
- Tình trạng nhiễm virus viêm gan B hoặc mang mầm bệnh đơn thuần.

7. Suy gan giai đoạn cuối

Là suy gan giai đoạn cuối có tất cả các tình trạng sau:

- Vàng da liên tục;
- Cổ trướng;
- Bệnh não do gan;
- Tăng áp lực tĩnh mạch cửa.

Các trường hợp sau không thuộc phạm vi bảo hiểm: suy gan do lạm dụng đồ uống có cồn, hoặc sử dụng thuốc, hoặc sử dụng chất gây nghiện, và bệnh não Wernicke.

8. Thiếu máu bất sản

Là tình trạng suy tủy xương mãn tính và vĩnh viễn, gây ra thiếu 03 dòng máu hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu, đòi hỏi phải được điều trị bằng ít nhất một trong các phương pháp sau đây:

- Truyền các chế phẩm máu;
- Dùng tác nhân kích thích sinh máu;
- Dùng tác nhân ức chế miễn dịch;
- Cấy ghép tủy xương.

Bệnh phải được chẩn đoán xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Huyết học và dựa trên kết quả sinh thiết tủy xương.

9. Viêm tụy mãn tái phát

Là tình trạng viêm tụy mãn có nhiều hơn 03 đợt tái phát dẫn đến rối loạn chức năng tụy, vô hóa và nang tụy, và gây ra hội chứng kém hấp thu đòi hỏi phải được điều trị bằng liệu pháp men (enzyme) thay thế suốt đời.

Chẩn đoán phải được xác định bằng kết quả nội soi mật tụy ngược dòng (ERCP) thực hiện bởi Bác sĩ chuyên khoa Tiêu hóa.

Các trường hợp viêm tụy mãn tái phát do sử dụng đồ uống có cồn không thuộc phạm vi bảo hiểm.

10. Viêm gan tự miễn mãn tính

Là tình trạng viêm gan hoại tử mãn tính không rõ nguyên nhân có sự hiện diện của các tự kháng thể và globulin huyết thanh tăng cao.

Bệnh phải được xác nhận bởi Bác sĩ chuyên khoa Tiêu hóa hoặc Gan mật, và đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Tăng gammaglobulin máu;
- Có sự hiện diện của ít nhất một trong các tự kháng thể sau:
 - Kháng thể kháng nhân;
 - Kháng thể kháng cơ trơn;
 - Kháng thể kháng actin;
 - Kháng thể kháng microsomes gan thận (Anti-LKM-1 antibodies);
 - Kháng thể kháng cytosol 1 của gan (Anti- LC1 antibodies);
 - Kháng thể kháng kháng nguyên bào tương gan, kháng thể kháng kháng nguyên gan và tụy (Anti-SLA/LP antibodies);
- Kết quả sinh thiết gan xác nhận bệnh viêm gan tự miễn;
- Người được bảo hiểm đã được điều trị liên tục bằng liệu pháp ức chế miễn dịch trong ít nhất 06 tháng.

Nhóm 3: Hệ tuần hoàn (tim mạch)

11. Nhồi máu cơ tim

Là tình trạng hoại tử một phần cơ tim do gián đoạn nguồn cung cấp máu.

Tình trạng này được xác định bởi cơn nhồi máu cơ tim cấp, được chẩn đoán bởi Bác sĩ chuyên khoa Tim mạch, và có sự hiện diện của ít nhất 03 trong 04 tiêu chí sau:

- Cơn đau thắt ngực điển hình;

- Điện tâm đồ xác nhận hoại tử cơ tim mới xảy ra;
- Tăng men tim hoặc tăng Troponins:
 - Troponin T > 1,0 ng/ml;
 - Accu TnL > 0,5 ng/ml, hoặc tương đương với phương pháp xác định Troponin khác;
- Phân suất tống máu tâm thất trái (EF) dưới 50% được xác định sau thời điểm xảy ra nhồi máu cơ tim ít nhất 03 tháng.

Các trường hợp sau không thuộc phạm vi bảo hiểm:

- Cơ đau thắt ngực;
- Hội chứng mạch vành cấp tính khác.

12. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành

Là phẫu thuật tim hở để ghép nối bắc cầu sửa chữa tình trạng hẹp hoặc tắc của một hay nhiều động mạch vành.

Tình trạng hẹp hoặc tắc động mạch vành phải được xác định bằng kết quả chụp mạch vành. Chỉ định phẫu thuật phải được Bác sĩ chuyên khoa Tim mạch hoặc Bác sĩ Phẫu thuật Tim mạch xác định là cần thiết về mặt y khoa.

Các trường hợp sau không thuộc phạm vi bảo hiểm: đặt stent nong mạch vành, các kỹ thuật thông nội mạch, và các thủ thuật điều trị bằng laser.

13. Phẫu thuật thay van tim

Là phẫu thuật mở lồng ngực để thay thế hoặc sửa chữa van tim do bất thường hoặc khiếm khuyết van tim mà các bất thường hay khiếm khuyết này không thể sửa chữa bằng kỹ thuật thông tim đơn thuần.

Bằng chứng của bất thường hay khiếm khuyết van tim được xác nhận bằng kết quả thông tim hoặc siêu âm tim. Chỉ định phẫu thuật thay van tim phải được xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Tim mạch là cần thiết về mặt y khoa.

Các trường hợp sau không thuộc phạm vi bảo hiểm: các hình thức phẫu thuật mở van tim, can thiệp nội mạch, nong van tim bằng bóng, phẫu thuật “lỗ khóa” (key-hole) và các phương thức tương tự.

14. Phẫu thuật động mạch chủ

Là phẫu thuật mở khoang bụng hoặc mở lồng ngực để sửa chữa đoạn phình, hẹp, tắc, hoặc bóc tách động mạch chủ.

Cho mục đích của Bảo hiểm bổ trợ này, định nghĩa chỉ bao gồm động mạch chủ bụng và động mạch chủ ngực, không bao gồm các nhánh của động mạch chủ.

Các trường hợp sau đây không thuộc phạm vi bảo hiểm:

- Phẫu thuật xâm lấn tối thiểu hoặc các kỹ thuật can thiệp nội mạch;
- Chấn thương động mạch chủ.

15. Tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát

Là tình trạng tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát có dày thất phải được xác định bởi các kết quả xét nghiệm bao gồm thông tim. Tình trạng này phải được chẩn đoán xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Tim mạch và gây ra suy tim Độ IV theo Bảng phân loại suy tim của Hiệp hội Tim mạch New York.

Các trường hợp sau không thuộc phạm vi bảo hiểm: tăng áp lực động mạch phổi thứ phát do các nguyên nhân khác, ví dụ như bệnh phổi mãn tính, tắc mạch phổi, bệnh van tim, bệnh lý tim trái.

16. Bệnh cơ tim

Là bệnh lý cơ tim gây suy giảm chức năng tâm thất được xác nhận bằng kết quả siêu âm tim và điện tâm đồ.

Bệnh phải được chẩn đoán xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Tim mạch và dẫn đến suy tim Độ III trở lên theo Bảng phân loại suy tim của Hiệp hội Tim mạch New York.

Các trường hợp bệnh cơ tim do lạm dụng đồ uống có cồn không thuộc phạm vi bảo hiểm.

17. Hội chứng Eisenmenger

Là tình trạng tăng áp lực động mạch phổi nghiêm trọng có luồng thông (shunt) đảo chiều gây ra bởi khiếm khuyết của tim. Bệnh phải được chẩn đoán xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Tim mạch, và phải dựa vào kết quả siêu âm tim và thông tim.

18. Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn

Là tình trạng viêm nội tâm mạc có nguyên nhân từ nhiễm vi sinh vật và phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- a. Xét nghiệm cấy máu dương tính xác định vi sinh vật gây bệnh;
- b. Bệnh phải gây ra tình trạng hở van tim mức độ từ trung bình trở lên (với phân suất trào ngược từ 20% trở lên) hoặc hẹp van tim mức độ trung bình trở lên (với diện tích lỗ van còn từ 30% trở xuống so với giá trị bình thường);
- c. Chẩn đoán viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn và mức độ tổn thương van tim phải được xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Tim mạch.

Nhóm 4: Hệ Thần kinh – Cơ xương khớp

19. Hôn mê

Là tình trạng mất ý thức kéo dài trong 96 giờ liên tục và phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Không đáp ứng với các kích thích từ bên ngoài và không phản ứng với các nhu cầu của cơ thể;
- Cần hệ thống hỗ trợ để duy trì sự sống trong ít nhất 96 giờ liên tục;
- Tình trạng phá hủy não gây ra di chứng tổn thương thần kinh vĩnh viễn dẫn đến mất hoàn toàn khả năng thực hiện ít nhất 03 trong 06 Chức năng sinh hoạt hàng ngày kéo dài liên tục ít nhất 30 ngày kể từ ngày bị hôn mê.

Các trường hợp sau không thuộc phạm vi bảo hiểm: tình trạng hôn mê do lạm dụng đồ uống có cồn, hoặc sử dụng thuốc, hoặc sử dụng chất gây nghiện, và hôn mê do nguyên nhân y tế.

20. Đột quỵ

Là tình trạng tổn thương mạch máu não xảy ra đột ngột (bao gồm nhồi máu não, xuất huyết mạch máu nội sọ, thuyên tắc mạch não), và phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Tổn thương mạch máu não được xác định bằng kết quả chẩn đoán hình ảnh như chụp cắt lớp vi tính (CT scan) hoặc chụp cộng hưởng từ (MRI);
- Triệu chứng kéo dài liên tục trên 24 giờ;
- Mất vĩnh viễn chức năng vận động, hoặc cảm giác, hoặc khả năng nói;
- Di chứng thần kinh vĩnh viễn.

Việc xác định mất vĩnh viễn chức năng và di chứng thần kinh vĩnh viễn phải được thực hiện bởi Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh, và không sớm hơn 180 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện tổn thương mạch máu não.

Các trường hợp sau không thuộc phạm vi bảo hiểm:

- Cơn thiếu máu não cục bộ thoáng qua;
- Tổn thương mạch máu não gây ra di chứng thay đổi trí nhớ hoặc hành vi;
- Triệu chứng não do chứng đau nửa đầu migraine;
- Tổn thương não do chấn thương hoặc do thiếu ôxy não;
- Bệnh thiếu máu cục bộ gây tổn thương mắt, thần kinh thị giác hoặc hệ thống tiền đình.

21. Bệnh Alzheimer

Là tình trạng sa sút hoặc mất năng lực trí tuệ do suy giảm không hồi phục toàn bộ chức năng của não, được chứng thực bởi tình trạng lâm sàng và Bảng câu hỏi tiêu chuẩn hoặc Bài trắc nghiệm được chấp thuận. Tình trạng này dẫn đến suy giảm nghiêm trọng chức năng trí tuệ và chức năng xã hội đòi hỏi Người được bảo hiểm phải được giám sát thường xuyên.

Bệnh phải được chẩn đoán xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa, đồng thời phải đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chuẩn chẩn đoán sau:

- Teo toàn bộ vỏ não được xác nhận bởi kết quả chụp cắt lớp vi tính (CT scan) hoặc chụp cộng hưởng từ (MRI);
- Được chứng nhận mất vĩnh viễn khả năng thực hiện 03 trong 06 Chức năng sinh hoạt hàng ngày và kéo dài liên tục trong ít nhất 180 ngày kể từ ngày được chẩn đoán bệnh.

Các trường hợp sau không thuộc phạm vi bảo hiểm: chứng loạn thần, bệnh tâm thần, rối loạn tâm lý, rối loạn thực thể liên quan đến HIV/AIDS, rối loạn do thuốc, chất gây nghiện hoặc đồ uống có cồn.

Phạm vi bảo hiểm đối với Bệnh hiểm nghèo này sẽ chấm dứt khi Người được bảo hiểm đạt 70 Tuổi.

22. Bệnh Parkinson

Là bệnh thoái hóa hệ thần kinh trung ương gây ra bởi sự thiếu hụt chất dẫn truyền thần kinh của não.

Bệnh phải được chẩn đoán xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh và đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- a. Bệnh không thể kiểm soát bằng thuốc;
- b. Có dấu hiệu bệnh nặng tiến triển;

- c. Mất vĩnh viễn khả năng thực hiện 03 trong 06 Chức năng sinh hoạt hàng ngày kéo dài trong thời gian liên tục ít nhất 180 ngày.

Các trường hợp sau không thuộc phạm vi bảo hiểm: Parkinson do thuốc, do độc chất hoặc chất gây nghiện, Parkinson thứ phát do các nguyên nhân khác hoặc do di truyền.

Phạm vi bảo hiểm đối với Bệnh hiểm nghèo này sẽ chấm dứt khi Người được bảo hiểm đạt 70 Tuổi.

23. Bệnh xơ cứng rải rác

Là bệnh xơ cứng rải rác được chẩn đoán xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh, bằng các kỹ thuật xác định bệnh như chụp cộng hưởng từ (MRI), chụp cắt lớp vi tính (CT scan) hoặc các kỹ thuật hình ảnh tin cậy khác, và có tất cả các tình trạng sau đây kéo dài liên tục ít nhất 06 tháng:

- Tổn thương lớp vỏ myelin của tế bào thần kinh thị giác, thân não và tủy sống, gây ra các di chứng thần kinh rõ ràng;
- Đa tổn thương hoặc các tổn thương riêng biệt;
- Các triệu chứng/di chứng thần kinh nói trên có diễn tiến tăng giảm nhiều đợt trên lâm sàng.

Các trường hợp tổn thương thần kinh do nguyên nhân khác như Lupus ban đỏ hệ thống (SLE), nhiễm HIV không thuộc phạm vi bảo hiểm.

24. Viêm não

Là tình trạng viêm não (bán cầu não, thân não hoặc tiểu não) do nhiễm vi khuẩn hay vi rút, dẫn đến các di chứng thần kinh trầm trọng và vĩnh viễn.

Bệnh phải được chẩn đoán xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh và di chứng thần kinh phải kéo dài liên tục ít nhất 180 ngày kể từ ngày mắc bệnh.

Các trường hợp viêm não do nhiễm ký sinh trùng như sốt rét, viêm não do nhiễm HIV không thuộc phạm vi bảo hiểm.

25. Chấn thương sọ não nặng

Là tình trạng chấn thương sọ não gây suy giảm chức năng thần kinh nghiêm trọng và vĩnh viễn, kéo dài ít nhất 03 tháng kể từ ngày xảy ra chấn thương. Tình trạng suy giảm chức năng thần kinh phải được xác nhận bởi Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh, và phải dẫn đến mất khả năng thực hiện

ít nhất 03 trong 06 Chức năng sinh hoạt hàng ngày dù có hay không có sự hỗ trợ của thiết bị máy móc, dụng cụ đặc biệt, thiết bị hỗ trợ cho người bị thương tật/tàn tật. Theo định nghĩa này, “vĩnh viễn” nghĩa là không thể hồi phục với trình độ và kỹ thuật y tế hiện hành.

26. Phẫu thuật sọ não

Là phẫu thuật não qua mở hộp sọ sau khi đã được gây mê toàn thân. Phẫu thuật này phải được Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh xác nhận là cần thiết về mặt y khoa.

Các trường hợp khoan lỗ sọ, các thủ thuật xâm lấn tối thiểu và phẫu thuật sọ não do tai nạn không thuộc phạm vi bảo hiểm.

27. Bệnh teo cơ tủy (SMA)

Là bệnh thoái hóa các tế bào sừng trước tủy sống và các nhân vận động của thân não, đặc trưng bởi sự yếu và teo trầm trọng các cơ gần, đầu tiên là cơ ở chân, sau đó là các cơ xa.

Bệnh phải được chẩn đoán xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh và được xác nhận bằng các đánh giá thần kinh cơ như điện cơ đồ (EMG).

Đồng thời, bệnh phải dẫn đến mất vĩnh viễn khả năng thực hiện ít nhất 03 trong 06 Chức năng sinh hoạt hàng ngày hoặc phải nằm liệt giường vĩnh viễn và không thể ngồi dậy nếu không có sự trợ giúp từ bên ngoài. Tình trạng này phải được ghi nhận kéo dài liên tục ít nhất 03 tháng.

28. Bệnh xơ cứng cột bên teo cơ

Là tình trạng xơ cứng cột bên teo cơ gây ra các tổn thương vĩnh viễn của thần kinh tủy sống và các trung khu vận động của não dẫn đến rung giật toàn thể, yếu và teo cơ của các chi, thân mình, đầu, thanh quản, đường hô hấp.

Bệnh phải được chẩn đoán xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh và phải có các bằng chứng bất thường điển hình trong kết quả điện cơ đồ (EMG) và điện thần kinh đồ (ENG).

Đồng thời, bệnh phải dẫn đến tình trạng nằm liệt giường và không thể ngồi dậy nếu không có sự trợ giúp từ bên ngoài. Tình trạng này phải được ghi nhận kéo dài liên tục ít nhất 03 tháng.

29. Viêm màng não do vi khuẩn

Là bệnh do vi khuẩn gây ra viêm màng não hoặc màng tủy sống dẫn đến các tổn thương chức năng thần kinh trầm trọng, vĩnh viễn và không hồi phục. Bệnh phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Có bằng chứng về các di chứng thần kinh trầm trọng, vĩnh viễn và không hồi phục được xác nhận bởi Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh và kéo dài liên tục ít nhất 90 ngày;
- Chẩn đoán xác định tình trạng nhiễm khuẩn dịch não tủy bằng phương pháp chọc dò tủy sống.

Các trường hợp viêm màng não trên Người được bảo hiểm nhiễm HIV không thuộc phạm vi bảo hiểm.

30. U não lành tính

Là khối u não lành tính đe dọa tính mạng gây ra những dấu hiệu đặc trưng của tăng áp lực nội sọ như phù gai thị, các triệu chứng tâm thần, co giật và rối loạn cảm giác, suy giảm trầm trọng và vĩnh viễn chức năng thần kinh kéo dài liên tục ít nhất 06 tháng.

Bệnh phải được xác nhận bởi Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh và dựa trên các kết quả chẩn đoán hình ảnh như chụp cắt lớp vi tính (CT scan) hoặc chụp cộng hưởng từ (MRI).

Các trường hợp sau không thuộc phạm vi bảo hiểm: nang; u hạt; dị dạng động mạch hoặc tĩnh mạch não; u mạch máu; u tuyến yên hoặc u cột sống; u thần kinh thính giác.

31. Bệnh bại liệt

Là tình trạng nhiễm trùng cấp tính do virus bại liệt (polio virus) gây ra liệt với bằng chứng mất chức năng thần kinh vận động hoặc suy hô hấp kéo dài trong thời gian liên tục ít nhất 03 tháng. Chẩn đoán phải được xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh và có kết quả xét nghiệm xác định bệnh do virus bại liệt (polio virus).

Các trường hợp sau không thuộc phạm vi bảo hiểm:

- Bệnh bại liệt không gây ra liệt;
- Tình trạng liệt do các nguyên nhân khác (như Hội chứng Guillain - Barre).

32. Cụt chi

Là tình trạng bị cắt cụt toàn bộ và không thể phục hồi ít nhất 02 chi từ cổ tay hoặc từ cổ chân trở lên.

33. Liệt chi

Là tình trạng mất toàn bộ và vĩnh viễn chức năng của hai tay hoặc hai chân, hoặc một tay và một chân do bệnh hoặc tai nạn. Tình trạng tổn thương này phải kéo dài trong thời gian ít nhất 06 tháng kể từ ngày bị bệnh hoặc tai nạn và phải được xác nhận bởi Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh.

Các trường hợp tổn thương do Người được bảo hiểm tự gây ra không thuộc phạm vi bảo hiểm.

34. Bệnh loạn dưỡng cơ

Là tình trạng loạn dưỡng cơ dẫn đến mất hoàn toàn và vĩnh viễn khả năng thực hiện ít nhất 03 trong 06 Chức năng sinh hoạt hàng ngày. Bệnh phải được chẩn đoán xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh và đáp ứng được 03 trong 04 yêu cầu sau:

- Tiền sử gia đình đã có thành viên khác mắc bệnh này;
- Biểu hiện lâm sàng không có rối loạn cảm giác, xét nghiệm dịch não tủy bình thường và giảm phản xạ gân nhẹ;
- Dấu hiệu điển hình đặc trưng trên điện cơ đồ (EMG);
- Tổn thương xác định bằng kết quả sinh thiết cơ.

Các trường hợp bệnh ở trẻ em không thuộc phạm vi bảo hiểm.

35. Bệnh nhược cơ

Là tình trạng rối loạn dẫn truyền thần kinh cơ tự miễn mắc phải gây ra yếu cơ, mỏi cơ và phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- a. Tình trạng yếu cơ vĩnh viễn Độ III, IV hoặc V theo Phân loại lâm sàng của Tổ chức Bệnh Nhược cơ Hoa Kỳ dưới đây;
- b. Chẩn đoán xác định và phân loại bệnh nhược cơ phải được xác nhận bởi Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh.

Phân loại lâm sàng của Tổ chức Bệnh Nhược cơ Hoa Kỳ:

- Độ I: Nhược cơ vận nhãn, có thể có sụp mí, không có triệu chứng yếu cơ ở vị trí khác.

- Độ II: Nhược cơ vận nhãn ở bất kỳ mức độ nào, nhược cơ các cơ khác ở mức độ nhẹ.
- Độ III: Nhược cơ vận nhãn ở bất kỳ mức độ nào, nhược cơ các cơ khác ở mức độ trung bình.
- Độ IV: Nhược cơ vận nhãn ở bất kỳ mức độ nào, nhược cơ các cơ khác ở mức độ nặng.
- Độ V: Bắt buộc đặt nội khí quản để duy trì đường thở.

36. Loãng xương nặng

Là tình trạng thoái hoá xương dẫn đến mất khối lượng xương và đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau:

- kết quả đo mật độ xương với chỉ số mật độ xương T-score dưới -2.5 theo tiêu chuẩn chẩn đoán loãng xương của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) về loãng xương;
- có tiền sử gãy xương do loãng xương ít nhất 03 lần ở vị trí xương đùi, cổ tay hoặc đốt sống;
- tình trạng gãy xương này là nguyên nhân trực tiếp gây ra mất vĩnh viễn khả năng thực hiện ít nhất 03 trong 06 Chức năng sinh hoạt hàng ngày trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng.

Phạm vi bảo hiểm đối với Bệnh hiểm nghèo này sẽ tự động chấm dứt khi Người được bảo hiểm đạt 70 tuổi.

37. Tổn thương đa rễ đám rối thần kinh cánh tay

Là tình trạng mất hoàn toàn và vĩnh viễn chức năng vận động và cảm giác của một chi trên gây ra bởi sự tổn thương toàn bộ của ít nhất 02 rễ đám rối thần kinh cánh tay do tai nạn hoặc chấn thương. Tổn thương toàn bộ của ít nhất 02 rễ thần kinh phải được xác nhận bởi chẩn đoán điện cơ được thực hiện bởi Bác sĩ chuyên khoa Vật lý trị liệu hoặc chuyên khoa Thần kinh.

38. Bệnh Creutzfeldt-Jakob (Bò điên)

Là bệnh gây tình trạng não xốp, có các tổn thương bao gồm mất chức năng tiểu não, sa sút trí tuệ tiến triển nặng, co giật cơ không kiểm soát, run và múa vờn.

Chẩn đoán phải được xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh và phải dựa trên các kết quả xét nghiệm điện não đồ (EEG), xét nghiệm dịch não tủy (CSF), chụp cắt lớp vi tính (CT scan) và chụp cộng hưởng từ (MRI).

39. Bệnh lao màng não

Là bệnh viêm màng não do trực khuẩn lao gây ra di chứng thần kinh vĩnh viễn kéo dài trong ít nhất 06 tháng liên tục. Chẩn đoán phải được xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh và được xác nhận bởi kết quả xét nghiệm dịch não tủy.

40. Gãy cột sống do Tai nạn

Là tình trạng gãy cột sống xảy ra do Tai nạn đòi hỏi phải điều trị bằng phẫu thuật mở, hoặc gây ra di chứng thần kinh vĩnh viễn chức năng vận động hoặc chức năng bàng quang, và đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- được xác định bằng kết quả chụp X-quang hoặc kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh tương tự;
- được xác nhận bởi Bác sĩ Phẫu thuật Chỉnh hình hoặc Bác sĩ Chẩn đoán Hình ảnh;
- chẩn đoán về tổn thương và di chứng thần kinh phải được xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh hoặc Bác sĩ Phẫu thuật Chỉnh hình.

41. Phình mạch não bắt buộc phải phẫu thuật

Là phẫu thuật não được thực hiện để sửa chữa cả 03 lớp thành động mạch tại chỗ phình động mạch não.

Chẩn đoán phải được xác định bởi Bác sĩ Phẫu thuật Thần kinh có chứng chỉ và kết quả chụp mạch não xác nhận sự cần thiết phải thực hiện phẫu thuật mở.

Các trường hợp sau không thuộc phạm vi bảo hiểm:

- Phình mạch não do nhiễm trùng.
- Mở hộp sọ tối thiểu và thủ thuật khoan lỗ sọ.

42. Hội chứng Apallic

Là tình trạng phá hủy toàn bộ vỏ não nhưng không tổn thương thân não. Chẩn đoán xác định phải được thực hiện bởi Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh và tình trạng bệnh này phải kéo dài ít nhất 01 tháng.

43. Liệt trên nhân tiến triển

Là tình trạng liệt trên nhân tiến triển, và là nguyên nhân duy nhất và trực tiếp gây ra mất kiểm soát dáng đi và thăng bằng, và mất vĩnh viễn khả năng thực hiện ít nhất 03 trong 06 Chức năng sinh hoạt hàng ngày.

Chẩn đoán xác định phải được thực hiện bởi Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh, đồng thời phải có xác nhận tình trạng bệnh tiến triển và gây ra các khiếm khuyết thần kinh kéo dài trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng.

Quyền lợi bảo hiểm này chỉ được chi trả khi Người được bảo hiểm trên 05 Tuổi vào lần được chẩn đoán đầu tiên.

44. Liệt hành não tiến triển

Là rối loạn của hệ thần kinh gây nên liệt ở vùng đầu, khó nhai và khó nuốt, khó nói và khó phát âm, tổn thương thần kinh tủy sống và trung tâm vận động ở não, yếu cơ co cứng và teo cơ các chi.

Bệnh phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Được chẩn đoán xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Thần kinh;
- Phải gây ra mất vĩnh viễn khả năng thực hiện ít nhất 03 trong 06 Chức năng sinh hoạt hàng ngày;
- Có bằng chứng y khoa ghi nhận tổn thương kéo dài ít nhất 03 tháng.

Nhóm 5: Nhóm Bệnh hiểm nghèo khác

45. Bỏng nặng

Là bỏng độ ba chiếm ít nhất 20% diện tích bề mặt cơ thể của Người được bảo hiểm theo Biểu đồ bề mặt cơ thể của Lund và Browder (là phương pháp tính tỷ lệ phần trăm diện tích bề mặt cơ thể của Lund và Browder).

Bỏng phải do nguyên nhân Tai nạn và phải có chỉ định điều trị bằng cấy ghép da.

Các trường hợp do Người được bảo hiểm tự gây ra không thuộc phạm vi bảo hiểm.

46. Lupus ban đỏ hệ thống có biến chứng thận

Là bệnh rối loạn tự miễn đa hệ thống với đặc điểm có sự phát triển của các tự kháng thể trực tiếp chống lại các tự kháng nguyên. Quyền lợi bảo hiểm này

sẽ chỉ được chi trả cho các thể bệnh Lupus ban đỏ hệ thống có biến chứng thận, bao gồm Nhóm III và Nhóm IV theo hệ thống phân loại dưới đây, và phải được xác định bởi kết quả sinh thiết thận.

Phân loại Viêm cầu thận Lupus của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO):

- Nhóm I (Tổn thương tối thiểu)
- Nhóm II (Tăng sinh gian mạch)
- Nhóm III (Viêm cầu thận ổ, cục bộ)
- Nhóm IV (Viêm cầu thận tăng sinh lan tỏa)
- Nhóm V (Viêm cầu thận màng Lupus)

Các trường hợp sau không thuộc phạm vi bảo hiểm: Nhóm I, II, V nêu trên, Lupus ban đĩa, và các thể bệnh chỉ ảnh hưởng đến máu và khớp.

47. Mù

Là mất hoàn toàn, vĩnh viễn và không thể hồi phục thị lực của cả hai mắt do bệnh hoặc tai nạn. Tình trạng mù phải được xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Mắt.

Các trường hợp sau không thuộc phạm vi bảo hiểm: thị lực có khả năng hồi phục một phần hoặc hoàn toàn bởi bất kỳ sự hỗ trợ, thiết bị hoặc cấy ghép nào.

48. Mất khả năng nói

Là mất hoàn toàn, vĩnh viễn và không thể hồi phục khả năng nói do bệnh hoặc tai nạn. Tình trạng này phải kéo dài liên tục trong 12 tháng, và được Bác sĩ chuyên khoa Tai Mũi Họng xác nhận có tổn thương hoặc bệnh của dây thanh âm, và xác nhận không có khả năng điều trị phục hồi bằng các liệu pháp y khoa.

Các trường hợp mất khả năng nói do các nguyên nhân liên quan đến tâm lý, tâm thần không thuộc phạm vi bảo hiểm.

49. Mất thính lực

Là mất hoàn toàn, vĩnh viễn và không thể hồi phục thính lực cả hai bên với tất cả các âm thanh từ 80 đề xi ben trở lên (cho dù có hoặc không có hỗ trợ). Tình trạng này phải được xác định bằng kết quả đo thính lực, nghiệm pháp đánh giá ngưỡng nghe và được chẩn đoán xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa.

50. Viêm đa khớp dạng thấp thể nặng

Là tình trạng viêm đa khớp dạng thấp thể nặng và đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Tiêu chuẩn chẩn đoán Viêm đa khớp dạng thấp của Hội Thấp học Mỹ (American College of Rheumatology);
- Mất vĩnh viễn khả năng thực hiện ít nhất 02 Chức năng sinh hoạt hàng ngày;
- Hủy hoại khớp lan rộng và biến dạng lâm sàng nghiêm trọng của ít nhất 02 trong số các khớp sau: bàn tay, cổ tay, khuỷu tay, đầu gối, háng, cổ chân, cột sống cổ, bàn chân;
- Tình trạng bệnh nói trên phải kéo dài liên tục trong ít nhất 06 tháng.

51. U tủy thượng thận

Là u thần kinh nội tiết ở tuyến thượng thận hoặc u tế bào ưa Crôm gây ra bài tiết quá mức catecholamines đòi hỏi phải phẫu thuật cắt khối u.

Chẩn đoán xác định và chỉ định phẫu thuật phải được thực hiện bởi Bác sĩ chuyên khoa Nội tiết.

52. Xơ cứng bì tiến triển

Là bệnh chất tạo keo hệ thống gây ra tình trạng xơ hóa lan rộng tiến triển ở da, mạch máu và nội tạng. Chẩn đoán bệnh phải được xác định bởi kết quả sinh thiết và xét nghiệm huyết thanh, đồng thời phải có tổn thương hệ thống đến tim, phổi hoặc thận.

Các trường hợp sau không thuộc phạm vi bảo hiểm:

- Xơ cứng bì khu trú (xơ cứng bì thể dải, xơ cứng bì thể đám);
- Viêm bao cơ bạch cầu ái toan;
- Hội chứng CREST.

53. Nhiễm HIV do truyền máu

Là tình trạng nhiễm virus gây suy giảm miễn dịch ở người (HIV) qua đường truyền máu và phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Việc truyền máu phải cần thiết về mặt y khoa hoặc được chỉ định như một phần của liệu trình điều trị y khoa;

- Việc truyền máu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam sau ngày hiệu lực của Bảo hiểm bổ trợ này, ngày xác nhận điều chỉnh hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất (tùy theo ngày nào đến sau);
- Nguồn lây nhiễm được xác định từ cơ sở thực hiện truyền máu và cơ sở này phải có khả năng xác định nguồn gốc của máu nhiễm bệnh;
- Người được bảo hiểm không bị bệnh Thalassaemia thể nặng (Thalassemia Major) hoặc bệnh tan máu (Haemophilia).

Quyền lợi bảo hiểm này sẽ không được chi trả khi đã có liệu pháp “chữa trị” trước ngày bị nhiễm virus. “Chữa trị” được hiểu là bất kỳ liệu pháp điều trị nào có tác dụng ngăn cản sự lây nhiễm HIV hoặc ức chế hoạt động của HIV.

54. Nhiễm HIV do nghề nghiệp

Là tình trạng nhiễm virus gây suy giảm miễn dịch ở người (HIV) do một Tai nạn xảy ra sau ngày Bảo hiểm bổ trợ bắt đầu có hiệu lực, ngày xác nhận điều chỉnh hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất (tùy theo ngày nào đến sau) và trong khi Người được bảo hiểm thực hiện trách nhiệm nghề nghiệp hàng ngày trong lãnh thổ Việt Nam.

Nghề nghiệp hàng ngày của Người được bảo hiểm thuộc phạm vi bảo hiểm bao gồm: nhân viên y tế, bác sĩ, sinh viên y khoa, y tá, kỹ thuật viên xét nghiệm, nha sĩ (bác sĩ phẫu thuật và y tá) hoặc nhân viên trợ giúp y tế, làm việc tại trung tâm y tế hoặc phòng khám ở Việt Nam.

Tất cả các bằng chứng sau phải được cung cấp:

- Bằng chứng về Tai nạn có khả năng gây ra nhiễm virus HIV được cung cấp cho Generali trong vòng 30 ngày kể từ ngày xảy ra Tai nạn;
- Bằng chứng về việc Tai nạn có liên quan đến một nguồn chất dịch nhiễm HIV xác định;
- Bằng chứng chuyển đổi kết quả huyết thanh từ âm tính sang dương tính với HIV xảy ra trong vòng 180 ngày kể từ ngày xảy ra Tai nạn, và bằng chứng về kết quả xét nghiệm HIV âm tính được thực hiện trong vòng 05 ngày kể từ ngày xảy ra Tai nạn.

Các trường hợp sau không thuộc phạm vi bảo hiểm: nhiễm HIV do bất kỳ nguyên nhân khác ví dụ như lây nhiễm qua hoạt động tình dục, sử dụng thuốc qua đường tiêm truyền.

Quyền lợi bảo hiểm này sẽ không được chi trả khi đã có liệu pháp “chữa trị” trước ngày bị nhiễm virus. “Chữa trị” được hiểu là bất kỳ liệu pháp điều trị nào có tác dụng ngăn cản sự lây nhiễm HIV hoặc ức chế hoạt động của HIV.

55. Suy thượng thận mãn tính

Là tình trạng tuyến thượng thận bị phá hủy dần dần do rối loạn tự miễn dịch đòi hỏi phải được điều trị bằng liệu pháp glucocorticoid và mineral corticoid thay thế suốt đời.

Chẩn đoán bệnh phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- a. Được xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa Nội tiết và Bác sĩ chuyên khoa độc lập do Generali chỉ định;
- b. Được xác định bởi kết quả nghiệm pháp kích thích bằng ACTH;
- c. Có nguyên nhân do rối loạn tự miễn dịch.

Các trường hợp suy thượng thận do tất cả các nguyên nhân khác không thuộc phạm vi bảo hiểm.

56. Viêm cân mạc hoại tử

Là tình trạng viêm cân mạc hoại tử đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- a. Có đủ các tiêu chuẩn lâm sàng của bệnh viêm cân mạc hoại tử;
- b. Nguyên nhân gây bệnh được xác định là do vi khuẩn;
- c. Có sự phá hủy lan rộng của cơ và các mô mềm khác dẫn đến sự mất chức năng toàn bộ và vĩnh viễn của phần cơ thể bị bệnh.

Chẩn đoán phải được xác định bởi Bác sĩ chuyên khoa.

57. Viêm loét đại tràng có phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng

Là tình trạng viêm loét toàn bộ đại tràng, có đi ngoài ra máu và đòi hỏi phải được điều trị bằng phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng và mở thông hồi tràng. Ngoài ra, bệnh cần đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Chẩn đoán phải dựa trên kết quả mô bệnh học;
- Phẫu thuật cắt đại tràng và mở thông hồi tràng phải được thực hiện nhằm mục đích kiểm soát tình trạng bệnh đáp ứng kém với điều trị hoặc phòng ngừa sự phát triển ác tính.

58. Bệnh Crohn có đường rò

Là bệnh u hạt viêm ruột mãn tính, và phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Gây nên đường rò, hoặc tắc ruột hoặc thủng ruột;
- Đòi hỏi phải được điều trị bằng phẫu thuật;
- Đòi hỏi phải được điều trị bằng thuốc ức chế miễn dịch liên tục hoặc điều trị bằng thuốc điều hòa miễn dịch liên tục;
- Bệnh phải được chứng minh bằng kết quả sinh thiết và phải được điều trị liên tục dưới sự giám sát của Bác sĩ chuyên khoa Tiêu hóa.

59. Phẫu thuật vẹo cột sống tự phát

Là phẫu thuật cột sống được thực hiện để sửa chữa tình trạng cong vẹo bất thường của cột sống sang bên. Tình trạng vẹo cột sống phải là tự phát, không có sự hiện diện của bất kỳ nguyên nhân nào, và phải có mức độ vẹo với góc Cobb lớn hơn 40 độ.

Các trường hợp biến dạng cột sống kết hợp với khuyết tật bẩm sinh và bệnh thần kinh cơ không thuộc phạm vi được bảo hiểm.

60. Sốt xuất huyết Ebola

Là tình trạng nhiễm virus Ebola gây ra sốt và xuất huyết trong hoặc xuất huyết ngoài.

Bệnh phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- a. Kết quả xét nghiệm xác định virus Ebola dương tính;
- b. Có xuất huyết niêm mạc hoặc xuất huyết dạ dày, ruột;
- c. Chẩn đoán sốt xuất huyết Ebola phải được xác nhận bởi Bác sĩ chuyên khoa.

61. Bệnh phù chân voi

Là tình trạng nhiễm giun chỉ mãn tính với đầy đủ các biểu hiện sau:

- Phù nặng và thường xuyên ở cánh tay và chân hoặc các phần khác của cơ thể do tắc nghẽn mạch bạch huyết;
- Kết quả xét nghiệm máu có sự hiện diện của ấu trùng giun chỉ.

Các trường hợp sau không thuộc phạm vi bảo hiểm: tắc nghẽn mạch bạch huyết gây ra bởi bệnh lây truyền qua đường tình dục, ung thư, vết thương, sẹo phẫu thuật, phóng xạ, suy tim hoặc dị tật bẩm sinh.



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ GENERALI VIỆT NAM

TOÀ NHÀ GENERALI PLAZA
43-45 Tú Xương, P. Võ Thị Sáu,
Quận 3, TP.HCM

TOÀ NHÀ GENTOWER HÀ NỘI
14 Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

TOÀ NHÀ GENTOWER ĐÀ NẴNG
386 Hoàng Diệu, P. Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

 1900 96 96 75

 www.generali.vn

 info@generali-life.com.vn

QUY TẮC VÀ ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM BỔ TRỢ

BẢO HIỂM SỨC KHOẺ CÁ NHÂN

- PHIÊN BẢN 3

(Được phê chuẩn theo Công văn số 13136/BTC-QLBH ngày 12/12/2022 của Bộ Tài chính)



Bảo hiểm bổ trợ **Bảo hiểm sức khỏe cá nhân - Phiên bản 3^[1]** này ("Bảo hiểm sức khỏe cá nhân") được đính kèm sản phẩm bảo hiểm chính (bảo hiểm Liên kết đơn vị hoặc Liên kết chung) để bảo hiểm cho (những) người có quyền lợi có thể được bảo hiểm với Bên mua bảo hiểm, trong trường hợp Bên mua bảo hiểm có yêu cầu và được Generali chấp thuận. Việc lựa chọn tham gia Bảo hiểm sức khỏe cá nhân này không phải là yếu tố quyết định đến việc chấp thuận bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính.

Quy tắc và điều khoản này ("Điều khoản bổ trợ") là thỏa thuận giữa **Generali** và **Bên mua bảo hiểm** về Bảo hiểm bổ trợ và là một phần của Hợp đồng.

Trong điều khoản bổ trợ này:

- Các thuật ngữ được viết hoa nhưng không được định nghĩa sẽ được hiểu theo quy định của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm chính ("Điều khoản chính").
- Các quy định của Điều khoản chính sẽ được áp dụng cho Bảo hiểm sức khỏe cá nhân này, trừ khi Điều khoản bổ trợ có quy định cụ thể khác đi.
- Nếu có mâu thuẫn giữa Điều khoản bổ trợ với Điều khoản chính, quy định của Điều khoản bổ trợ sẽ được ưu tiên áp dụng.

[1] Bảo hiểm bổ trợ này khi được đính kèm theo sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung - Phiên bản 2017 sẽ được hiểu và gọi là "Quyền lợi bảo hiểm mở rộng".

Tiếp theo →

**BẢN SAO
GIẤY YÊU CẦU BẢO HIỂM
& TÀI LIỆU MINH HỌA
QUYỀN LỢI BẢO HIỂM**





GIẤY YÊU CẦU BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Số Giấy yêu cầu bảo hiểm A 0 7 3 5 1 2 9

Số Hợp đồng bảo hiểm

Số phiếu thu phí bảo hiểm

Họ và Tên Tư vấn Bảo hiểm	Mã số Tư vấn Bảo hiểm
NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	A G 0 8 8 8 8 3
	Ngày 02/11/2024

A. BÊN MUA BẢO HIỂM (trong tài liệu này sẽ được viết tắt là BMBH)

Vui lòng đánh dấu vào ô này nếu BMBH cũng là Người được bảo hiểm chính ☐

- Họ và tên (theo CMND/CCCD/Hộ chiếu) viết IN HOA NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG
- Ngày tháng năm sinh 03/02/1976 Nơi sinh Việt Nam ☐ Nam ☒ Nữ
- CMND/CCCD/Hộ chiếu 0 0 1 1 7 6 0 1 0 8 0 7 ☐ ☐
Ngày cấp 27/07/2016 Nơi cấp * CCT
- Quốc tịch (Vui lòng liệt kê tất cả quốc tịch hiện có) Việt Nam
Quốc gia cư trú nộp thuế Việt Nam Mã số thuế ☐
- Tình trạng hôn nhân ☐ Độc thân ☒ Kết hôn ☐ Góa ☐ Ly dị
- Quan hệ với Người được bảo hiểm ☐ Bản thân ☐ Vợ/Chồng ☒ Cha/Mẹ
☐ Khác (Vui lòng ghi rõ) ☐
- Nghề nghiệp Giám đốc, chủ doanh nghiệp Chức vụ ☐
Công việc Quản lý điều hành
- Cơ quan ☐ Địa chỉ ☐
- Thu nhập hàng năm (triệu đồng) 840
- Tài khoản Ngân hàng (để nhận các khoản thanh toán, nếu có, liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm)
Số Tài khoản ☐ Chi nhánh ☐
Chủ Tài khoản ☐ P.Giao dịch ☐
Ngân hàng ☐ Tỉnh/T.Phố ☐
- Địa chỉ

Chi tiết	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ liên lạc (nếu khác địa chỉ thường trú)
Số nhà/Đường/Tổ/Ấp/Thôn	P 2506 - Tòa nhà IP2, 360 - Giải Phóng	P 2506 - Tòa nhà IP2, 360 - Giải Phóng
Phường/Xã/Thị trấn	P. Phương Liệt	P. Phương Liệt
Quận/Huyện/T.Xã/T.Phố	Q. Thanh Xuân	Q. Thanh Xuân
Tỉnh/T.Phố	Hà Nội	Hà Nội

- Điện thoại Di động 0913363636 ☐ Cố định ☐
- Thư điện tử (Email) giangcaramello@gmail.com

Tôi/Chúng tôi đồng ý nhận mọi thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm từ Generali Việt Nam qua địa chỉ thư điện tử và số điện thoại mà Tôi/Chúng tôi đã cung cấp.

Nếu không đồng ý, vui lòng đánh dấu vào ô này ☐

13. Thông tin liên lạc khẩn cấp

Người liên lạc	☐	Giới tính ☐	Năm sinh ☐
Điện thoại di động	☐	Quan hệ với BMBH	☐
Email	☐		
Địa chỉ	☐		

* CTT: Cục Trưởng Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội

* CCT: Cục Trưởng Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú Và DLQG Về Dân Cư

* XNC: Cục quản lý xuất nhập cảnh



Số Giấy yêu cầu bảo hiểm A0735129

B. NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM (trong tài liệu này sẽ được viết tắt là NĐBH)

(Vui lòng điền thông tin nếu NĐBH chính không phải là BMBH)

1. Họ và tên viết IN HOA (theo CMND/CCCD/Hộ chiếu/Khai sinh)	ĐÀO QUANG MINH			
2. Ngày tháng năm sinh	15/02/2003	Nơi sinh	Việt Nam	☒ Nam ☐ Nữ
3. CMND/CCCD/Hộ chiếu/Khai sinh	0 0 1 2 0 3 0 4 2 0 3 2			
Ngày cấp	10/03/2020	Nơi cấp	CCT	
4. Quốc tịch (Vui lòng liệt kê tất cả quốc tịch hiện có)	Việt Nam			
Quốc gia cư trú nộp thuế	Việt Nam	Mã số thuế		
5. Tình trạng hôn nhân	☒ Độc thân	☐ Kết hôn	☐ Góa	☐ Ly dị
6. Nghề nghiệp	Sinh viên, học sinh, trẻ em	Chức vụ		
Công việc	Học tập			
Cơ quan		Địa chỉ		
7. Thu nhập hàng năm (triệu đồng)	0			
8. Địa chỉ				

Chi tiết	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ liên lạc (nếu khác địa chỉ thường trú)
Số nhà/Đường/Tổ/Ấp/Thôn	P 2506 - Tòa nhà IP2, 360 - Giải Phóng	
Phường/Xã/Thị trấn	P. Phương Liệt	
Quận/Huyện/T.Xã/T.Phố	Q. Thanh Xuân	
Tỉnh/T.Phố	Hà Nội	

9. Điện thoại	Di động		Cố định	
10. Thư điện tử (Email)				

C. NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM BỔ SUNG (NẾU CÓ)

(Nếu có NĐBH bổ sung được liệt kê ở mục này, vui lòng lập Tờ khai thông tin cho từng NĐBH bổ sung)

Họ và tên NĐBH bổ sung	Ngày sinh	Giới tính	Quan hệ của BMBH với NĐBH bổ sung
NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	03/02/1976	Nữ	Bản thân

D. NGƯỜI THỤ HƯỞNG

- Người thụ hưởng có thể là Ông/Bà, Cha/Mẹ, Vợ/Chồng, Con, Anh/Chị/Em ruột của NĐBH.
- Tổng tỷ lệ % thụ hưởng của tất cả những Người thụ hưởng phải là 100%.

Họ tên – Giới tính	Số CMND/CCCD HC/KS – Ngày sinh	Nơi sinh – Quốc tịch - Tình trạng hôn nhân	Mã số thuế - Quốc gia cư trú nộp thuế	Tỷ lệ thụ hưởng(%) – Mỗi quan hệ với NĐBH chính
NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG - Nữ	001176010807 - 03/02/1976	Việt Nam - Việt Nam - Đã kết hôn	- Việt Nam	50 - Cha/Mẹ
Đào Quang Huy - Nam	001072009424 - 23/09/1972	Việt Nam - Việt Nam - Đã kết hôn	- Việt Nam	50 - Cha/Mẹ



Số Giấy yêu cầu bảo hiểm A0735129

E. SẢN PHẨM YÊU CẦU BẢO HIỂM

(Vui lòng ghi thông tin phù hợp với thông tin trên Tài liệu minh họa Quyền lợi bảo hiểm)

Họ và tên (những) NĐBH	Sản phẩm bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm (đồng)	Phí bảo hiểm (đồng)
ĐÀO QUANG MINH	VITA - ĐẦU TƯ NHƯ Ý Lựa chọn bảo vệ 200	1,500,000,000	20,130,000
ĐÀO QUANG MINH	Bảo hiểm tử vong và thương tật do Tai nạn - Phiên bản mở rộng	500,000,000	1,568,000
ĐÀO QUANG MINH	Bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần	500,000,000	2,160,000
ĐÀO QUANG MINH	VITA-Sức Khỏe Vàng-Phiên bản 3- Nội trú - V.I.P		7,016,000
ĐÀO QUANG MINH	VITA-Sức Khỏe Vàng-Phiên bản 3- Ngoại trú - Tiêu chuẩn		1,802,000
NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	VITA-Sức Khỏe Vàng-Phiên bản 3- Nội trú - V.I.P		10,128,000
NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	VITA-Sức Khỏe Vàng-Phiên bản 3- Ngoại trú - Cao cấp		5,624,000

 Tổng phí bảo hiểm tạm tính (đồng) **48,428,000**

Thời hạn bảo hiểm và Thời hạn đóng phí: Theo Tài liệu minh họa Quyền lợi bảo hiểm

 Định kỳ đóng phí ☒ Hàng năm ☐ Nửa năm ☐ Quý ☐ Khác

 Phương thức đóng phí ☐ Tiền mặt ☐ Thẻ tín dụng/Ghi nợ ☒ Chuyển khoản ☐ Khác

Tỷ lệ phân bổ quỹ (áp dụng cho sản phẩm VITA - Đầu Tư Như Ý)

Quỹ liên kết đơn vị	Phí bảo hiểm định kỳ		Phí bảo hiểm đóng thêm	
	Mã số quỹ	Tỷ lệ phân bổ quỹ (%)	Mã số quỹ	Tỷ lệ phân bổ quỹ (%)
Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	FDT1	50	FDE1	-
Quỹ Tích Lũy Năng Động	FPT1	50	FPE1	-
Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	FGT1	-	FGE1	-
Quỹ Tăng Trưởng Năng Động	FBT1	-	FBE1	-

(Tỷ lệ phân bổ vào mỗi quỹ phải là bội số của 5% và tổng Tỷ lệ phân bổ quỹ của Phí bảo hiểm định kỳ hoặc Phí bảo hiểm đóng thêm phải là 100%)



Số Giấy yêu cầu bảo hiểm A0735129

F. CÁC HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM HIỆN CÓ

Ông/Bà có hợp đồng bảo hiểm hoặc yêu cầu bảo hiểm tại bất kỳ Công ty bảo hiểm hoặc Tổ chức tài chính nào kể cả tại Generali Việt Nam không? Nếu Có, xin vui lòng trả lời chi tiết dưới đây:	NĐBH		BMBH	
	Có	Không	Có	Không
	☐	☒	☐	☐

Tên Công ty/Tổ chức	Họ và tên NĐBH	Số hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	Ngày hiệu lực

Nếu có bất kỳ hợp đồng/yêu cầu bảo hiểm nào bị tăng phí, loại trừ, tạm hoãn, từ chối bảo hiểm hoặc đình chỉ thực hiện đối với NĐBH, xin vui lòng cung cấp thông tin chi tiết vào ô dưới đây:

--

G. TIỀN SỬ BỆNH CỦA GIA ĐÌNH

Cha, Mẹ, Anh, Chị, Em ruột của NĐBH/BMBH có ai được chẩn đoán (các) bệnh sau đây trước 60 tuổi không?	NĐBH		BMBH	
	Có	Không	Có	Không
a) Bệnh tim, ung thư, đột quỵ, đái tháo đường, tai biến mạch não	☐	☒	☐	☐
b) Xơ cứng rải rác, nhược cơ, thận đa nang, lao, tâm thần, trầm cảm	☐	☒	☐	☐
c) HIV/AIDS	☐	☒	☐	☐
d) Bệnh di truyền	☐	☒	☐	☐

Nếu Có, xin vui lòng cung cấp thông tin chi tiết dưới đây:

Mối quan hệ với		Hiện nay		Nếu đã tử vong	
NĐBH	BMBH	Tuổi	Tình trạng bệnh	Tuổi lúc tử vong	Nguyên nhân



Số Giấy yêu cầu bảo hiểm A0735129

H. SỨC KHỎE VÀ TIỀN SỬ BỆNH CỦA NĐBH VÀ BMBH

Chi tiết	NĐBH		BMBH		Vui lòng ghi thông tin chi tiết cho câu trả lời Có
	Có	Không	Có	Không	
1. Chiều cao và cân nặng Chiều cao (cm) Cân nặng (kg)	182 68				
2. Cân nặng của Ông/Bà có thay đổi từ 5 kg trở lên trong vòng 12 tháng vừa qua mà không liên quan đến chế độ tập luyện/ăn uống được hướng dẫn bởi chuyên gia, bác sĩ không? Nếu Có, vui lòng cho biết số cân nặng thay đổi và lý do.	☐	☒	☐	☐	
3. Trong vòng 12 tháng vừa qua, Ông/Bà có hút thuốc lá không? Nếu Có, vui lòng cho biết số điếu hút mỗi ngày và thời gian đã hút được bao lâu: Số lượng hút (điếu/ngày) Từ năm	☐	☒	☐	☐	
4. Ông/Bà đã từng hoặc hiện nay có uống bia, rượu không? Nếu Có, vui lòng cho biết loại đồ uống và mức sử dụng trung bình hàng tuần: Số lần uống hàng tuần Lượng rượu uống mỗi lần (ml) (1 lít = 1.000 ml = 100 chén/4 xị rượu) Lượng bia uống mỗi lần (ml) (1 lít = 1.000 ml = 3 lon/chai bia)	☐	☒	☐	☐	
5. Ông/Bà đã từng hoặc hiện nay: a. sử dụng thuốc gây nghiện hoặc chất gây nghiện, ví dụ như các sản phẩm từ thuốc phiện, thuốc an thần, cần sa, ma túy, chất gây ảo giác, amphetamin, cocain, thuốc lắc? b. được điều trị hoặc tư vấn liên quan đến việc sử dụng thuốc gây nghiện, chất gây nghiện, nghiện rượu, ma túy?	☐ ☐	☒ ☒	☐ ☐	☐ ☐	
6. Hiện nay Ông/Bà có tham gia hoặc dự định tham gia vào hoạt động mạo hiểm hoặc nguy hiểm, ví dụ như lặn, đua xe, leo núi, bay bằng máy bay quân sự/máy bay cá nhân, bay không phải với tư cách là hành khách? Nếu Có, vui lòng cho biết loại hình hoạt động, thời gian và số lần tham gia trong mỗi năm.	☐	☒	☐	☐	
7. Ông/Bà đã từng ở nước ngoài trong 12 tháng vừa qua hoặc dự định đi tới (các) quốc gia nào khác ngoài Việt Nam không? Nếu Có, vui lòng nêu tên quốc gia, thời điểm đi, thời gian lưu trú, và mục đích.	☐	☒	☐	☐	
8. Ông/Bà có đang hoặc chuẩn bị được điều trị y tế vì bất kỳ bệnh tật nào hoặc dự định khám, xét nghiệm, tư vấn bác sĩ, hoặc nhập viện vì bất kỳ lý do nào không?	☐	☒	☐	☐	



Số Giấy yêu cầu bảo hiểm A0735129

Chi tiết	NĐBH		BMBH		Vui lòng ghi thông tin chi tiết cho câu trả lời Có
	Có	Không	Có	Không	
9. Trong 3 năm vừa qua, ngoại trừ kiểm tra sức khỏe định kỳ có kết quả bình thường, Ông/Bà đã bao giờ: a. có bất kỳ dấu hiệu bất thường, hoặc được khám/được tư vấn/được chẩn đoán/điều trị về bất kỳ bệnh nào? b. được làm xét nghiệm, kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh (như: X-quang, chụp cắt lớp, chụp cộng hưởng từ, siêu âm, sinh thiết, điện tâm đồ, xét nghiệm máu, gen, nhiễm sắc thể, nước tiểu, xét nghiệm khác)? Nếu Có, vui lòng ghi rõ kết quả xét nghiệm, chẩn đoán và phương pháp điều trị.	☐	☒	☐	☐	
10. Ông/Bà đã từng có hoặc hiện nay có bất kỳ dấu hiệu hoặc triệu chứng, hoặc mắc bệnh hoặc được khám, hoặc xét nghiệm, hoặc tư vấn, hoặc chẩn đoán, hoặc điều trị về bất kỳ bệnh nào được nêu dưới đây: (Xin lưu ý, cho dù dấu hiệu, triệu chứng, mắc bệnh, việc khám, xét nghiệm, tư vấn, chẩn đoán hoặc điều trị về các bệnh được nêu dưới đây đã xảy ra hơn 03 năm, Ông/Bà cũng cần phải khai báo chính xác và đầy đủ.)					
a. Tim mạch: • đau thắt ngực, tăng mỡ máu, cao huyết áp, xơ vữa mạch máu, dị dạng mạch máu, giãn tĩnh mạch, • tai biến mạch máu não, nhồi máu não, xuất huyết não, thiếu máu não, nhồi máu cơ tim, thiếu máu cơ tim, bệnh van tim, bệnh cơ tim, bệnh màng tim, rối loạn nhịp tim, bệnh lý động mạch phổi, bệnh lý động mạch chủ.	☐	☒	☐	☐	
b. Hô hấp: • khó thở, ho kéo dài trên 7 ngày, ho ra máu, hen suyễn, • bệnh phổi mãn tính, bệnh phổi tắc nghẽn, bệnh lao, tràn dịch màng phổi, nhiễm Covid có điều trị tại khoa chăm sóc đặc biệt.	☐	☒	☐	☐	
c. Tiêu hóa: • vàng da, vàng mắt, rối loạn chức năng gan, sỏi mật, xơ gan, viêm gan B, viêm gan C hoặc bất kỳ bệnh viêm gan, • xuất huyết tiêu hóa, viêm/loét dạ dày, viêm/loét tá tràng, viêm/loét đại tràng, trào ngược dạ dày - thực quản, trĩ, bệnh hậu môn trực tràng, bệnh lý tuyến tụy.	☐	☒	☐	☐	
d. Tiết niệu sinh dục: • phù, có máu hoặc đạm hoặc đường trong nước tiểu, • sỏi đường niệu, nhiễm trùng đường niệu, suy thận, viêm cầu thận, viêm thận, hội chứng thận hư, nang tủy thận, ghép thận, cắt thận.	☐	☒	☐	☐	



Số Giấy yêu cầu bảo hiểm A0735129

Chi tiết	NĐBH		BMBH		Vui lòng ghi thông tin chi tiết cho câu trả lời Có
	Có	Không	Có	Không	
e. Thần kinh - tâm thần: - đau đầu hoặc chóng mặt kéo dài trên 7 ngày, run chân tay, yếu/liệt chân tay, bất tỉnh, ngất, đột quy, co giật, bệnh lý tủy sống, xơ cứng cột bên, - động kinh, viêm não, viêm màng não, bại não, bệnh tủy sống, sa sút trí tuệ, trầm cảm, rối loạn tâm thần, Parkinson, Alzheimer.	☐	☒	☐	☐	
f. Nội tiết - Chuyển hoá: - tiểu đường, rối loạn chuyển hóa đường, bướu cổ, u/nang/nhân tuyến giáp, rối loạn chức năng tuyến giáp, - bệnh lý hay rối loạn chức năng tuyến thượng thận, tuyến yên.	☐	☒	☐	☐	
g. Da, Cơ-Xương-Khớp: tàn tật, dị tật, thấp khớp, viêm khớp, gout, thoát vị đĩa đệm, bệnh lý về cơ, bệnh lý hay dị dạng về cột sống, bệnh lý hay dị dạng về lồng ngực, bệnh lý hay dị dạng về chi, thoái hóa khớp.	☐	☒	☐	☐	
h. Huyết học: - xuất huyết dưới da, xuất huyết giảm tiểu cầu, thiếu máu, máu không đông, bệnh bạch cầu, suy tủy, - đã từng nhận truyền máu hoặc các sản phẩm từ máu, hoặc được khuyên không cho máu.	☐	☒	☐	☐	
i. Mắt, Tai-Mũi-Họng: - chảy dịch/máu/mủ lỗ tai, chảy máu mũi, giảm thị lực, giảm thính lực, nhìn đôi, lác mắt, - khàn tiếng, khó phát âm, khó nuốt, nuốt nghẹn.	☐	☒	☐	☐	
j. Khối u - Ung thư: u, nang, polyp, ung thư, ung thư tại chỗ, nốt hạch, nhiễm chất độc da cam, nhiễm hóa chất.	☐	☒	☐	☐	
k. Ông/Bà hoặc Vợ/Chồng của Ông/Bà đã bao giờ: được tư vấn, thăm khám, xét nghiệm hoặc điều trị liên quan đến bệnh lây truyền qua đường tình dục, HIV/AIDS hoặc bất kỳ tình trạng nào liên quan đến HIV/AIDS, tình trạng suy giảm miễn dịch.	☐	☒	☐	☐	
l. Bệnh lý khác - Lupus ban đỏ, khuyết tật, thương tật, bệnh bẩm sinh, bệnh di truyền, rối loạn hay bệnh về gen, rối loạn hay bệnh về nhiễm sắc thể, bệnh hệ thống, bệnh tự miễn, xơ cứng bì, - đã từng được phẫu thuật, hoặc đã từng nằm viện.	☐	☒	☐	☐	
11. Câu hỏi dành cho NĐBH là Trẻ em (dưới 10 tuổi):					
a. Cân nặng lúc sinh của trẻ: (kg) Trẻ có được sinh non dưới 37 tuần? Nếu Có, trẻ được sinh vào tuần thứ mấy?	 ☐	☐			



Số Giấy yêu cầu bảo hiểm A0735129

Chi tiết	NĐBH		BMBH		Vui lòng ghi thông tin chi tiết cho câu trả lời Có
	Có	Không	Có	Không	
b. Trẻ có bất thường về phát triển thể chất, tâm thần, vận động?	☐	☐			
c. Trẻ có dị tật hoặc bệnh bẩm sinh?	☐	☐			
d. Trẻ có anh/chị em sinh đôi, sinh ba cùng giới hay không?	☐	☐			
12. Câu hỏi dành cho NĐBH là Nữ:					
a. Bà có đang mang thai không? Nếu Có, vui lòng cho biết ngày dự sinh.	☐	☐	☐	☐	
b. Bà đã bao giờ có bất kỳ dấu hiệu, hoặc triệu chứng, hoặc mắc bệnh, hoặc được khám, hoặc xét nghiệm, hoặc tư vấn bác sĩ, hoặc chẩn đoán, hoặc điều trị về: • rối loạn kinh nguyệt, ra máu âm đạo bất thường, • xét nghiệm phết tế bào âm đạo - cổ tử cung cho kết quả bất thường, • rối loạn hay bệnh lý của vú, tuyến vú, cơ quan sinh dục, hoặc • có bất kỳ biến chứng nào trong thai kỳ hay khi sinh con? (Xin lưu ý, cho dù dấu hiệu, triệu chứng, mắc bệnh, việc khám, xét nghiệm, tư vấn, chẩn đoán hoặc điều trị đã xảy ra hơn 03 năm, vẫn cần phải khai báo chính xác và đầy đủ.)	☐	☐	☐	☐	
13. Ông/Bà có thường đến thăm khám hoặc tư vấn y khoa với bác sĩ nào không? Nếu Có, vui lòng cho biết tên và địa chỉ của bác sĩ/cơ sở y tế nơi thăm khám.	☐	☒	☐	☐	
CAM KẾT VỀ LUẬT TUÂN THỦ THUẾ ĐỐI VỚI TÀI KHOẢN Ở NƯỚC NGOÀI CỦA HOA KỲ (FATCA)					
<i>(Vui lòng đánh dấu vào ô thích hợp bên dưới, nếu có)</i>					
Tôi/Chúng tôi/Người thụ hưởng là công dân/tổ chức hoặc cư trú dài hạn hợp pháp tại Hoa Kỳ					☐
Tôi/Chúng tôi/Người thụ hưởng có yếu tố liên quan đến Hoa Kỳ bao gồm nơi sinh tại Hoa Kỳ và/hoặc địa chỉ tại Hoa Kỳ và/hoặc số điện thoại liên lạc tại Hoa Kỳ					☐
Tôi/Chúng tôi/Người thụ hưởng có thực hiện nghĩa vụ khai báo thuế tại Hoa Kỳ					☐
Tôi/Chúng tôi với tư cách là BMBH/NĐBH và đại diện theo ủy quyền của (các) Người thụ hưởng theo đây đồng ý rằng:					
- Trong trường hợp Tôi/Chúng tôi hoặc (các) Người thụ hưởng là công dân/tổ chức Hoa Kỳ hoặc là người có yếu tố liên quan đến Hoa Kỳ có nghĩa vụ kê khai thuế theo Luật Tuân thủ thuế đối với các tài khoản ở nước ngoài của Hoa Kỳ (FATCA), Tôi/Chúng tôi đồng ý nộp kèm tờ khai W9/W8 tương ứng theo hướng dẫn của Generali Việt Nam. - Trong trường hợp Tôi/Chúng tôi hoặc (các) Người thụ hưởng có thay đổi bất kỳ yếu tố nào liên quan đến nghĩa vụ khai báo và nộp thuế tại Hoa Kỳ, Tôi/Chúng tôi/(các) Người thụ hưởng sẽ ngay lập tức thông báo cho Generali Việt Nam bằng văn bản và sẽ cung cấp thông tin/chứng từ cần thiết theo yêu cầu của Generali Việt Nam.					



Số Giấy yêu cầu bảo hiểm A0735129

KHAI BÁO THÔNG TIN LÀ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CHÍNH PHỦ/ LÀM VIỆC TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

(Vui lòng đánh dấu vào ô thích hợp bên dưới, nếu có)

☐ Tôi hoặc người thân (*) của tôi là công chức, viên chức Chính phủ hoặc đang làm việc tại các Cơ quan nhà nước.

(*) Người thân bao gồm cha, mẹ, vợ, chồng, con của người khai báo thông tin

CAM KẾT VÀ ĐỒNG Ý CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM, NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

1. Tôi/Chúng tôi cam kết và đồng ý rằng:

- a. Tất cả thông tin nêu trong Giấy yêu cầu bảo hiểm này và trong bất cứ tài liệu nào cung cấp cho Generali Việt Nam hoặc bác sĩ của Generali Việt Nam đều là những thông tin trung thực và đầy đủ theo hiểu biết của Tôi/Chúng tôi. Tôi/Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng việc thăm định sức khỏe không phải là nghĩa vụ bắt buộc của Generali Việt Nam. Việc thăm định sức khỏe không thay thế cho nghĩa vụ kê khai thông tin đầy đủ và chính xác của BMBH/NĐBH.
- b. Tôi/Chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm pháp lý với những gì đã khai báo và cam kết. Tôi/Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng nếu có bất kỳ thông tin nào cố tình không được kê khai hoặc cố tình kê khai không chính xác mà nếu biết được những thông tin đó Generali Việt Nam sẽ không nhận bảo hiểm hoặc nhận bảo hiểm với mức phí bảo hiểm cao hơn hoặc với điều kiện loại trừ bảo hiểm thì hợp đồng bảo hiểm có thể bị chấm dứt hiệu lực và quyền lợi bảo hiểm sẽ không được chi trả.
- c. Kể từ ngày lập Giấy yêu cầu bảo hiểm này cho đến ngày Generali Việt Nam phát hành Giấy Chứng nhận bảo hiểm, Tôi/Chúng tôi sẽ thông báo cho Generali Việt Nam mọi thay đổi liên quan đến tình trạng sức khỏe của Tôi/Chúng tôi và (các) Người được bảo hiểm. Trên cơ sở thông tin nhận được, Generali Việt Nam có quyền chấp nhận hoặc từ chối hồ sơ yêu cầu bảo hiểm của Tôi/Chúng tôi.
- d. Việc đóng phí bảo hiểm cùng với yêu cầu bảo hiểm này cho Generali Việt Nam không ràng buộc Generali Việt Nam phải chấp nhận bảo hiểm. Hợp đồng bảo hiểm sẽ chỉ có hiệu lực khi Generali Việt Nam đã hoàn toàn chấp nhận hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, toàn bộ phí bảo hiểm đầu tiên đã được đóng đầy đủ trong khi Tôi/Chúng tôi và (các) Người được bảo hiểm vẫn còn sống và trong tình trạng sức khỏe tốt.
- e. Tôi/Chúng tôi không trong tình trạng mất khả năng trả nợ, bị tuyên bố phá sản, hoặc đang bị khởi tố/truy tố/xét xử hoặc khởi kiện.

2. Tôi/Chúng tôi đồng ý để Generali Việt Nam thực hiện việc báo cáo và tiến hành xử lý hợp đồng bảo hiểm theo quy định của pháp luật có liên quan nếu trường hợp giao dịch bảo hiểm của Tôi/Chúng tôi thuộc diện phải báo cáo theo quy định của pháp luật phòng chống khủng bố, phòng chống rửa tiền.

3. Tôi/Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng: Generali Việt Nam có nghĩa vụ tuân thủ các quy định về cấm vận của Liên Hiệp Quốc, Liên Minh Châu Âu, Hoa Kỳ và Việt Nam. Do đó, Generali Việt Nam có quyền thực hiện tất cả các hành động cần thiết, bao gồm: báo cáo cho cơ quan/tổ chức có thẩm quyền, từ chối bảo hiểm, chấm dứt hợp đồng bảo hiểm, từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm,... khi xét thấy có dấu hiệu vi phạm quy định về cấm vận.

(Danh sách các quốc gia và vùng lãnh thổ bị cấm vận được cập nhật tại trang thông tin điện tử của Generali Việt Nam (<https://generali.vn> hoặc <https://genvita.vn/>) theo từng thời điểm).



4. Bằng Giấy yêu cầu bảo hiểm này, Tôi/Chúng tôi với tư cách là BMBH/NĐBH và đại diện theo ủy quyền của (các) Người thụ hưởng, cho phép Generali Việt Nam sử dụng các thông tin cá nhân của Tôi/Chúng tôi và (các) Người thụ hưởng, thông tin liên quan đến yêu cầu bảo hiểm/hợp đồng bảo hiểm này: để cung cấp cho bất kỳ cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào khi được yêu cầu (bao gồm cơ quan quản lý thuế Hoa Kỳ); để thẩm định, định phí bảo hiểm, phát hành/thực hiện hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, trích lập dự phòng nghiệp vụ, giải quyết quyền lợi bảo hiểm, nghiên cứu thiết kế sản phẩm, phòng chống trục lợi bảo hiểm, phòng chống khủng bố/rửa tiền, nghiên cứu đánh giá tình hình tài chính, khả năng thanh toán, mức độ đầy đủ vốn, yêu cầu vốn. Theo đó, Generali Việt Nam được phép cung cấp thông tin cho bên thứ ba cho (các) mục đích nêu trên. Ngoài ra, nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản hoặc không được pháp luật quy định, Generali Việt Nam không được phép chuyển giao các thông tin của Tôi/Chúng tôi cho bất kỳ bên thứ ba nào khác.
5. Tôi/Chúng tôi cho phép Generali Việt Nam được quyền tự mình hoặc thông qua bác sĩ, bệnh viện, phòng khám, công ty bảo hiểm, cá nhân, tổ chức hay cơ quan khác, tìm hiểu, thu thập, sao chép, xử lý các thông tin cá nhân của Tôi/Chúng tôi và (các) Người được bảo hiểm (bao gồm những thông tin, tài liệu sức khỏe, điều trị y tế) nhằm mục đích phục vụ cho việc thực hiện hợp đồng bảo hiểm hoặc giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho Tôi/Chúng tôi và (các) Người được bảo hiểm. Tôi/Chúng tôi đồng ý và chấp nhận cho phép bất cứ bên thứ ba nào được Generali Việt Nam tiếp xúc hoặc yêu cầu đều được quyền cung cấp các thông tin cá nhân (bao gồm những thông tin, tài liệu sức khỏe, điều trị y tế) của Tôi/Chúng tôi và (các) Người được bảo hiểm.
6. Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng hợp đồng bảo hiểm được giao kết và phát hành tại Việt Nam và bằng đồng Việt Nam. Mọi khoản thanh toán theo hợp đồng bảo hiểm, dù là do Generali Việt Nam thanh toán hay thanh toán cho Generali Việt Nam, sẽ được thực hiện bằng đồng Việt Nam và tại Việt Nam.
7. Tôi/Chúng tôi đã được giải thích rõ ràng, đầy đủ về quyền lợi của sản phẩm bảo hiểm được nêu trong Giấy yêu cầu bảo hiểm này và nhận thức được các đặc thù của sản phẩm bảo hiểm. Tôi/Chúng tôi đã được cung cấp tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm và toàn bộ nội dung đã được trình bày, giải thích đầy đủ theo yêu cầu của Tôi/Chúng tôi. Tôi/Chúng tôi xác nhận rằng việc tham gia bảo hiểm là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và phù hợp với nhu cầu tài chính, nhu cầu bảo hiểm của bên mua bảo hiểm.
8. Trong thời gian đóng phí bắt buộc của hợp đồng bảo hiểm, Tôi/Chúng tôi đề nghị và đồng ý rằng Giá trị Tài khoản hợp đồng sẽ được tự động trích để đóng Phí bảo hiểm định kỳ đến hạn nếu:
- Tôi/Chúng tôi không đóng đủ phí khi kết thúc thời gian gia hạn; và
 - Giá trị Tài khoản hợp đồng đủ để đóng phí đến hạn.
- Tuy nhiên, vào mỗi định kỳ đóng phí, nếu Tôi/Chúng tôi muốn thay đổi yêu cầu này, Tôi/Chúng tôi sẽ gửi thông báo đến Generali. Khi đó, việc trích Giá trị Tài khoản hợp đồng để đóng phí cho kỳ phí đó sẽ không được thực hiện.
9. Generali Việt Nam có quyền hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm trong các trường hợp sau:
- BMBH không hoàn tất việc tiếp nhận hợp đồng trong thời hạn quy định; hoặc
 - Trước khi kết thúc thời gian cân nhắc, Generali (i) không thể liên lạc được với BMBH (thông qua số điện thoại đăng ký trong Giấy yêu cầu bảo hiểm này) để kiểm tra việc tham gia bảo hiểm; hoặc (ii) kết quả kiểm tra thông qua cuộc gọi với BMBH không đáp ứng được các tiêu chí thẩm định của Generali Việt Nam.
- Khi đó, Generali Việt Nam sẽ hoàn trả cho BMBH toàn bộ phí bảo hiểm đã đóng (không có lãi), sau khi trừ đi các quyền lợi đã chi trả trước đó và các chi phí khám, xét nghiệm y khoa (nếu có).

Vui lòng đánh dấu vào ô bên phải nếu BMBH/NĐBH không đồng ý với các cam kết nói trên

☐



Số Giấy yêu cầu bảo hiểm A0735129

LƯU Ý QUAN TRỌNG

- (1) Các thông tin/sự việc có thể đã cung cấp cho Tư vấn Bảo hiểm hoặc các thông tin/sự việc mà BMBH/NĐBH không chắc chắn có quan trọng hay không thì xin vui lòng vẫn khai báo.
- (2) Để việc thông tin liên lạc đến BMBH được đầy đủ và kịp thời, xin vui lòng kiểm tra thông tin liên lạc của BMBH ở mục A (địa chỉ, số điện thoại, email) để chắc chắn rằng các thông tin này là rõ ràng và chính xác.
- (3) Đề nghị BMBH/NĐBH kiểm tra lại toàn bộ thông tin yêu cầu bảo hiểm và chắc chắn rằng BMBH/NĐBH hoàn toàn đồng ý với các thông tin đã kê khai.

Tôi/Chúng tôi xác nhận rằng Tôi/Chúng tôi đã đọc, được nghe Tư vấn Bảo hiểm giải thích toàn bộ những câu hỏi, lời khai, quyền lợi bảo hiểm trong hồ sơ này, và những thông tin này là phù hợp với nhu cầu bảo hiểm của Tôi/Chúng tôi. NĐBH xác nhận đã đồng ý cho BMBH đứng tên mua bảo hiểm cho mình.

Hồ sơ này được lập Lúc giờ, Ngày Tháng Năm

BÊN MUA BẢO HIỂM

Họ và tên NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

Họ và tên ĐÀO QUANG MINH

CAM KẾT CỦA TƯ VẤN BẢO HIỂM

Tôi cam kết rằng những thông tin trong Giấy yêu cầu bảo hiểm nhân thọ này là thông tin duy nhất mà BMBH và (những) NĐBH đã cung cấp cho tôi. Tôi đã không che giấu hoặc hướng dẫn cho khách hàng tạo dựng nên bất kỳ thông tin nào nhằm gây ảnh hưởng đến quyết định chấp nhận bảo hiểm của Generali Việt Nam.

Tôi cam kết đã gặp trực tiếp BMBH và (những) NĐBH để: kiểm tra ban đầu các thông tin cá nhân, đã giải thích rõ các câu hỏi trong Giấy yêu cầu bảo hiểm nhân thọ và đã tư vấn cho BMBH và (những) NĐBH đúng theo quy định của Generali Việt Nam.

Tư vấn Bảo Hiểm

Họ và tên NGUYỄN THỊ
NGỌC BÍCH

Điện thoại 0912037876

Mã CN/NH

Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm này được lập thông qua ứng dụng điện tử Genova của Generali Việt Nam và được Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và Tư vấn bảo hiểm xác nhận bằng Thư xác nhận yêu cầu bảo hiểm qua ứng dụng điện tử Genova.



TK

TỜ KHAI THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

Số Giấy yêu cầu bảo hiểm

A 0 7 3 5 1 2 9

Số Hợp đồng bảo hiểm

Họ và tên Bên Mua Bảo Hiểm

NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

I. NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM (trong tài liệu này sẽ được viết tắt là NĐBH)

1. Họ và tên viết IN HOA

NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

(theo CMND/CCCD/Hộ chiếu/Khai sinh)

2. Ngày tháng năm sinh 03/02/1976

Nơi sinh

Việt Nam

☐ Nam☒ Nữ

3. CMND/CCCD/Hộ chiếu/Khai sinh

0 0 1 1 7 6 0 1 0 8 0 7

Ngày cấp 27/07/2016

Nơi cấp

CCT

4. Quốc tịch (Vui lòng liệt kê tất cả quốc tịch hiện có)

Việt Nam

Quốc gia cư trú nộp thuế

Việt Nam

Mã số thuế

5. Tình trạng hôn nhân

☐

Độc thân

☒

Kết hôn

☐

Góa

☐

Ly dị

6. Quan hệ của Bên mua bảo hiểm

☒

Bản thân

☐

Vợ/Chồng

☐

Cha/mẹ

với NĐBH

☐

Khác (Vui lòng ghi rõ)

7. Nghề nghiệp

Giám đốc, chủ doanh nghiệp

Chức vụ

Công việc

Quản lý điều hành

Cơ quan

Địa chỉ

8. Thu nhập hàng năm (triệu đồng)

840

9. Địa chỉ

Chi tiết	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ liên lạc (nếu khác địa chỉ thường trú)
Số nhà/Đường/Tổ/Ấp/Thôn	P 2506 - Tòa nhà IP2, 360 - Giải Phóng	P 2506 - Tòa nhà IP2, 360 - Giải Phóng
Phường/Xã/Thị trấn	P. Phương Liệt	P. Phương Liệt
Quận/Huyện/T.Xã/T.Phố	Q. Thanh Xuân	Q. Thanh Xuân
Tỉnh/T.Phố	Hà Nội	Hà Nội

10. Điện thoại

Di động

0913363636

Cố định

11. Thư điện tử (Email)

giangcaramello@gmail.com

II. CÁC HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM HIỆN CÓ

Ông/Bà có hợp đồng bảo hiểm hoặc yêu cầu bảo hiểm tại bất kỳ Công ty bảo hiểm hoặc Tổ chức tài chính nào kể cả tại Generali Việt Nam không?

☐ Có☒ Không

Nếu Có, xin vui lòng trả lời chi tiết dưới đây:

Tên Công ty/Tổ chức	Họ và tên NĐBH	Số hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	Ngày hiệu lực

Nếu có bất kỳ hợp đồng/yêu cầu bảo hiểm nào bị tăng phí, loại trừ, tạm hoãn, từ chối bảo hiểm hoặc đình chỉ thực hiện đối với NĐBH, xin vui lòng cung cấp thông tin chi tiết vào ô dưới đây:



TK

III. TIỀN SỬ BỆNH CỦA GIA ĐÌNH

Cha, Mẹ, Anh, Chị, Em ruột của NĐBH/BMBH có ai được chẩn đoán (các) bệnh sau đây trước 60 tuổi không?

Có Không

- a) Bệnh tim, ung thư, đột quỵ, đái tháo đường, tai biến mạch não
b) Xơ cứng rải rác, nhược cơ, thận đa nang, lao, tâm thần, trầm cảm
c) HIV/AIDS
d) Bệnh di truyền

☐	☒
☐	☒
☐	☒
☐	☒

Nếu Có, xin vui lòng cung cấp thông tin chi tiết dưới đây:

Mối quan hệ với NĐBH	Hiện nay		Nếu đã tử vong	
	Tuổi	Tình trạng bệnh	Tuổi lúc tử vong	Nguyên nhân

IV. SỨC KHỎE VÀ TIỀN SỬ BỆNH CỦA NĐBH

Chi tiết	NĐBH		Vui lòng ghi thông tin chi tiết cho câu trả lời Có
	Có	Không	
1. Chiều cao và cân nặng Chiều cao (cm) Cân nặng (kg)	150 51		
2. Cân nặng của Ông/Bà có thay đổi từ 5 kg trở lên trong vòng 12 tháng vừa qua mà không liên quan đến chế độ tập luyện/ăn uống được hướng dẫn bởi chuyên gia, bác sĩ không? Nếu Có, vui lòng cho biết số cân nặng thay đổi và lý do.	☐	☒	
3. Trong vòng 12 tháng vừa qua, Ông/Bà có hút thuốc lá không? Nếu Có, vui lòng cho biết số điếu hút mỗi ngày và thời gian đã hút được bao lâu Số lượng hút (điếu/ngày) Từ năm	☐	☒	
4. Ông/Bà đã từng hoặc hiện nay có uống bia, rượu không? Nếu Có, vui lòng cho biết loại đồ uống và mức sử dụng trung bình hàng tuần Số lần uống hàng tuần Lượng rượu uống mỗi lần (ml) (1 lít = 1.000 ml = 100 chén/4 xị rượu) Lượng bia uống mỗi lần (ml) (1 lít = 1.000 ml = 3 lon/chai bia)	☐	☒	
5. Ông/Bà đã từng hoặc hiện nay: a. sử dụng thuốc gây nghiện hoặc chất gây nghiện, ví dụ như các sản phẩm từ thuốc phiện, thuốc an thần, cần sa, ma túy, chất gây ảo giác, amphetamin, cocain, thuốc lắc? b. được điều trị hoặc tư vấn liên quan đến việc sử dụng thuốc gây nghiện, chất gây nghiện, nghiện rượu, ma túy?	☐	☒	
6. Hiện nay Ông/Bà có tham gia hoặc dự định tham gia vào hoạt động mạo hiểm hoặc nguy hiểm, ví dụ như lặn, đua xe, leo núi, bay bằng máy bay quân sự/máy bay cá nhân, bay không phải với tư cách là hành khách? Nếu Có, vui lòng cho biết loại hình hoạt động, thời gian và số lần tham gia trong mỗi năm.	☐	☒	



TK

Chi tiết	NĐBH		Vui lòng ghi thông tin chi tiết cho câu trả lời Có
	Có	Không	
7. Ông/Bà đã từng ở nước ngoài trong 12 tháng vừa qua hoặc dự định đi tới (các) quốc gia nào khác ngoài Việt Nam không? Nếu Có, vui lòng nêu tên quốc gia, thời điểm đi, thời gian lưu trú, và mục đích.	☐	☒	
8. Ông/Bà có đang hoặc chuẩn bị được điều trị y tế vì bất kỳ bệnh tật nào hoặc dự định khám, xét nghiệm, tư vấn bác sĩ, hoặc nhập viện vì bất kỳ lý do nào không?	☐	☒	
9. Trong 3 năm vừa qua, ngoại trừ kiểm tra sức khỏe định kỳ có kết quả bình thường, Ông/Bà đã bao giờ: a. Có bất kỳ dấu hiệu bất thường, hoặc được khám/được tư vấn/được chẩn đoán/được điều trị về bất kỳ bệnh nào? b. được làm xét nghiệm, kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh (như: X-quang, chụp cắt lớp, chụp cộng hưởng từ, siêu âm, sinh thiết, điện tâm đồ, xét nghiệm máu, gen, nhiễm sắc thể, nước tiểu, xét nghiệm khác)? Nếu Có, vui lòng ghi rõ kết quả xét nghiệm, chẩn đoán và phương pháp điều trị.	☐ ☐	☒ ☒	
10. Ông/Bà đã từng có hoặc hiện nay có bất kỳ dấu hiệu, hoặc triệu chứng, hoặc mắc bệnh, hoặc được khám, hoặc xét nghiệm, hoặc tư vấn, hoặc chẩn đoán, hoặc điều trị về bất kỳ bệnh nào được nêu dưới đây: (Xin lưu ý, cho dù dấu hiệu, triệu chứng, mắc bệnh, việc khám, xét nghiệm, tư vấn, chẩn đoán hoặc điều trị về các bệnh được nêu dưới đây đã xảy ra hơn 03 năm, Ông/Bà cũng cần phải khai báo chính xác và đầy đủ.)			
a. Tim mạch: • đau thắt ngực, tăng mỡ máu, cao huyết áp, xơ vữa mạch máu, dị dạng mạch máu, giãn tĩnh mạch, • tai biến mạch não, nhồi máu não, xuất huyết não, thiếu máu não, nhồi máu cơ tim, thiếu máu cơ tim, • bệnh van tim, bệnh cơ tim, bệnh màng tim, rối loạn nhịp tim, bệnh lý động mạch phổi, bệnh lý động mạch chủ.	☐	☒	
b. Hô hấp: • khó thở, ho kéo dài trên 7 ngày, ho ra máu, hen suyễn, • bệnh phổi mãn tính, bệnh phổi tắc nghẽn, bệnh lao, tràn dịch màng phổi, nhiễm Covid có điều trị tại khoa chăm sóc đặc biệt.	☐	☒	
c. Tiêu hóa: • vàng da, vàng mắt, rối loạn chức năng gan, sỏi mật, xơ gan, viêm gan B, viêm gan C hoặc bất kỳ bệnh viêm gan, hoặc • xuất huyết tiêu hóa, viêm/loét dạ dày, viêm/loét tá tràng, viêm/loét đại tràng, trào ngược dạ dày - thực quản, trĩ, bệnh hậu môn trực tràng, bệnh lý tuyến tụy.	☒	☐	Viêm gan B



TK

Chi tiết	NĐBH		Vui lòng ghi thông tin chi tiết cho câu trả lời Có
	Có	Không	
d. Tiết niệu sinh dục: - phù, có máu hoặc đạm hoặc đường trong nước tiểu , - sỏi đường niệu, nhiễm trùng đường niệu, suy thận, viêm cầu thận, viêm thận, hội chứng thận hư, nang tủy thận, ghép thận, cắt thận.	☐	☒	
e. Thần kinh - tâm thần: - đau đầu hoặc chóng mặt kéo dài trên 7 ngày, run chân tay, yếu/liệt chân tay, bất tỉnh, ngất, đột quỵ, co giật, bệnh lý tủy sống, xơ cứng cột bên, - động kinh, viêm não, viêm màng não, bại não, bệnh tủy sống, sa sút trí tuệ, trầm cảm, rối loạn tâm thần, Parkinson, Alzheimer.	☐	☒	
f. Nội tiết - Chuyển hoá - tiểu đường, rối loạn chuyển hóa đường, bướu cổ, u/nang/nhân tuyến giáp, rối loạn chức năng tuyến giáp, - bệnh lý hay rối loạn chức năng tuyến thượng thận, tuyến yên.	☐	☒	
g. Da, Cơ-Xương-Khớp: tàn tật, dị tật, thấp khớp, viêm khớp, gout, thoát vị đĩa đệm, bệnh lý về cơ, bệnh lý hay dị dạng về cột sống, bệnh lý hay dị dạng về lồng ngực, bệnh lý hay dị dạng về chi, thoái hóa khớp.	☐	☒	
h. Huyết học: - xuất huyết dưới da, xuất huyết giảm tiểu cầu, thiếu máu, máu không đông, bệnh bạch cầu, suy tủy, - đã từng nhận truyền máu hoặc các sản phẩm từ máu, hoặc được khuyên không cho máu	☐	☒	
i. Mắt, Tai-Mũi-Họng: - chảy dịch/máu/mủ lỗ tai, chảy máu mũi, giảm thị lực, giảm thính lực, nhìn đôi, lác mắt, - khàn tiếng, khó phát âm, khó nuốt, nuốt nghẹn	☐	☒	
j. Khối u - Ung thư: u, nang, polyp, ung thư, ung thư tại chỗ, nổi hạch, nhiễm chất độc da cam, nhiễm hóa chất.	☐	☒	
k. Ông/Bà hoặc Vợ/Chồng của Ông/Bà đã bao giờ: được tư vấn, thăm khám, xét nghiệm hoặc điều trị liên quan đến bệnh lây truyền qua đường tình dục, HIV/AIDS hoặc bất kỳ tình trạng nào liên quan đến HIV/AIDS, tình trạng suy giảm miễn dịch.	☐	☒	



TK

Chi tiết	NĐBH		Vui lòng ghi thông tin chi tiết cho câu trả lời Có
	Có	Không	
I. Bệnh lý khác - Lupus ban đỏ, khuyết tật, thương tật, bệnh bẩm sinh, bệnh di truyền, rối loạn hay bệnh về gen, rối loạn hay bệnh về nhiễm sắc thể, bệnh hệ thống, bệnh tự miễn, xơ cứng bì, - đã từng được phẫu thuật, hoặc đã từng nằm viện.	☐	☒	
11. Câu hỏi dành cho NĐBH là Trẻ em (dưới 10 tuổi):			
a. Cân nặng lúc sinh của trẻ: (kg) Trẻ có được sinh non dưới 37 tuần? Nếu có, trẻ được sinh vào tuần thứ mấy?	 ☐	☐	
b. Trẻ có bất thường về phát triển thể chất, tâm thần, vận động?	☐	☐	
c. Trẻ có dị tật hoặc bệnh bẩm sinh?	☐	☐	
d. Trẻ có anh/chị em sinh đôi, sinh ba cùng giới hay không?	☐	☐	
12. Câu hỏi dành cho NĐBH là Nữ:			
a. Bà có đang mang thai không? Nếu Có, vui lòng cho biết ngày dự sinh	☐	☒	
b. Bà đã bao giờ có bất kỳ dấu hiệu, hoặc triệu chứng, hoặc mắc bệnh, hoặc được khám, hoặc xét nghiệm, hoặc tư vấn bác sĩ, hoặc chẩn đoán, hoặc điều trị về: - rối loạn kinh nguyệt, ra máu âm đạo bất thường, - xét nghiệm phết tế bào âm đạo - cổ tử cung cho kết quả bất thường, - rối loạn hay bệnh lý của vú, tuyến vú, cơ quan sinh dục, hoặc - có bất kỳ biến chứng nào trong thai kỳ hay khi sinh con? (Xin lưu ý, cho dù dấu hiệu, triệu chứng, mắc bệnh, việc khám, xét nghiệm, tư vấn, chẩn đoán hoặc điều trị đã xảy ra hơn 03 năm, vẫn cần phải khai báo chính xác và đầy đủ.)	☐	☒	
13. Ông/Bà có thường đến thăm khám hoặc tư vấn y khoa với bác sĩ nào không? Nếu Có, vui lòng cho biết tên và địa chỉ của bác sĩ/cơ sở y tế nơi thăm khám.	☐	☒	

CAM KẾT VÀ ĐỒNG Ý CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM, NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM**1. Tôi/Chúng tôi cam kết và đồng ý rằng:**

- Tất cả thông tin nêu trong Tờ khai thông tin Người được bảo hiểm này và trong bất cứ tài liệu nào cung cấp cho Generali Việt Nam hoặc bác sĩ của Generali Việt Nam đều là những thông tin trung thực và đầy đủ theo hiểu biết của Tôi/Chúng tôi. Tôi/Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng việc thẩm định sức khỏe không phải là nghĩa vụ bắt buộc của Generali Việt Nam. Việc thẩm định sức khỏe không thay thế cho nghĩa vụ kê khai thông tin đầy đủ và chính xác của Tôi/Chúng tôi.



TK

- b. Tôi/Chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm pháp lý với những gì đã khai báo và cam kết. Tôi/Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng nếu có bất kỳ thông tin nào cố tình không được kê khai hoặc cố tình kê khai không chính xác mà nếu biết được những thông tin đó Generali Việt Nam sẽ không nhận bảo hiểm hoặc nhận bảo hiểm với mức phí bảo hiểm cao hơn hoặc với điều kiện loại trừ bảo hiểm thì hợp đồng bảo hiểm có thể bị chấm dứt hiệu lực và quyền lợi bảo hiểm sẽ không được chi trả.
- c. Kể từ ngày lập Tờ khai thông tin Người được bảo hiểm này cho đến ngày Generali Việt Nam chấp nhận bảo hiểm, Tôi/Chúng tôi sẽ thông báo cho Generali Việt Nam mọi thay đổi liên quan đến tình trạng sức khỏe của NĐBH. Trên cơ sở thông tin nhận được, Generali Việt Nam có quyền chấp nhận hoặc từ chối hồ sơ yêu cầu bảo hiểm của Tôi/Chúng tôi.
- d. Việc đóng phí bảo hiểm cùng với yêu cầu bảo hiểm này cho Generali Việt Nam không ràng buộc Generali Việt Nam phải chấp nhận bảo hiểm. Hợp đồng bảo hiểm/quyền lợi bảo hiểm sẽ chỉ có hiệu lực khi Generali Việt Nam đã hoàn toàn chấp nhận hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, toàn bộ phí bảo hiểm đã được đóng đầy đủ trong khi Tôi/Chúng tôi vẫn còn sống và trong tình trạng sức khỏe tốt.
- e. Tôi/Chúng tôi không trong tình trạng mất khả năng trả nợ, bị tuyên bố phá sản, hoặc đang bị khởi tố/truy tố/xét xử hoặc khởi kiện.
2. Tôi/Chúng tôi đồng ý để Generali Việt Nam thực hiện việc báo cáo và tiến hành xử lý hợp đồng bảo hiểm theo quy định của pháp luật có liên quan nếu trường hợp giao dịch bảo hiểm của Tôi/Chúng tôi thuộc diện phải báo cáo theo quy định của pháp luật phòng chống khủng bố, phòng chống rửa tiền.
3. Bằng Tờ khai thông tin Người được bảo hiểm này, Tôi/Chúng tôi với tư cách là Bên mua bảo hiểm/NĐBH và đại diện theo ủy quyền của (các) Người thụ hưởng, cho phép Generali Việt Nam sử dụng các thông tin cá nhân của Tôi/Chúng tôi và (các) Người thụ hưởng, thông tin liên quan đến yêu cầu bảo hiểm/ hợp đồng bảo hiểm này: để cung cấp cho bất kỳ cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào khi được yêu cầu (bao gồm cơ quan quản lý thuế Hoa Kỳ); để thẩm định, định phí bảo hiểm, phát hành/thực hiện hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, trích lập dự phòng nghiệp vụ, giải quyết quyền lợi bảo hiểm, nghiên cứu thiết kế sản phẩm, phòng chống trục lợi bảo hiểm, phòng chống khủng bố/rửa tiền, nghiên cứu đánh giá tình hình tài chính, khả năng thanh toán, mức độ đầy đủ vốn, yêu cầu vốn. Theo đó, Generali Việt Nam được phép cung cấp thông tin cho bên thứ ba cho (các) mục đích nêu trên. Ngoài ra, nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản hoặc không được pháp luật quy định, Generali Việt Nam không được phép chuyển giao các thông tin của Tôi/Chúng tôi cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung này với qui định tương tự tại văn bản khác, nội dung này sẽ được ưu tiên áp dụng.
4. Tôi/Chúng tôi cho phép Generali Việt Nam được quyền tự mình hoặc thông qua các bên thứ ba, bao gồm bác sĩ, bệnh viện, phòng khám, công ty bảo hiểm, các cá nhân, tổ chức hay cơ quan khác, tìm hiểu, thu thập, sao chép, xử lý và chuyển giao cho bên có liên quan các thông tin cá nhân của Tôi/Chúng tôi (bao gồm những thông tin, tài liệu sức khỏe, điều trị y tế) nhằm mục đích phục vụ cho việc thực hiện hợp đồng bảo hiểm hoặc giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho Tôi/Chúng tôi. Tôi/Chúng tôi đồng ý và chấp nhận cho phép bất cứ bên thứ ba nào được Generali Việt Nam tiếp xúc hoặc yêu cầu đều được quyền cung cấp các thông tin cá nhân (bao gồm những thông tin, tài liệu sức khỏe, điều trị y tế) của Tôi/Chúng tôi.
5. Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng hợp đồng bảo hiểm được giao kết và phát hành tại Việt Nam và bằng đồng Việt Nam. Mọi khoản thanh toán theo hợp đồng bảo hiểm, dù là do Generali Việt Nam thanh toán hay thanh toán cho Generali Việt Nam, sẽ được thực hiện bằng đồng Việt Nam và tại Việt Nam.

Vui lòng đánh dấu vào ô bên phải nếu Bên mua bảo hiểm/NĐBH không đồng ý với các cam kết nói trên ☐



TK

LƯU Ý QUAN TRỌNG

- (1) Các thông tin/sự việc có thể đã cung cấp cho Tư vấn bảo hiểm hoặc các thông tin/sự việc mà Bên mua bảo hiểm/NĐBH không chắc chắn có quan trọng hay không thì xin vui lòng vẫn khai báo.
- (2) Đề nghị Bên mua bảo hiểm/NĐBH kiểm tra lại toàn bộ thông tin yêu cầu bảo hiểm và chắc chắn rằng Bên mua bảo hiểm/NĐBH hoàn toàn đồng ý với các thông tin đã kê khai.

Tôi/Chúng tôi xác nhận rằng Tôi/Chúng tôi đã đọc, được nghe Tư vấn bảo hiểm giải thích toàn bộ những câu hỏi, lời khai, quyền lợi bảo hiểm trong hồ sơ này, và những thông tin này là phù hợp với nhu cầu bảo hiểm của Tôi/Chúng tôi. NĐBH xác nhận đã đồng ý cho Bên mua bảo hiểm đứng tên mua bảo hiểm cho mình.

Tờ khai này được lập Lúc giờ, Ngày Tháng Năm

BÊN MUA BẢO HIỂM

Họ và tên : NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

Họ và tên : NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

CAM KẾT CỦA TƯ VẤN BẢO HIỂM

Tôi cam kết rằng những thông tin trong Giấy yêu cầu bảo hiểm nhân thọ này là thông tin duy nhất mà Bên mua bảo hiểm và NĐBH đã cung cấp cho tôi. Tôi đã không che giấu hoặc hướng dẫn cho khách hàng tạo dựng nên bất kỳ thông tin nào nhằm gây ảnh hưởng đến quyết định chấp nhận bảo hiểm của Generali Việt Nam.

Tôi cam kết đã gặp trực tiếp Bên mua bảo hiểm và NĐBH để kiểm tra ban đầu các thông tin cá nhân, đã giải thích rõ các câu hỏi trong Tờ khai thông tin Người được bảo hiểm và đã tư vấn cho Bên mua bảo hiểm và NĐBH đúng theo quy định của Generali Việt Nam.

Tư vấn Bảo Hiểm

Họ và tên : NGUYỄN THỊ NGỌC
BÍCH

Điện thoại : 0912037876

Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm này được lập thông qua ứng dụng điện tử Genova của Generali Việt Nam và được Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và Tư vấn bảo hiểm xác nhận bằng Thư xác nhận yêu cầu bảo hiểm qua ứng dụng điện tử Genova.

PHIẾU YÊU CẦU ĐIỀU CHỈNH VÀ HỦY HỢP ĐỒNG TRONG
THỜI GIAN CÂN NHẮC/ ĐƠN YÊU CẦU BẢO HIỂM



Ngày yêu cầu:

18/12/2024

Số Hợp đồng bảo hiểm/Đơn YCBH:

60662073 - A0735129

Họ tên Bên mua bảo hiểm:

Nguyễn Thị Huyền Giang

Họ tên Người được bảo hiểm chính:

Đào Quang Minh

A. ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Loại yêu cầu điều chỉnh: ☐ Sản phẩm ☐ Số tiền bảo hiểm ☐ Thời hạn bảo hiểm ☐ Định kỳ đóng phí ☐ Khác

Loại yêu cầu điều chỉnh (nếu chọn mục "Khác")	Thông tin điều chỉnh mới	Ghi chú

Lưu ý:

- Trường hợp điều chỉnh sản phẩm hoặc số tiền bảo hiểm: Quý khách nộp kèm Bản minh họa quyền lợi tương ứng
- Trường hợp mua sản phẩm bổ sung cho Người được bảo hiểm mới, Quý khách thực hiện Bản khai báo bằng chứng bảo hiểm cho Người được bảo hiểm bổ sung kèm bản sao giấy tờ nhân thân theo quy định.
- Đóng phí bảo hiểm chênh lệch (nếu có)

B. ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN CÁ NHÂN

Loại yêu cầu điều chỉnh: ☐ Họ tên ☐ Ngày sinh ☐ CMND/Hộ chiếu/Khai sinh ☐ Địa chỉ ☐ Khác

Họ và tên khách hàng cần điều chỉnh thông tin	Loại yêu cầu điều chỉnh (nếu chọn mục "Khác")	Thông tin điều chỉnh mới

Lưu ý:

- Đối với điều chỉnh ngày sinh hoặc thông tin CMND, Quý khách vui lòng gửi kèm bản sao giấy tờ nhân thân thể hiện thông tin mới.
- Đối với các điều chỉnh về nghề nghiệp, Quý khách vui lòng ghi rõ và khai báo chi tiết.

C. THAY ĐỔI QUỐC GIA CƯ TRÚ

☐ Bên mua bảo hiểm

☐ Người được bảo hiểm:

Quốc gia đến	Người liên hệ và nộp thay phí bảo hiểm tại Việt Nam
Ngày dự kiến rời Việt Nam	Họ và tên
Thời gian ở nước ngoài	Số CMND
Mục đích chuyến đi	Điện thoại
Địa chỉ lưu trú tại nước ngoài	Địa chỉ liên hệ tại Việt Nam



**Lưu ý:**

- Trong trường hợp Người được bảo hiểm định cư tại nước ngoài hoặc lưu trú tại nước ngoài liên tục từ 6 tháng trở lên, Quý khách cần gửi thông báo này đến Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam ("Công ty") trước khi Người được bảo hiểm rời Việt Nam.
Nếu Bên mua bảo hiểm cũng là Người được bảo hiểm, Quý khách vui lòng thông báo người được ủy quyền nộp thay phí bảo hiểm tại Việt Nam.
Người được ủy quyền nộp thay phí bảo hiểm không có bất kỳ quyền lợi gì đối với hợp đồng bảo hiểm. Mọi yêu cầu liên quan đến hợp đồng bảo hiểm phải do Bên mua bảo hiểm lập và ký tên.
- Mọi liên hệ của Công ty với Bên mua bảo hiểm được thực hiện qua địa chỉ liên lạc tại Việt Nam do Quý khách thông báo tại mục C.

D. HỦY HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TRONG THỜI GIAN CẬN NHẮC/ ĐƠN YÊU CẦU BẢO HIỂM

Lý do hủy Hợp đồng bảo hiểm / Đơn Yêu cầu bảo hiểm:

- ☐ Sản phẩm không phù hợp ☐ Phí bảo hiểm cao ☐ Mua hợp đồng/sản phẩm khác ☐ Không đủ khả năng đóng phí
☐ Lý do khác

E. LỰA CHỌN PHƯƠNG THỨC HOÀN TRẢ PHÍ BẢO HIỂM:

- ☐ Chuyển phí sang hợp đồng bảo hiểm/ Đơn yêu cầu bảo hiểm số
- ☒ Chuyển vào tài khoản 0913.36.3636 Chủ tài khoản Nguyễn Thị Hương Giang
Ngân hàng MB Bank Chi nhánh Hà Nội
Địa chỉ ngân hàng:
- ☐ Phương thức khác:

Ghi chú: Trong trường hợp Quý khách đề nghị chuyển khoản cho một người khác hoặc ủy quyền cho người khác nhận tiền mặt, Quý khách vui lòng nộp kèm Giấy ủy quyền có xác nhận của Chính quyền địa phương.

F. YÊU CẦU KHÁC:

- Điều chỉnh theo bảng minh họa đính kèm
- Phí dự sau khi điều chỉnh qui công chuyển vào S.T.C trên giúp tài.

Chúng tôi/tôi hiểu rằng yêu cầu điều chỉnh trên chỉ bắt đầu có hiệu lực khi được Generali Việt Nam chấp thuận bằng văn bản.

BÊN MUA BẢO HIỂM	Tư vấn bảo hiểm/ Nhân viên thu phí	Phòng Thẩm định và Phát hành hợp đồng
 Nguyễn Thị Hương Giang (Ký tên và ghi rõ họ tên) Ngày 18 Tháng 12 Năm 2024	Ngày nhận yêu cầu: 18/12/2024 Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Bích Mã số: AG088883 Số điện thoại:	Ngày nhận yêu cầu: Ngày thực hiện yêu cầu: Nhân viên thực hiện: Ngày kiểm tra thực hiện: Nhân viên kiểm tra:

Vũ Ngọc Anh 18-12-2024
CS Cầu Giấy

PHIẾU YÊU CẦU ĐIỀU CHỈNH VÀ HỦY HỢP ĐỒNG TRONG
THỜI GIAN CÂN NHẮC/ ĐƠN YÊU CẦU BẢO HIỂM



Ngày yêu cầu: 23/12/2024

Số Hợp đồng bảo hiểm/Đơn YCBH: A0735129

Họ tên Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Thị Huyền Giang

Họ tên Người được bảo hiểm chính: Đào Quang Minh

A. ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Loại yêu cầu điều chỉnh: ☐ Sản phẩm ☐ Số tiền bảo hiểm ☐ Thời hạn bảo hiểm ☐ Định kỳ đóng phí ☐ Khác

Loại yêu cầu điều chỉnh (nếu chọn mục "Khác")	Thông tin điều chỉnh mới	Ghi chú

Lưu ý:

- Trường hợp điều chỉnh sản phẩm hoặc số tiền bảo hiểm: Quý khách nộp kèm Bản minh họa quyền lợi tương ứng
- Trường hợp mua sản phẩm bổ sung cho Người được bảo hiểm mới, Quý khách thực hiện Bản khai báo bằng chứng bảo hiểm cho Người được bảo hiểm bổ sung kèm bản sao giấy tờ nhân thân theo quy định.
- Đóng phí bảo hiểm chênh lệch (nếu có)

B. ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN CÁ NHÂN

Loại yêu cầu điều chỉnh: ☐ Họ tên ☐ Ngày sinh ☐ CMND/Hộ chiếu/Khai sinh ☐ Địa chỉ ☐ Khác

Họ và tên khách hàng cần điều chỉnh thông tin	Loại yêu cầu điều chỉnh (nếu chọn mục "Khác")	Thông tin điều chỉnh mới

Lưu ý:

- Đối với điều chỉnh ngày sinh hoặc thông tin CMND, Quý khách vui lòng gửi kèm bản sao giấy tờ nhân thân thể hiện thông tin mới.
- Đối với các điều chỉnh về nghề nghiệp, Quý khách vui lòng ghi rõ và khai báo chi tiết.

C. THAY ĐỔI QUỐC GIA CƯ TRÚ

☐ Bên mua bảo hiểm ☐ Người được bảo hiểm:

Quốc gia đến	Người liên hệ và nộp thay phí bảo hiểm tại Việt Nam
Ngày dự kiến rời Việt Nam	Họ và tên
Thời gian ở nước ngoài	Số CMND
Mục đích chuyến đi	Điện thoại
Địa chỉ lưu trú tại nước ngoài	Địa chỉ liên hệ tại Việt Nam



**LƯU Ý:**

- Trong trường hợp Người được bảo hiểm định cư tại nước ngoài hoặc lưu trú tại nước ngoài liên tục từ 6 tháng trở lên, Quý khách cần gửi thông báo này đến Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam ("Công ty") trước khi Người được bảo hiểm rời Việt Nam. Nếu Bên mua bảo hiểm cũng là Người được bảo hiểm, Quý khách vui lòng thông báo người được ủy quyền nộp thay phí bảo hiểm tại Việt Nam. Người được ủy quyền nộp thay phí bảo hiểm không có bất kỳ quyền lợi gì đối với hợp đồng bảo hiểm. Mọi yêu cầu liên quan đến hợp đồng bảo hiểm phải do Bên mua bảo hiểm lập và ký tên.
- Mọi liên hệ của Công ty với Bên mua bảo hiểm được thực hiện qua địa chỉ liên lạc tại Việt Nam do Quý khách thông báo tại mục C.

D. HỦY/HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TRONG THỜI GIAN CÁN NHẮC/ ĐƠN YÊU CẦU BẢO HIỂM

Lý do hủy Hợp đồng bảo hiểm / Đơn Yêu cầu bảo hiểm:

- ☐ Sản phẩm không phù hợp ☐ Phí bảo hiểm cao ☐ Mua hợp đồng/sản phẩm khác ☐ Không đủ khả năng đóng phí
☐ Lý do khác

E. LỰA CHỌN PHƯƠNG THỨC HOÀN TRẢ PHÍ BẢO HIỂM:

- ☐ Chuyển phí sang hợp đồng bảo hiểm/ Đơn yêu cầu bảo hiểm số
☐ Chuyển vào tài khoản Chủ tài khoản
Ngân hàng Chi nhánh
Địa chỉ ngân hàng:
☐ Phương thức khác:

Ghi chú: Trong trường hợp Quý khách đề nghị chuyển khoản cho một người khác hoặc ủy quyền cho người khác nhận tiền mặt, Quý khách vui lòng nộp kèm Giấy ủy quyền có xác nhận của Chính quyền địa phương.

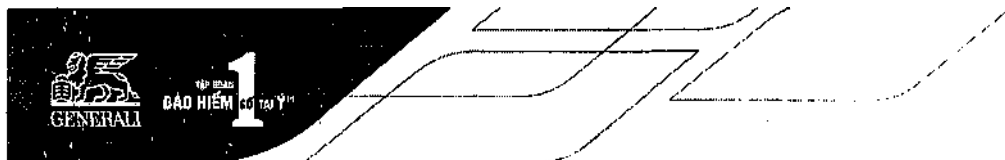
F. YÊU CẦU KHÁC:

- Bỏ thẻ Vita - SKV Nội trú VIP, Ngoại trú Cao Cấp của NĐBH Nguyễn Thị Thúy Giang -
- Bỏ Sung.s.p.h.s Vita - SKV Nha Khoa tiêu Chuẩn, HĐP.BHH mở rộng cho NĐBH Đào Quang Minh.

Chúng tôi/tôi hiểu rằng yêu cầu điều chỉnh trên chỉ bắt đầu có hiệu lực khi được Generali Việt Nam chấp thuận bằng văn bản.

BÊN MUA BẢO HIỂM	Tư vấn bảo hiểm/ Nhân viên thu phí	Phòng Thẩm định và Phát hành hợp đồng
 Nguyễn Thị Thúy Giang (Ký tên và ghi rõ họ tên) Ngày 23 Tháng 12 Năm 2024	Ngày nhận yêu cầu: 23/12/2024 Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Bích Mã số: AG.0.8.8.8.83 Số điện thoại:	Ngày nhận yêu cầu: Ngày thực hiện yêu cầu: Nhân viên thực hiện: Ngày kiểm tra thực hiện: Nhân viên kiểm tra:

23-12-2024
Vũ Ngọc Ánh Lê Cầu Trùng



THƯ THÔNG BÁO ĐIỀU KIỆN BẢO HIỂM BỔ SUNG



Ngày 30/11/2024

Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm số:

A0735129

Hợp đồng bảo hiểm số:

60652073

Bên mua bảo hiểm:

NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

Quý khách thân mến,

Chân thành cảm ơn Quý khách đã tin nhiệm và tham gia bảo hiểm cùng Generali Việt Nam ("Generali").

Generali xin thông báo:

1. Chấp thuận phát hành Hợp đồng bảo hiểm số 60652073 với (các) điều kiện bổ sung được liệt kê dưới đây.
2. Quyết định này được dựa trên tình trạng sức khỏe của (các) Người được bảo hiểm.

Chi tiết về (các) điều kiện bổ sung như sau:

- Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm:
 - Đối với Quyền lợi bảo hiểm sức khỏe cá nhân của Người được bảo hiểm NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG, Generali Việt Nam sẽ không giải quyết bất cứ quyền lợi bảo hiểm nào liên quan đến bệnh lý gan, hội chứng ống cổ tay bên trái, tổn thương thần kinh giữa bên trái, bệnh lý cột sống cổ.

Nếu cần hỗ trợ, Quý khách vui lòng liên hệ Generali qua:

- Tư vấn viên: NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH - Mã số: AG088883 - Số điện thoại: 0912037876
- Tổng đài Chăm sóc Khách hàng: 1900 96 96 75
- Email: info@generali-life.com.vn

Generali hân hạnh được phục vụ Quý khách.

Trân trọng,

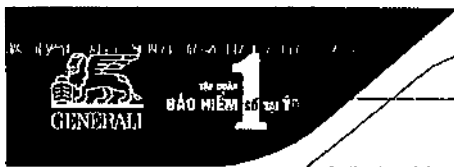
Võ Xuân Hưng

Phó Tổng Giám Đốc Nghiệp vụ Bảo hiểm

Lưu ý:

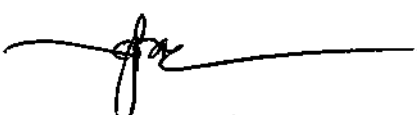
- (1) Quý khách vui lòng xem và ký xác nhận Tài liệu minh họa đã được cập nhật các Tỷ lệ tăng Phí bảo hiểm rủi ro do Tư vấn viên thực hiện và cung cấp.

Số tiền bảo hiểm hoặc Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm VITA - ĐẦU TƯ NHƯ Ý - LỰA CHỌN BẢO VỆ 200 có thể cần điều chỉnh để đảm bảo duy trì hiệu lực hợp đồng.



Bằng việc ký tên dưới đây, Bên mua bảo hiểm đã hiểu và chấp nhận:

- Tất cả điều kiện bảo hiểm bổ sung được nêu trong Thư này.
- Thư thông báo điều kiện bảo hiểm bổ sung này là cơ sở cho việc phát hành Hợp đồng bảo hiểm số 60652073 và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

Bên mua bảo hiểm	Tư vấn bảo hiểm/ Người làm chứng
 Họ và tên: <u>Nguyễn Thị Huệ Giang</u> Ngày: <u>30/11/2024</u>	 Họ và tên: <u>Nguyễn Thị Ngọc Bích</u> Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: <u>AG088883</u>

30-11-2024
CS Cầu Giấy.
Vũ Ngọc Anh



THƯ XÁC NHẬN YÊU CẦU BẢO HIỂM QUA ỨNG DỤNG ĐIỆN TỬ GENOVA

Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm số:

A	0	1	3	5	1	2	9
---	---	---	---	---	---	---	---

Ngày:

08, 11, 2024

Họ và tên Bên mua bảo hiểm
(Chữ in hoa, có khoảng cách
giữa các từ):

N	G	U	Y	E	N
T	H	I	H	O	N
G	I	A	N	G	

Số điện thoại di động:

0	9	1	3	3	6	3	6	3	6
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Email:

giangearamello@gmail.com

Bảng việc ký tên dưới đây, Tôi/Chúng tôi (Bên mua bảo hiểm ("BMBH")) và (những) Người được bảo hiểm ("NGBH") của Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm nêu trên đồng ý và xác nhận với Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam ("Generali") như sau:

1. Tôi/Chúng tôi đã đọc, hoàn tất cung cấp thông tin và đồng ý để Tư vấn viên ("TVV") kê khai, nộp Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm ("Hồ sơ YCBH"). Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm ("TLMH"), và các tài liệu ("TL") kèm theo theo cho Generali qua ứng dụng điện tử Genova vào **ngày nêu trên**.
2. Tôi/Chúng tôi: (i) đã nhận và hiểu rằng toàn bộ thông tin trong Hồ sơ YCBH và các TL kèm theo là căn cứ để Generali thẩm định bảo hiểm; (ii) cam kết tất cả các thông tin này là đầy đủ, chính xác và trung thực; (iii) đồng ý với các thông tin, cam kết, xác nhận lại Hồ sơ YCBH, TLMH và các TL khác.
- Các thông tin mà BMBH/NĐBH không chắc chắn có quan trọng hay không, vui lòng vẫn kê khai đầy đủ, chính xác tại Hồ sơ YCBH.*
3. Tôi/Chúng tôi đã được TVV ký tên dưới đây trực tiếp tư vấn, giải thích đầy đủ về: (i) Hồ sơ YCBH, (ii) Quy tắc và điều khoản, (iii) các điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của các sản phẩm được liệt kê trong Hồ sơ YCBH, (iv) nghĩa vụ phải cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và trung thực tuyệt đối. Tôi/Chúng tôi hiểu rằng nếu có bất kỳ thông tin nào không được kê khai hoặc kê khai không chính xác, không đầy đủ thì quyền lợi bảo hiểm sẽ không được chi trả và hợp đồng bảo hiểm ("HDBH") có thể bị hủy bỏ.
4. Số điện thoại và email nêu trên là của BMBH, Tôi/Chúng tôi đồng ý sử dụng số điện thoại, email nêu trên và các tài khoản mạng xã hội được đăng ký bởi số điện thoại/email này để nhận thông tin, giao dịch với Generali (kể cả việc nhận mã xác thực OTP). Hồ sơ YCBH và Thư xác nhận này là một phần của HDBH. Tôi/Chúng tôi sẽ tiếp nhận HDBH theo đúng quy định của Generali.
5. Danh riêng cho kênh Ngân hàng (Đại lý bảo hiểm): BMBH tham gia bảo hiểm trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Việc giới thiệu, tư vấn, chào bán, thu xếp giao kết HDBH này (áp dụng cho các sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư) không diễn ra trong thời hạn 60 ngày trước và 60 ngày sau ngày giải ngân toàn bộ khoản vay của BMBH tại Ngân hàng (nếu có). Tôi/Chúng tôi đã được giải thích HDBH không phải là sản phẩm của ngân hàng, việc tham gia HDBH không phải là yêu cầu bắt buộc để Tôi/Chúng tôi thực hiện hay hưởng một dịch vụ nào khác của ngân hàng.
6. NĐBH và Người thụ hưởng ("NTH") đồng ý ủy quyền cho BMBH thực hiện thay cho chủ thể dữ liệu (là NĐBH hoặc NTH trong Hợp đồng) để thực hiện các quyền của chủ thể dữ liệu trong quá trình thực hiện Hợp đồng với Generali.
7. BMBH, NĐBH và NTH xác nhận đã đọc và đồng ý với toàn bộ nội dung của Chính sách xử lý dữ liệu cá nhân của Generali (*) (bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung về loại dữ liệu cá nhân, mục đích xử lý dữ liệu cá nhân, tổ chức, cá nhân được xử lý dữ liệu cá nhân, các quyền, nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu, cách thức xử lý, thời gian xử lý, ...).
- 



(*) Quét mã QR để xem và tải Chính sách xử lý dữ liệu cá nhân của Generali.

BÊN MUA BẢO HIỂM (Vui lòng ký và ghi rõ họ tên)	(NHỮNG) NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM & NGƯỜI THỤ HƯỞNG (Vui lòng ký và ghi rõ họ tên)
Họ và tên: <u>Nguyễn Thị Hương Giang</u>	(1) Họ và tên: <u>Nguyễn Thị Hương Giang</u>
Tư vấn viên xác nhận: - Thông tin trong Hồ sơ YCBH là do BMBH và (những) NDBH cung cấp. - Đã trực tiếp tư vấn theo đúng quy định và giải thích rõ các câu hỏi trong Hồ sơ YCBH, nội dung của Quy tắc và điều khoản, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của HĐBH. - Chứng kiến việc ký Thư xác nhận này của BMBH, (những) NDBH và NTH.	(2) Họ và tên: <u>Đào Quang Minh</u>
TƯ VẤN VIÊN (Yêu cầu ký trước mặt BMBH)	(3) Họ và tên: <u>Đào Quang Minh</u>
Họ và tên: <u>Nguyễn Thị Ngọc Bích</u>	(4) Họ và tên: (5) Họ và tên:

CÔNG TY TNHH SÁCH HÈM NHÂN THO GENERAL VIỆT NAM

GENERAL PLAZA HỒ CHÍ MINH
11, 13, 15, 17, 19, 21, 23, 25, 27, 29, 31, 33, 35, 37, 39, 41, 43, 45, 47, 49, 51, 53, 55, 57, 59, 61, 63, 65, 67, 69, 71, 73, 75, 77, 79, 81, 83, 85, 87, 89, 91, 93, 95, 97, 99, 101, 103, 105, 107, 109, 111, 113, 115, 117, 119, 121, 123, 125, 127, 129, 131, 133, 135, 137, 139, 141, 143, 145, 147, 149, 151, 153, 155, 157, 159, 161, 163, 165, 167, 169, 171, 173, 175, 177, 179, 181, 183, 185, 187, 189, 191, 193, 195, 197, 199, 201, 203, 205, 207, 209, 211, 213, 215, 217, 219, 221, 223, 225, 227, 229, 231, 233, 235, 237, 239, 241, 243, 245, 247, 249, 251, 253, 255, 257, 259, 261, 263, 265, 267, 269, 271, 273, 275, 277, 279, 281, 283, 285, 287, 289, 291, 293, 295, 297, 299, 301, 303, 305, 307, 309, 311, 313, 315, 317, 319, 321, 323, 325, 327, 329, 331, 333, 335, 337, 339, 341, 343, 345, 347, 349, 351, 353, 355, 357, 359, 361, 363, 365, 367, 369, 371, 373, 375, 377, 379, 381, 383, 385, 387, 389, 391, 393, 395, 397, 399, 401, 403, 405, 407, 409, 411, 413, 415, 417, 419, 421, 423, 425, 427, 429, 431, 433, 435, 437, 439, 441, 443, 445, 447, 449, 451, 453, 455, 457, 459, 461, 463, 465, 467, 469, 471, 473, 475, 477, 479, 481, 483, 485, 487, 489, 491, 493, 495, 497, 499, 501, 503, 505, 507, 509, 511, 513, 515, 517, 519, 521, 523, 525, 527, 529, 531, 533, 535, 537, 539, 541, 543, 545, 547, 549, 551, 553, 555, 557, 559, 561, 563, 565, 567, 569, 571, 573, 575, 577, 579, 581, 583, 585, 587, 589, 591, 593, 595, 597, 599, 601, 603, 605, 607, 609, 611, 613, 615, 617, 619, 621, 623, 625, 627, 629, 631, 633, 635, 637, 639, 641, 643, 645, 647, 649, 651, 653, 655, 657, 659, 661, 663, 665, 667, 669, 671, 673, 675, 677, 679, 681, 683, 685, 687, 689, 691, 693, 695, 697, 699, 701, 703, 705, 707, 709, 711, 713, 715, 717, 719, 721, 723, 725, 727, 729, 731, 733, 735, 737, 739, 741, 743, 745, 747, 749, 751, 753, 755, 757, 759, 761, 763, 765, 767, 769, 771, 773, 775, 777, 779, 781, 783, 785, 787, 789, 791, 793, 795, 797, 799, 801, 803, 805, 807, 809, 811, 813, 815, 817, 819, 821, 823, 825, 827, 829, 831, 833, 835, 837, 839, 841, 843, 845, 847, 849, 851, 853, 855, 857, 859, 861, 863, 865, 867, 869, 871, 873, 875, 877, 879, 881, 883, 885, 887, 889, 891, 893, 895, 897, 899, 901, 903, 905, 907, 909, 911, 913, 915, 917, 919, 921, 923, 925, 927, 929, 931, 933, 935, 937, 939, 941, 943, 945, 947, 949, 951, 953, 955, 957, 959, 961, 963, 965, 967, 969, 971, 973, 975, 977, 979, 981, 983, 985, 987, 989, 991, 993, 995, 997, 999, 1001, 1003, 1005, 1007, 1009, 1011, 1013, 1015, 1017, 1019, 1021, 1023, 1025, 1027, 1029, 1031, 1033, 1035, 1037, 1039, 1041, 1043, 1045, 1047, 1049, 1051, 1053, 1055, 1057, 1059, 1061, 1063, 1065, 1067, 1069, 1071, 1073, 1075, 1077, 1079, 1081, 1083, 1085, 1087, 1089, 1091, 1093, 1095, 1097, 1099, 1101, 1103, 1105, 1107, 1109, 1111, 1113, 1115, 1117, 1119, 1121, 1123, 1125, 1127, 1129, 1131, 1133, 1135, 1137, 1139, 1141, 1143, 1145, 1147, 1149, 1151, 1153, 1155, 1157, 1159, 1161, 1163, 1165, 1167, 1169, 1171, 1173, 1175, 1177, 1179, 1181, 1183, 1185, 1187, 1189, 1191, 1193, 1195, 1197, 1199, 1201, 1203, 1205, 1207, 1209, 1211, 1213, 1215, 1217, 1219, 1221, 1223, 1225, 1227, 1229, 1231, 1233, 1235, 1237, 1239, 1241, 1243, 1245, 1247, 1249, 1251, 1253, 1255, 1257, 1259, 1261, 1263, 1265, 1267, 1269, 1271, 1273, 1275, 1277, 1279, 1281, 1283, 1285, 1287, 1289, 1291, 1293, 1295, 1297, 1299, 1301, 1303, 1305, 1307, 1309, 1311, 1313, 1315, 1317, 1319, 1321, 1323, 1325, 1327, 1329, 1331, 1333, 1335, 1337, 1339, 1341, 1343, 1345, 1347, 1349, 1351, 1353, 1355, 1357, 1359, 1361, 1363, 1365, 1367, 1369, 1371, 1373, 1375, 1377, 1379, 1381, 1383, 1385, 1387, 1389, 1391, 1393, 1395, 1397, 1399, 1401, 1403, 1405, 1407, 1409, 1411, 1413, 1415, 1417, 1419, 1421, 1423, 1425, 1427, 1429, 1431, 1433, 1435, 1437, 1439, 1441, 1443, 1445, 1447, 1449, 1451, 1453, 1455, 1457, 1459, 1461, 1463, 1465, 1467, 1469, 1471, 1473, 1475, 1477, 1479, 1481, 1483, 1485, 1487, 1489, 1491, 1493, 1495, 1497, 1499, 1501, 1503, 1505, 1507, 1509, 1511, 1513, 1515, 1517, 1519, 1521, 1523, 1525, 1527, 1529, 1531, 1533, 1535, 1537, 1539, 1541, 1543, 1545, 1547, 1549, 155

CHỦNG TRƯỞNG TÀI CHÍNH
GENERAL OFFICE HÀ NỘI
Hàng gửi USA - Hàng gửi hàng VORSOCE - Hàng gửi hàng VORSOCE
SỐ 10 Hàng gửi hàng VORSOCE - Hàng gửi hàng VORSOCE - Hàng gửi hàng VORSOCE

GENERAL TOWER DA NANG

[illegible]

29-11-2024

Vũ Ngọc Anh 29-11-2024
G Cầu Giấy

TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam
Nghiệp vụ bảo hiểm: bảo hiểm liên kết đầu tư



BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

VITA ĐẦU TƯ NHƯ Ý

Giải pháp **bảo vệ** và **đầu tư**
cho tương lai **bền vững**

Bảo vệ vẹn toàn

- 04 lựa chọn **Số tiền bảo hiểm** với cùng một mức phí

Đầu tư vượt trội

- **Quyền lợi Thưởng cạnh tranh** trên thị trường

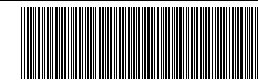
Lựa chọn linh hoạt

- 4 Quỹ liên kết đơn vị quản lý bởi **2 Công ty Quản lý Quỹ** hàng đầu Việt Nam

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



241102175112883

Generali SIS Bản số : ILP6

In ngày: 08/11/2024 23:24:08

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ GENERALI VIỆT NAM

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam được Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 61GP/KDBH, ngày 20/04/2011. Generali Việt Nam cung cấp giải pháp tài chính đa dạng cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp thông qua các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ: bảo vệ, tiết kiệm, đầu tư và sản phẩm bảo hiểm sức khỏe. Để tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động tại Việt Nam, Generali Việt Nam đã tăng vốn điều lệ lên đến 7.202,6 tỷ VND và trở thành một trong những công ty có vốn điều lệ cao nhất trên thị trường bảo hiểm nhân thọ.

Theo dõi và liên hệ chúng tôi tại

TRỤ SỞ CHÍNH

GENERALI PLAZA HỒ CHÍ MINH

43-45 Tú Xương, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Hotline: 1900 96 96 75

Email: info@generali-life.com.vn

Số điện thoại
Doanh nghiệp: (+84) 28 6288 6888



Website: [generali.vn](https://www.generali.vn)



Báo cáo sản phẩm & hoạt động quý
<https://www.generali.vn/lai-suot>

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

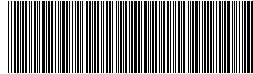
Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



241102175112883

In ngày: 08/11/2024

Trang số: 2 / 31

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị: nghìn đồng

Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	Tuổi: 48	Giới tính: Nữ	Nhóm nghề: 1	Nghề nghiệp: Giám đốc, chủ doanh nghiệp
Định kỳ đóng phí: Hàng năm	Thời hạn đóng phí dự kiến: 20 năm	Thời hạn đóng phí bắt buộc: 4 năm		

Người được bảo hiểm	Tuổi	Giới tính	Nhóm nghề	Tỉ lệ tăng phí (%)	Quyền lợi bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Phí BH hàng năm
ĐÀO QUANG MINH	21	Nam	2	0	Bảo hiểm liên kết đơn vị VITA - ĐẦU TƯ NHƯ Ý Lựa chọn bảo vệ 200	1.500.000	78	20.130
				0	BH tử vong và thương tật do Tai nạn - Phiên bản mở rộng	500.000	54	1.568
				0	BH Bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần	500.000	30	2.160
				0	VITA-Sức Khỏe Vàng-Phiên bản 3			
				0	- Nội trú - V.I.P	-	64	7.016
				0	- Ngoại trú - Tiêu Chuẩn	-	64	1.802
NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	48	Nữ	1	0	VITA-Sức Khỏe Vàng-Phiên bản 3			
				0	- Nội trú - V.I.P	-	37	10.128
				0	- Ngoại trú - Cao Cấp	-	37	5.624

	Hàng năm	Hàng nửa năm
Phí bảo hiểm cơ bản Năm 1	20.130	10.065
Phí bảo hiểm bổ trợ Năm 1	28.298	14.149
Phí bảo hiểm định kỳ Năm 1	48.428	24.214
Phí bảo hiểm đóng thêm Năm 1	-	-
Tổng phí bảo hiểm đóng tại Năm 1	48.428	

Tỷ lệ phân bổ Quỹ (%)	Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	Quỹ Tích Lũy Năng Động	Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	Quỹ Tăng Trưởng Năng Động
Phí bảo hiểm định kỳ (gồm Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm bổ trợ)	50	50	-	-
Phí bảo hiểm đóng thêm	-	-	-	-

Ghi chú:

- Thời hạn đóng phí bằng Thời hạn bảo hiểm, tuy nhiên Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn Thời hạn đóng phí dự kiến phù hợp theo tình hình tài chính và nhu cầu bảo hiểm. Phí bảo hiểm định kỳ trong 04 Năm hợp đồng đầu tiên phải được đóng đầy đủ và đúng hạn. Khách hàng cần đóng phí theo đúng quy định để duy trì hiệu lực Hợp đồng. Việc tạm ngưng đóng phí có thể làm cho Hợp đồng mất hiệu lực và/hoặc không đạt được kết quả đầu tư như mong muốn.
- Thời hạn đóng phí dự kiến hiển thị tại các trang minh họa quyền lợi có thể ngắn hơn số năm đóng phí dự kiến tại Trang thông tin Hợp đồng bảo hiểm, tùy thuộc vào thời gian hiệu lực của Hợp đồng tại từng mức lãi suất minh họa.
- Đối với VITA – Sức Khỏe Vàng/VITA - Sức Khỏe Vàng - Phiên bản 3/VITA - Sức Khỏe Kim Cương, Phí bảo hiểm được thể hiện trên đây là phí của Năm hợp đồng đầu tiên. Phí bảo hiểm của các Năm hợp đồng tiếp theo sẽ thay đổi theo Tuổi đạt được của Người được bảo hiểm tại Ngày kỷ niệm hợp đồng.

MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng/ Tuổi	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV đảm bảo	Mức tỷ suất đầu tư cao (Không đảm bảo)				Khoản rút và phí rút tiền
				Quyền lợi từ vong/ TTTBVV	Các khoản thưởng	Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)+(7)	(6)	(7)	(8)	(9)
1/22	48.428	14.339	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-
2/23	96.856	21.603	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-
3/24	145.284	41.164	3.000.000	3.010.314	-	10.314	-	-
4/25	195.553	47.756	3.000.000	3.033.108	-	33.108	18.580	-
5/26	245.822	50.269	3.000.000	3.060.025	-	60.025	60.025	-
6/27	296.801	50.979	3.000.000	3.091.537	2.774	91.537	91.537	-
7/28	347.780	50.979	3.000.000	3.122.128	-	122.128	122.128	-
8/29	398.759	50.979	3.000.000	3.154.516	-	154.516	154.516	-
9/30	457.415	58.656	3.000.000	3.197.282	6.501	197.282	197.282	-
10/31	516.071	58.656	3.000.000	3.284.414	48.428	284.414	284.414	-
11/32	575.303	59.232	3.000.000	3.328.313	-	328.313	328.313	-
12/33	634.535	59.232	3.000.000	3.385.910	11.307	385.910	385.910	-
13/34	693.767	59.232	3.000.000	3.435.387	-	435.387	435.387	-
14/35	755.715	61.948	3.000.000	3.488.230	-	488.230	488.230	-
15/36	817.663	61.948	3.000.000	3.609.463	65.602	609.463	609.463	-
16/37	880.598	62.935	3.000.000	3.672.111	-	672.111	672.111	-
17/38	943.533	62.935	3.000.000	3.737.942	-	737.942	737.942	-
18/39	1.006.468	62.935	3.000.000	3.831.441	24.350	831.441	831.441	-
19/40	1.080.013	73.545	3.000.000	3.908.309	-	908.309	908.309	-
20/41	1.153.558	73.545	3.000.000	4.085.845	96.856	1.085.845	1.085.845	-

MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng/ Tuổi	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV đảm bảo	Mức tỷ suất đầu tư thấp (Không đảm bảo)				Khoản rút và phí rút tiền
				Quyền lợi từ vong/ TTTBVV	Các khoản thường	Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)+(7)	(6)	(7)	(8)	(9)
1/22	48.428	14.339	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-
2/23	96.856	21.603	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-
3/24	145.284	41.164	3.000.000	3.009.625	-	9.625	-	-
4/25	195.553	47.756	3.000.000	3.031.525	-	31.525	16.996	-
5/26	245.822	50.269	3.000.000	3.057.004	-	57.004	57.004	-
6/27	296.801	50.979	3.000.000	3.086.375	2.675	86.375	86.375	-
7/28	347.780	50.979	3.000.000	3.114.208	-	114.208	114.208	-
8/29	398.759	50.979	3.000.000	3.143.118	-	143.118	143.118	-
9/30	457.415	58.656	3.000.000	3.181.136	6.109	181.136	181.136	-
10/31	516.071	58.656	3.000.000	3.262.868	48.428	262.868	262.868	-
11/32	575.303	59.232	3.000.000	3.299.404	-	299.404	299.404	-
12/33	634.535	59.232	3.000.000	3.347.476	10.314	347.476	347.476	-
13/34	693.767	59.232	3.000.000	3.386.889	-	386.889	386.889	-
14/35	755.715	61.948	3.000.000	3.428.248	-	428.248	428.248	-
15/36	817.663	61.948	3.000.000	3.534.469	63.586	534.469	534.469	-
16/37	880.598	62.935	3.000.000	3.581.090	-	581.090	581.090	-
17/38	943.533	62.935	3.000.000	3.629.005	-	629.005	629.005	-
18/39	1.006.468	62.935	3.000.000	3.698.956	20.746	698.956	698.956	-
19/40	1.080.013	73.545	3.000.000	3.752.952	-	752.952	752.952	-
20/41	1.153.558	73.545	3.000.000	3.905.173	96.856	905.173	905.173	-

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ QUỸ TÍCH LŨY CHIẾN LƯỢC
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng /Tuổi	Phí bảo hiểm phân bổ	Mức tỷ suất đầu tư cao (6,0%/năm) (Không đảm bảo)			Mức tỷ suất đầu tư thấp (4,0%/năm) (Không đảm bảo)		
		Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng	Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)
1/22	7.169	-	-	-	-	-	-
2/23	10.801	-	-	-	-	-	-
3/24	20.582	5.157	-	5.157	4.813	-	4.813
4/25	23.878	16.554	-	16.554	15.762	-	15.762
5/26	25.135	30.012	-	30.012	28.502	-	28.502
6/27	25.490	45.768	-	45.768	43.188	-	43.188
7/28	25.490	61.064	-	61.064	57.104	-	57.104
8/29	25.490	77.258	-	77.258	71.559	-	71.559
9/30	29.328	98.641	-	98.641	90.568	-	90.568
10/31	29.328	117.993	24.214	142.207	107.220	24.214	131.434
11/32	29.616	138.490	25.667	164.156	124.519	25.183	149.702
12/33	29.616	165.748	27.207	192.955	147.548	26.190	173.738
13/34	29.616	188.854	28.839	217.693	166.207	27.237	193.444
14/35	30.974	213.545	30.570	244.115	185.797	28.327	214.124
15/36	30.974	248.114	56.618	304.732	213.561	53.674	267.235
16/37	31.468	276.041	60.015	336.056	234.724	55.821	290.545
17/38	31.468	305.355	63.616	368.971	256.448	58.054	314.502
18/39	31.468	348.288	67.433	415.720	289.102	60.376	349.478
19/40	36.773	382.676	71.479	454.154	313.685	62.791	376.476
20/41	36.773	418.727	124.195	542.923	338.856	113.731	452.586

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ QUỸ TÍCH LŨY NĂNG ĐỘNG
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng /Tuổi	Phí bảo hiểm phân bổ	Mức tỷ suất đầu tư cao (6,0%/năm) (Không đảm bảo)			Mức tỷ suất đầu tư thấp (4,0%/năm) (Không đảm bảo)		
		Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng	Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)
1/22	7.169	-	-	-	-	-	-
2/23	10.801	-	-	-	-	-	-
3/24	20.582	5.157	-	5.157	4.813	-	4.813
4/25	23.878	16.554	-	16.554	15.762	-	15.762
5/26	25.135	30.012	-	30.012	28.502	-	28.502
6/27	25.490	45.768	-	45.768	43.188	-	43.188
7/28	25.490	61.064	-	61.064	57.104	-	57.104
8/29	25.490	77.258	-	77.258	71.559	-	71.559
9/30	29.328	98.641	-	98.641	90.568	-	90.568
10/31	29.328	117.993	24.214	142.207	107.220	24.214	131.434
11/32	29.616	138.490	25.667	164.156	124.519	25.183	149.702
12/33	29.616	165.748	27.207	192.955	147.548	26.190	173.738
13/34	29.616	188.854	28.839	217.693	166.207	27.237	193.444
14/35	30.974	213.545	30.570	244.115	185.797	28.327	214.124
15/36	30.974	248.114	56.618	304.732	213.561	53.674	267.235
16/37	31.468	276.041	60.015	336.056	234.724	55.821	290.545
17/38	31.468	305.355	63.616	368.971	256.448	58.054	314.502
18/39	31.468	348.288	67.433	415.720	289.102	60.376	349.478
19/40	36.773	382.676	71.479	454.154	313.685	62.791	376.476
20/41	36.773	418.727	124.195	542.923	338.856	113.731	452.586

MINH HỌA CHI TIẾT CÁC LOẠI PHÍ
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ			Phí quản lý hợp đồng (**)	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Cơ bản & bổ trợ	Đóng thêm	Tổng	Cơ bản & bổ trợ	Đóng thêm	Tổng	Vào Tài khoản cơ bản	Vào Tài khoản đóng thêm	Tổng		Minh họa tại mức tỷ suất đầu tư	
											Cao	Thấp
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)	(13)
1/22	48.428	-	48.428	34.089	-	34.089	14.339	-	14.339	536	15.810	15.810
2/23	48.428	-	48.428	26.825	-	26.825	21.603	-	21.603	560	25.703	25.703
3/24	48.428	-	48.428	7.264	-	7.264	41.164	-	41.164	584	25.618	25.618
4/25	50.269	-	50.269	2.513	-	2.513	47.756	-	47.756	608	26.950	26.950
5/26	50.269	-	50.269	-	-	-	50.269	-	50.269	632	26.838	26.838
6/27	50.979	-	50.979	-	-	-	50.979	-	50.979	656	27.343	27.343
7/28	50.979	-	50.979	-	-	-	50.979	-	50.979	680	27.356	27.356
8/29	50.979	-	50.979	-	-	-	50.979	-	50.979	704	27.369	27.369
9/30	58.656	-	58.656	-	-	-	58.656	-	58.656	718	33.366	33.366
10/31	58.656	-	58.656	-	-	-	58.656	-	58.656	720	33.487	33.487
11/32	59.232	-	59.232	-	-	-	59.232	-	59.232	720	34.110	34.110
12/33	59.232	-	59.232	-	-	-	59.232	-	59.232	720	34.344	34.344
13/34	59.232	-	59.232	-	-	-	59.232	-	59.232	720	34.606	34.606
14/35	61.948	-	61.948	-	-	-	61.948	-	61.948	720	37.010	37.010
15/36	61.948	-	61.948	-	-	-	61.948	-	61.948	720	37.379	37.379
16/37	62.935	-	62.935	-	-	-	62.935	-	62.935	720	38.643	38.643
17/38	62.935	-	62.935	-	-	-	62.935	-	62.935	720	39.201	39.201
18/39	62.935	-	62.935	-	-	-	62.935	-	62.935	720	39.814	39.814
19/40	73.545	-	73.545	-	-	-	73.545	-	73.545	720	48.665	48.665
20/41	73.545	-	73.545	-	-	-	73.545	-	73.545	720	49.440	49.440

(**) Phí quản lý hợp đồng được khấu trừ tương ứng với thời gian hiệu lực của Hợp đồng minh họa theo tỷ suất đầu tư cao.

MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng/ Tuổi	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV đảm bảo	Mức tỷ suất đầu tư cao (Không đảm bảo)				Khoản rút và phí rút tiền
				Quyền lợi từ vong/ TTTBVV	Các khoản thưởng	Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)+(7)	(6)	(7)	(8)	(9)
1/22	48.428	14.339	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-
2/23	96.856	21.603	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-
3/24	145.284	41.164	3.000.000	3.010.314	-	10.314	-	-
4/25	195.553	47.756	3.000.000	3.033.108	-	33.108	18.580	-
5/26	195.553	-	3.000.000	3.006.740	-	6.740	6.740	-
6/27	195.553	-	(*)	(*)	-	(*)	(*)	-

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:
NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN
Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 08/11/2024
Trang số: 10 / 31

MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng/ Tuổi	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV đảm bảo	Mức tỷ suất đầu tư thấp (Không đảm bảo)				Khoản rút và phí rút tiền
				Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	Các khoản thường	Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)+(7)	(6)	(7)	(8)	(9)
1/22	48.428	14.339	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-
2/23	96.856	21.603	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-
3/24	145.284	41.164	3.000.000	3.009.625	-	9.625	-	-
4/25	195.553	47.756	3.000.000	3.031.525	-	31.525	16.996	-
5/26	195.553	-	3.000.000	3.004.724	-	4.724	4.724	-
6/27	195.553	-	(*)	(*)	-	(*)	(*)	-

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ QUỸ TÍCH LŨY CHIẾN LƯỢC
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng /Tuổi	Phí bảo hiểm phần bổ	Mức tỷ suất đầu tư cao (6,0%/năm) (Không đảm bảo)			Mức tỷ suất đầu tư thấp (4,0%/năm) (Không đảm bảo)		
		Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng	Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)
1/22	7.169	-	-	-	-	-	-
2/23	10.801	-	-	-	-	-	-
3/24	20.582	5.157	-	5.157	4.813	-	4.813
4/25	23.878	16.554	-	16.554	15.762	-	15.762
5/26	-	3.370	-	3.370	2.362	-	2.362
6/27	-	-	-	-	-	-	-

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ QUỸ TÍCH LŨY NẰNG ĐỘNG
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm bắt buộc)

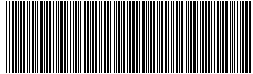
Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng /Tuổi	Phí bảo hiểm phân bổ	Mức tỷ suất đầu tư cao (6,0%/năm) (Không đảm bảo)			Mức tỷ suất đầu tư thấp (4,0%/năm) (Không đảm bảo)		
		Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng	Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)
1/22	7.169	-	-	-	-	-	-
2/23	10.801	-	-	-	-	-	-
3/24	20.582	5.157	-	5.157	4.813	-	4.813
4/25	23.878	16.554	-	16.554	15.762	-	15.762
5/26	-	3.370	-	3.370	2.362	-	2.362
6/27	-	-	-	-	-	-	-

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:
NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN
Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



241102175112883

In ngày: 08/11/2024
Trang số: 13 / 31

MINH HỌA CHI TIẾT CÁC LOẠI PHÍ
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ			Phí quản lý hợp đồng (**)	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Cơ bản & bổ trợ	Đóng thêm	Tổng	Cơ bản & bổ trợ	Đóng thêm	Tổng	Vào Tài khoản cơ bản	Vào Tài khoản đóng thêm	Tổng		Minh họa tại mức tỷ suất đầu tư	
											Cao	Thấp
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)	(13)
1/22	48.428	-	48.428	34.089	-	34.089	14.339	-	14.339	536	15.810	15.810
2/23	48.428	-	48.428	26.825	-	26.825	21.603	-	21.603	560	25.703	25.703
3/24	48.428	-	48.428	7.264	-	7.264	41.164	-	41.164	584	25.618	25.618
4/25	50.269	-	50.269	2.513	-	2.513	47.756	-	47.756	608	26.950	26.950
5/26	-	-	-	-	-	-	-	-	-	632	26.838	26.838
6/27	-	-	-	-	-	-	-	-	-	106	4.557	4.557

(**) Phí quản lý hợp đồng được khấu trừ tương ứng với thời gian hiệu lực của Hợp đồng minh họa theo tỷ suất đầu tư cao.

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:
NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN
Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 08/11/2024
Trang số: 14 / 31

GHI CHÚ

- 1. Quyền lợi TTTBVV được chi trả nếu Sự kiện bảo hiểm xảy ra trước Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt 70 Tuổi.
- 2. Phí bảo hiểm hàng năm được minh họa theo Thời hạn đóng phí dự kiến và Thời hạn đóng phí bắt buộc. Chi tiết về phí bảo hiểm được phân bổ vào Tài khoản hợp đồng được thể hiện tại trang “Minh họa chi tiết các loại phí”.
- 3. Các khoản thưởng ở cột (6) bao gồm Quyền lợi Món quà khởi đầu (nếu có); Quyền lợi Thưởng định kỳ (nếu có) và Quyền lợi Thưởng đặc biệt (nếu có). Giá trị Tài khoản hợp đồng ở cột (7) đã bao gồm các khoản thưởng này. Chi tiết về Điều kiện xét thưởng, vui lòng tham khảo Quy tắc và điều khoản sản phẩm.
- 4. Giá trị hoàn lại tương ứng với Giá trị Tài khoản hợp đồng trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn. Giá trị Tài khoản hợp đồng tùy thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết đơn vị (không được đảm bảo), phí bảo hiểm thực đóng và số tiền rút ra thực tế từ Tài khoản hợp đồng. Vì vậy, Giá trị Tài khoản hợp đồng thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị thể hiện ở Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này.
- 5. Lãi suất minh họa tại các Quỹ liên kết đơn vị chỉ mang tính tham khảo, sẽ có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết đơn vị và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho Quý khách trong tương lai.
- 6. Việc rút tiền sẽ được thực hiện từ Tài khoản đóng thêm (nếu có) trước; sau đó đến Tài khoản cơ bản.
- 7. Phí bảo hiểm hàng năm, các quyền lợi của Hợp đồng bảo hiểm, Giá trị Tài khoản hợp đồng được minh họa tại trang “Minh họa quyền lợi hợp đồng bảo hiểm” này có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết đơn vị. Chi tiết về Hợp đồng bảo hiểm và các quyền lợi bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.
- 8. Theo Thông tư 67/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính, Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này minh họa quyền lợi đầu tư trong 20 năm. Trường hợp Bên mua bảo hiểm tiếp tục đóng phí để duy trì Hợp đồng bảo hiểm thì Giá trị Tài khoản hợp đồng vẫn sẽ tiếp tục được duy trì và nhận toàn bộ kết quả đầu tư.
- 9. Bên mua bảo hiểm được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư và sẽ chịu toàn bộ rủi ro đầu tư từ các Quỹ liên kết đơn vị đã lựa chọn tương ứng với giá trị của hợp đồng trong các Quỹ liên kết đơn vị.

TÓM TẮT QUYỀN LỢI CỦA BẢO HIỂM BỒ TRỢ

Đơn vị: đồng

STT	Quyền lợi bảo hiểm	Số tiền chi trả				
		ĐÀO QUANG MINH				
1	BH tử vong và thương tật do Tai nạn - Phiên bản mở rộng (*)					
	Thương tật do Tai nạn	Tối đa 500.000.000 theo mức độ thương tật				
	Bỏnđ do Tai nạn	Tối đa 500.000.000 theo mức độ Bỏnđ				
	Chấn thương nội tạng do Tai nạn	Tối đa 50.000.000				
	Gãy xương do Tai nạn	Tối đa 50.000.000				
	Vận chuyển cấp cứu do Tai nạn/Tai nạn	2.500.000				
	Tử vong do Tai nạn	500.000.000				
	Tử vong do Tai nạn trên các phương tiện giao thông công cộng hoặc trong thang máy công cộng; hoặc do hỏa hoạn tại các tòa nhà công cộng theo Quy tắc và Điều khoản	1.000.000.000				
	Tử vong do Tai nạn máy bay khi Người đợc bảo hiểm đang là hành khách trên chuyến bay dân dụng.	1.500.000.000				

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:
NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN
Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



241102175112883

In ngày: 08/11/2024
Trang số: 16 / 31

TÓM TẮT QUYỀN LỢI CỦA BẢO HIỂM BỒ TRỢ

2	BH bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần					
	Bệnh hiểm nghèo dành cho trẻ em (chỉ trả 01 lần)	125.000.000				
	Biến chứng Bệnh tiểu đường (chỉ trả 01 lần)	125.000.000				
	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu (chi trả tối đa cho 02 Bệnh hiểm nghèo thuộc 02 Nhóm bệnh khác nhau)	125.000.000 /Bệnh				
	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau (chi trả tối đa cho 05 Bệnh hiểm nghèo thuộc 05 Nhóm bệnh khác nhau)	500.000.000 /Bệnh				

GHI CHÚ:

Chi tiết về các quyền lợi bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.

(*) Khi xảy ra Sự kiện được bảo hiểm đối với Người được bảo hiểm từ 04 Tuổi trở xuống, Số tiền bảo hiểm dùng để chi trả quyền lợi sẽ được điều chỉnh theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

Bảo hiểm tử vong và thương tật do Tai nạn (Phiên bản mở rộng): Quyền lợi Tử vong do Tai nạn sẽ trừ đi (các) quyền lợi thương tật do Tai nạn, Bỏng do Tai nạn, chấn thương cơ quan nội tạng do Tai nạn, Gãy xương do Tai nạn, Vận chuyển cấp cứu do Tai nạn, đã chi trả trước

Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần: Số tiền tối đa mỗi lần chi trả đối với các quyền lợi Bệnh hiểm nghèo dành cho trẻ em, Biến chứng Bệnh tiểu đường, Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu không được vượt quá 500 triệu đồng cho mỗi quyền lợi - bất kể Người được bảo hiểm có tham gia nhiều Hợp đồng bảo hiểm.

TÓM TẮT LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

STT	Sản phẩm bảo hiểm	Loại trừ
1	Bảo hiểm liên kết đơn vị VITA - Đầu Tư Như Ý	Tham khảo Điều 3, Quy tắc và Điều khoản Bảo hiểm Liên kết đơn vị - Phiên bản 2
2	BH Bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần	Tham khảo Điều 2, Quy tắc và Điều khoản Bảo hiểm bổ trợ Bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần đính kèm sản phẩm Bảo hiểm Liên kết đơn vị - Phiên bản 2
3	BH tử vong và thương tật do Tai nạn - Phiên bản mở rộng	Tham khảo Điều 4, Quy tắc và Điều khoản Bảo hiểm bổ trợ Bảo hiểm tử vong và thương tật do Tai nạn - Phiên bản mở rộng
4	VITA - Sức Khỏe Vàng - Phiên bản 3/ VITA - Sức Khỏe Kim Cương	Tham khảo Điều 10, Quy tắc và Điều khoản Bảo hiểm bổ trợ bảo hiểm sức khỏe cá nhân - Phiên bản 3

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:
NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



241102175112883

In ngày: 08/11/2024
Trang số: 18 / 31

DANH SÁCH BỆNH HIỂM NGHÈO ĐƯỢC BẢO HIỂM (BẢO HIỂM BỆNH HIỂM NGHÈO CHI TRẢ NHIỀU LẦN)

BIẾN CHỨNG BỆNH TIỂU ĐƯỜNG	BỆNH HIỂM NGHÈO DÀNH CHO TRẺ EM			
1. Bệnh vồng mạc do tiểu đường 2. Bệnh thận do tiểu đường 3. Cụt chi do tiểu đường	1. Bệnh Wilson 2. Bệnh Tay - Chân - Miệng với các biến chứng nặng (đe dọa tính mạng) 3. Bệnh tiểu đường phụ thuộc Insulin (Tiểu đường tuýp 1)	4. Bệnh Kawasaki với các biến chứng tim 5. Bệnh xương thủy tinh 6. Sốt thấp khớp có biến chứng van tim	7. Bệnh Hemophilia thể nặng 8. Sốt xuất huyết Dengue 9. Viêm khớp mạn tính hệ thống ở trẻ em (Bệnh Still ở trẻ em)	10. Chứng tự kỷ thể nặng 11. Hội chứng thận hư tái phát thể nặng 12. Bệnh bạch hầu đường hô hấp
NHÓM BỆNH	BỆNH HIỂM NGHÈO GIAI ĐOẠN ĐẦU THEO NHÓM BỆNH			
1. Ung thư	1. Ung thư biểu mô tại chỗ	2. Ung thư giai đoạn sớm của một số cơ quan		
2. Tạng chủ	3. Phẫu thuật cắt bỏ một thận 4. Ghép ruột non 5. Phẫu thuật cắt một bên phổi 6. Phẫu thuật gan 7. Phẫu thuật tái tạo đường mật	8. Ghép giác mạc 9. Hen suyễn nặng 10. Xơ gan 11. Thiếu máu bất sản có khả năng hồi phục		
3. Hệ tuần hoàn (tim mạch)	12. Đặt máy tạo nhịp tim 13. Đặt máy khử rung tim 14. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành trực tiếp xâm lấn tối thiểu (MIDCAB) 15. Phẫu thuật động mạch chủ xâm lấn tối thiểu	16. Tạo hình van tim hoặc nong van tim qua da 17. Cắt màng ngoài tim 18. Đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ 19. Tăng áp động mạch phổi giai đoạn sớm 20. Phồng động mạch chủ nặng không có triệu chứng		
4. Hệ thống thần kinh – Cơ xương khớp	21. Phẫu thuật đặt dẫn lưu não thất 22. Phẫu thuật cắt u tuyến yên 23. Loãng xương với Gãy xương 24. Bệnh tủy sống hoặc chấn thương tủy sống dẫn tới rối loạn chức năng bàng quang và ruột	25. Phẫu thuật huyết khối xoang hang 26. Viêm tủy sống do lao 27. Động kinh nặng 28. Parkinson thể trung bình		
5. Khác	29. Mất thị lực 01 mắt 30. Bồng không nghiêm trọng 31. Mất 01 chi 32. Phẫu thuật cấy ốc tai	33. Mất chức năng 01 chi và mất thị lực 01 mắt 34. Viêm vồng mạc sắc tố 35. Viêm khớp dạng thấp thể trung bình		

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:
NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN
Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 08/11/2024
Trang số: 19 / 31

NHÓM BỆNH	BỆNH HIỂM NGHÈO GIAI ĐOẠN SAU THEO NHÓM BỆNH	
1. Ung thư	1. Ung thư	
2. Tạng chủ	2. Suy thận 3. Phẫu thuật ghép tạng chủ 4. Bệnh phổi giai đoạn cuối 5. Nang tủy thận 6. Viêm gan siêu vi thể tối cấp	7. Suy gan giai đoạn cuối 8. Thiếu máu bất sản 9. Viêm tụy mãn tái phát 10. Viêm gan tự miễn mãn tính
3. Hệ tuần hoàn (tim mạch)	11. Nhồi máu cơ tim 12. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành 13. Phẫu thuật thay van tim 14. Phẫu thuật động mạch chủ	15. Tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát 16. Bệnh cơ tim 17. Hội chứng Eisenmenger 18. Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn
4. Hệ thống thần kinh – Cơ xương khớp	19. Hôn mê 20. Đột quỵ 21. Bệnh Alzheimer 22. Bệnh Parkinson 23. Bệnh xơ cứng rải rác 24. Viêm não 25. Chấn thương sọ não nặng 26. Phẫu thuật sọ não 27. Bệnh teo cơ tủy (SMA) 28. Bệnh xơ cứng cột bên teo cơ 29. Viêm màng não do vi khuẩn 30. U não lành tính 31. Bệnh bại liệt	32. Cụt chi 33. Liệt chi 34. Bệnh loạn dưỡng cơ 35. Bệnh nhược cơ 36. Loãng xương nặng 37. Tổn thương đa rễ đám rối thần kinh cánh tay 38. Bệnh Creutzfeldt-Jakob (Bò điên) 39. Bệnh lao màng não 40. Gãy cột sống do Tai nạn 41. Phình mạch não bắt buộc phải phẫu thuật 42. Hội chứng Apallic 43. Liệt trên nhân tiến triển 44. Liệt hành não tiến triển
5. Khác	45. Bỏng nặng 46. Lupus ban đỏ hệ thống có biến chứng thận 47. Mù 48. Mất khả năng nói 49. Mất thính lực 50. Viêm đa khớp dạng thấp thể nặng 51. U tủy thượng thận 52. Xơ cứng bì tiến triển	53. Nhiễm HIV do truyền máu 54. Nhiễm HIV do nghề nghiệp 55. Suy thượng thận mãn tính 56. Viêm cân mạc hoại tử 57. Viêm loét đại tràng có phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng 58. Bệnh Crohn có đường rò 59. Phẫu thuật Vẹo cột sống tự phát 60. Sốt xuất huyết Ebola 61. Bệnh phù chân voi

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:
NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN
Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 08/11/2024
Trang số: 20 / 31

BẢNG LIỆT KÊ QUYỀN LỢI CỦA VITA - SỨC KHỎE VÀNG - PHIÊN BẢN 3 / VITA - SỨC KHỎE KIM CƯƠNG
QUYỀN LỢI NỘI TRÚ

Đơn vị: nghìn đồng

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	Tiết Kiệm	Tiêu Chuẩn	Cao Cấp	V.I.P	Kim Cương
PHẠM VI ĐỊA LÝ ĐƯỢC BẢO HIỂM	Việt Nam	Việt Nam	Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)	Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)	Toàn cầu
HẠN MỨC HÀNG NĂM CỦA QUYỀN LỢI NỘI TRÚ	100.000	300.000	650.000	1.200.000	5.000.000
QUYỀN LỢI NHÂN ĐÔI HẠN MỨC (để điều trị nội trú các bệnh Ung thư, Đột quy, Nhồi máu cơ tim) (*)	100.000	300.000	650.000	1.200.000	5.000.000
Tỷ lệ đồng chi trả	0% hoặc 20%	0%	0%	0%	0%
PHẠM VI BẢO HIỂM	GIỚI HẠN PHỤ				
Viện phí và các chi phí y tế					
Giới hạn cho mỗi Đợt điều trị có Phẫu thuật	60.000	180.000	390.000	720.000	Theo Chi phí y tế thực tế
Giới hạn cho mỗi Đợt điều trị không có Phẫu thuật	30.000	90.000	195.000	360.000	
1. Tiền giường và phòng/Ngày nằm viện - Điều trị trong nước	500	1.500	3.000	6.000	12.000
Tiền giường và phòng/Ngày nằm viện - Điều trị tại nước ngoài	-		3.000	6.000	Theo Chi phí y tế thực tế (**)
2. Chi phí Phòng chăm sóc đặc biệt (tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng)	Theo Chi phí y tế thực tế				
3. Chi phí Phẫu thuật					
4. Các chi phí điều trị nội trú khác					
5. Chi phí điều trị trước khi Nằm viện (trong vòng 30 ngày trước khi Nằm viện)					
6. Chi phí điều trị sau khi xuất viện (trong vòng 60 ngày sau khi xuất viện)					
7. Chi phí hỗ trợ người nuôi bệnh nhân/ngày (tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	500	1.500	3.000	6.000	12.000
8. Chăm sóc y tế tại nhà/ngày (tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	100	250	500	1.000	2.000
9. Trợ cấp nằm viện tại Bệnh viện công lập/Ngày nằm viện (tối đa 30 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng)	-	150	500	1.000	2.000
10. Chi phí Vật lý trị liệu/Năm hợp đồng	1.000	3.000	5.000	10.000	20.000
11. Vận chuyển cấp cứu/Năm hợp đồng	1.000	2.500	5.000	Theo Chi phí y tế thực tế	

BẢNG LIỆT KÊ QUYỀN LỢI CỦA VITA - SỨC KHỎE VÀNG - PHIÊN BẢN 3 / VITA - SỨC KHỎE KIM CƯƠNG

QUYỀN LỢI NỘI TRÚ

Đơn vị: nghìn đồng

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	Tiết Kiệm	Tiêu Chuẩn	Cao Cấp	V.I.P	Kim Cương
PHẠM VI ĐỊA LÝ ĐƯỢC BẢO HIỂM	Việt Nam	Việt Nam	Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)	Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)	Toàn cầu
HẠN MỨC HÀNG NĂM CỦA QUYỀN LỢI NỘI TRÚ	100.000	300.000	650.000	1.200.000	5.000.000
QUYỀN LỢI NHÂN ĐÔI HẠN MỨC (để điều trị nội trú các bệnh Ung thư, Đột quy, Nhồi máu cơ tim) (*)	100.000	300.000	650.000	1.200.000	5.000.000
Tỷ lệ đồng chi trả	0% hoặc 20%	0%	0%	0%	0%
PHẠM VI BẢO HIỂM	GIỚI HẠN PHỤ				
Cấy ghép nội tạng (thận, tim, gan, phổi, tụy, tủy xương)					
1. Chi phí cho Người được bảo hiểm (là người nhận tạng)	Theo Chi phí y tế thực tế				
2. Chi phí cho người hiến tạng/Năm hợp đồng	50.000	150.000	325.000	600.000	2.500.000
Điều trị Ung thư, Đột quy, Nhồi máu cơ tim	Theo Chi phí y tế thực tế				
Điều trị trong ngày					
1. Phẫu thuật trong ngày	Theo Chi phí y tế thực tế				
2. Điều trị thận nhân tạo/Năm hợp đồng	15.000	30.000	45.000	60.000	150.000
Điều trị cấp cứu do Tai nạn/Tai nạn	1.500	5.000	7.500	Theo Chi phí y tế thực tế	

Ghi chú:
(*) Quyền lợi được áp dụng khi đã sử dụng hết Hạn mức hàng năm của quyền lợi nội trú
(**) Tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm Hợp đồng

BẢNG LIỆT KÊ QUYỀN LỢI CỦA VITA - SỨC KHỎE VÀNG - PHIÊN BẢN 3 / VITA - SỨC KHỎE KIM CƯƠNG

Đơn vị: nghìn đồng

QL NGOẠI TRÚ	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	Tiết Kiệm	Tiêu Chuẩn	Cao Cấp	V.I.P	Kim Cương
	PHẠM VI ĐỊA LÝ ĐƯỢC BẢO HIỂM	-	Việt Nam	Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)	Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)	Toàn cầu
	HẠN MỨC HÀNG NĂM		15.000	25.000	50.000	100.000
	Tỷ lệ đồng chi trả trong trường hợp khám, điều trị tại các Cơ sở y tế/Phòng khám tư nhân		20%	20%	0%	0%
	1. Chi phí điều trị ngoại trú theo Tây y/lần khám		1.500	3.000	6.000	12.000
	2. Chi phí điều trị ngoại trú theo Đông y/lần khám		750	1.500	3.000	6.000
	3. Chi phí tiêm chủng/Năm hợp đồng		-			2.000
	HẠN MỨC HÀNG NĂM	-	5.000	10.000	20.000	40.000
	1. Chi phí kiểm tra, cạo vôi răng/lần (tối đa 02 lần/Năm hợp đồng)		500	1.000	2.000	4.000
	2. Các chi phí khám và điều trị răng khác		Theo Chi phí y tế thực tế			
QL THAI SẢN	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	Tiết Kiệm	Tiêu Chuẩn	Cao Cấp	V.I.P	Kim Cương
	PHẠM VI ĐỊA LÝ ĐƯỢC BẢO HIỂM	-	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	Toàn cầu
	HẠN MỨC HÀNG NĂM CỦA QUYỀN LỢI THAI SẢN		20.000	30.000	50.000	100.000
	Tỷ lệ đồng chi trả		20%	20%	0%	0%
	Chi phí khám thai/Năm hợp đồng		1.500	1.500	2.500	5.000
	Viện phí sinh con hoặc điều trị biến chứng thai sản					
	1. Tiền giường và phòng/Ngày nằm viện - Điều trị trong nước		1.500	3.000	6.000	12.000
	-Tiền giường và phòng/Ngày nằm viện - Điều trị tại nước ngoài		-			Theo Chi phí y tế thực tế (*)
	2. Chi phí Phòng chăm sóc đặc biệt (*)		Theo Chi phí y tế thực tế			
	3. Các chi phí chăm sóc thai sản khác					

(*) tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng
Giới hạn phụ của từng quyền lợi ngoại trú, nha khoa, thai sản quy định ở Quy tắc và Điều khoản

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

A. THÔNG TIN CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Các Quỹ liên kết đơn vị và Mục tiêu đầu tư	Mục tiêu	Công ty quản lý Quỹ	Danh mục đầu tư	Mức độ rủi ro và Lợi nhuận dự kiến
Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	Tạo thu nhập ổn định và bảo toàn vốn	Công ty quản lý quỹ VinaCapital	- Trái phiếu/Công cụ lãi suất cố định (Đầu tư tối đa 95%)	Thấp
Quỹ Tích Lũy Năng Động		Công ty quản lý quỹ Dragon Capital Việt Nam	- Công cụ thị trường tiền tệ (Đầu tư tối thiểu 5%)	
Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	Tăng trưởng vốn đầu tư và tối đa hóa lợi nhuận trong thời gian dài hạn	Công ty quản lý quỹ VinaCapital	- Cổ phiếu (Đầu tư tối đa 95%)	Cao
Quỹ Tăng Trưởng Năng Động		Công ty quản lý quỹ Dragon Capital Việt Nam	- Công cụ thị trường tiền tệ (Đầu tư tối thiểu 5%)	

B. BẢNG TỶ SUẤT ĐẦU TƯ DỰ KIẾN

Quỹ Liên kết đơn vị	Quỹ Tích Lũy Chiến Lược Quỹ Tích Lũy Năng Động		Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược Quỹ Tăng Trưởng Năng Động	
Tỷ suất đầu tư minh họa theo loại tài sản	Thấp	Cao	Thấp	Cao
Cổ phiếu	Không áp dụng	Không áp dụng	0,9%	9,0%
Trái phiếu/ Công cụ lãi suất cố định	4,3%	6,2%	Không áp dụng	Không áp dụng
Tài sản khác	3,0%	7,0%	3,0%	7,0%
Tỷ suất đầu tư bình quân gia quyền của Quỹ	4,0%	6,0%	1,0%	8,9%

- Tỷ suất đầu tư dự kiến được dùng để minh họa các giá trị trong trang “Minh họa quyền lợi hợp đồng bảo hiểm” và các trang “Minh họa chi tiết giá trị quỹ”.
- Tỷ suất đầu tư dự kiến được giả định không thay đổi trong suốt Thời hạn hợp đồng.
- Tỷ suất đầu tư dự kiến chỉ có giá trị minh họa và KHÔNG ĐẢM BẢO.

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

C. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Năm	So sánh tỷ suất đầu tư thực tế của Quỹ (1) và (2) với chỉ số đầu tư được lựa chọn			So sánh tỷ suất đầu tư thực tế của Quỹ (3) và (4) với chỉ số đầu tư được lựa chọn		
	Quỹ Tích Lũy Chiến Lược (1)	Quỹ Tích Lũy Năng Động (2)	Lãi suất liên ngân hàng Việt Nam (VNIBOR) 3 tháng + 3,5%	Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược (3)	Quỹ Tăng Trưởng Năng Động (4)	VNindex
Từ khi thành lập (*)	42,01%	40,24%	34,10%	56,78%	30,46%	15,37%
2020	7,16%	7,37%	5,78%	11,05%	14,06%	14,87%
2021	9,22%	8,36%	5,00%	52,42%	45,47%	35,73%
2022	9,07%	8,69%	7,81%	-22,11%	-33,01%	-32,78%
2023	9,03%	8,72%	8,80%	21,85%	19,07%	12,20%

Ghi chú:

- (*) Từ ngày thành lập quỹ 15/08/2019 đến 31/12/2023.
- Kết quả hoạt động của các Quỹ liên kết đơn vị trong quá khứ dùng để tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo chắc chắn về kết quả hoạt động của các Quỹ liên kết đơn vị trong tương lai.
- Các tỷ suất đầu tư không tính đến chênh lệch giữa giá mua và giá bán hoặc các khoản phí khác có thể sẽ được tính thêm cho Bên mua bảo hiểm.

D. ĐỊNH GIÁ ĐƠN VỊ QUỸ

- Generali sẽ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ liên kết đơn vị vào Ngày định giá theo định kỳ 1 lần vào mỗi thứ sáu hàng tuần (trừ trường hợp lễ Tết hoặc do nguyên nhân bất khả kháng).
- Tài sản của Quỹ liên kết đơn vị được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là Đơn vị quỹ. Giá đơn vị quỹ là giá một Đơn vị quỹ khi Generali thực hiện mua hoặc bán các Đơn vị quỹ cho Bên mua bảo hiểm. Tuy nhiên, Giá đơn vị quỹ có thể khác nhau theo từng Quỹ liên kết đơn vị.
- Giá đơn vị quỹ có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào kết quả đầu tư của Quỹ liên kết đơn vị. Kết quả hoạt động của Quỹ liên kết đơn vị KHÔNG ĐẢM BẢO và có thể cho kết quả âm.
- Giá trị của Quỹ liên kết đơn vị có thể thấp hơn số phí đem đi đầu tư và phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết đơn vị.

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:
NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN
Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 08/11/2024
Trang số: 25 / 31

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

E. BIỆN PHÁP BẢO VỆ VÀ GIA TĂNG QUYỀN LỢI CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

- Generali sẽ áp dụng các biện pháp sau đây để bảo vệ và gia tăng quyền lợi của Bên mua bảo hiểm:
- Thay đổi tên của Quỹ liên kết đơn vị;
 - Đóng Quỹ liên kết đơn vị để chuyển đổi các tài sản sang một Quỹ liên kết đơn vị mới có cùng mục tiêu đầu tư;
 - Chia tách và/hoặc sáp nhập các Đơn vị Quỹ hiện có;
 - Ngừng định giá Đơn vị Quỹ và các giao dịch liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp Sở giao dịch chứng khoán và/hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán mà Quỹ liên kết đơn vị đang đầu tư vào tạm thời bị đình chỉ giao dịch;
 - Các biện pháp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

F. QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

- Chỉ định tỷ lệ đầu tư vào từng Quỹ liên kết đơn vị;
- Yêu cầu thay đổi tỷ lệ đầu tư;
- Chuyển đổi giữa các Quỹ liên kết đơn vị;
- Đóng thêm Phí bảo hiểm đóng thêm để đầu tư bổ sung;
- Rút tiền từ Tài khoản hợp đồng (Rút tiền).

G. MUA VÀ BÁN ĐƠN VỊ QUỸ

Mua đơn vị quỹ khi	Bán đơn vị quỹ khi
• Phân bổ Phí bảo hiểm; • Phân bổ Phí bảo hiểm đóng thêm; • Phân bổ Quyền lợi Thưởng và Quyền lợi Món quà khởi đầu (nếu có); • Chuyển đổi Quỹ. • Trường hợp khác theo quy định của Quy tắc và Điều khoản này.	• Chuyển đổi Quỹ; • Thanh toán Khoản khấu trừ hàng tháng và các loại phí quy định tại Quy tắc và Điều khoản (ngoại trừ Phí ban đầu và Phí quản lý quỹ); • Rút tiền từ Giá trị Tài khoản hợp đồng; • Chi trả quyền lợi bảo hiểm (ngoại trừ Quyền lợi Thưởng và Quyền lợi Món quà khởi đầu); • Hợp đồng bị mất hiệu lực; • Hợp đồng bị chấm dứt; • Trường hợp khác theo quy định của Quy tắc và Điều khoản này.

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:
NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN
Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 08/11/2024
Trang số: 26 / 31

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

G. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN

- 1. Phí bảo hiểm cơ bản: là phí bảo hiểm của quyền lợi chính. Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ vào Tài khoản cơ bản sau khi trừ đi Phí ban đầu.
- 2. Phí bảo hiểm bổ trợ: là phí bảo hiểm của (các) Bảo hiểm bổ trợ (nếu có). Phí bảo hiểm bổ trợ được phân bổ vào Tài khoản cơ bản sau khi trừ đi Phí ban đầu.
- 3. Phí bảo hiểm định kỳ: là tổng Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm bổ trợ theo định kỳ đóng phí đã chọn.
- 4. Phí bảo hiểm đóng thêm: là số tiền mà Bên mua bảo hiểm đóng thêm sau khi đã đóng đủ tổng Phí bảo hiểm định kỳ của Năm hợp đồng hiện tại và các Năm hợp đồng trước đó. Phí bảo hiểm đóng thêm được phân bổ vào Tài khoản đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu. Phí bảo hiểm đóng thêm cần tuân thủ theo mức tối thiểu và tối đa do Generali quy định tại từng thời điểm.
- 5. Tài khoản cơ bản: là tài khoản có các Đơn vị quỹ được hình thành từ: i) Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm bổ trợ (nếu có) sau khi trừ đi Phí ban đầu và Khoản khấu trừ hàng tháng; ii) Quyền lợi Món quà khởi đầu được chi trả (nếu có); và iii) Quyền lợi Thưởng định kỳ được chi trả (nếu có).
- 6. Tài khoản đóng thêm: là tài khoản có các Đơn vị quỹ được hình thành từ: i) Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu và Khoản khấu trừ hàng tháng (nếu có); và (ii) Quyền lợi Thưởng đặc biệt được chi trả (nếu có).
- 7. Tài khoản hợp đồng: là bao gồm Tài khoản cơ bản và Tài khoản đóng thêm (nếu có).
- 8. Phí ban đầu: Là khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm bổ trợ và Phí bảo hiểm đóng thêm trước khi các khoản phí bảo hiểm này được phân bổ vào Tài khoản hợp đồng. Phí ban đầu được tính theo tỷ lệ % của Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm bổ trợ và Phí bảo hiểm đóng thêm như sau:

Năm đóng phí	1	2	3	4	5+
% Phí bảo hiểm cơ bản	85%	70%	15%	5%	0%
% Phí bảo hiểm bổ trợ	60%	45%	15%	5%	0%
% Phí bảo hiểm đóng thêm	2%				0%

- 9. Phí bảo hiểm rủi ro: là khoản phí để đảm bảo quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại Hợp đồng bảo hiểm, được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị Tài khoản hợp đồng vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng. Phí bảo hiểm rủi ro bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro của các Quyền lợi bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản này và (các) Quy tắc và điều khoản của bảo hiểm bổ trợ (nếu có).
- 10. Phí quản lý hợp đồng: là khoản phí dùng để bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm, được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị Tài khoản hợp đồng vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng. Trong năm 2021, Phí quản lý hợp đồng là 37.000 đồng mỗi tháng và tự động tăng 2.000 đồng mỗi năm dương lịch sau đó. Trong mọi trường hợp, Phí quản lý hợp đồng không vượt quá 60.000 đồng mỗi tháng.

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:
NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN
Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 08/11/2024
Trang số: 27 / 31

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

11. Phí quản lý Quỹ: Là khoản phí dùng để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ liên kết đơn vị. Phí quản lý Quỹ được tính theo tỷ lệ % tổng tài sản của Quỹ trước khi Generali công bố Giá đơn vị Quỹ và khác nhau theo từng loại Quỹ như sau:

Quỹ liên kết đơn vị	Phí quản lý Quỹ hàng năm (% tổng tài sản Quỹ)
Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	1,5%/năm
Quỹ Tích Lũy Năng Động	1,5%/năm
Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	2,5%/năm
Quỹ Tăng Trưởng Năng Động	2,5%/năm

12. Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn: là khoản phí tính cho Bên mua bảo hiểm khi yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn. Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn được tính như sau:

a. Đối với Tài khoản cơ bản

Năm đóng phí	1 - 4	5+
Phí bảo hiểm Năm hợp đồng đầu tiên tại thời điểm phát hành Hợp đồng bảo hiểm	30%	0%

Nếu Giá trị Tài khoản cơ bản nhỏ hơn Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn, thì Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn bằng Giá trị Tài khoản cơ bản tại thời điểm Bên mua bảo hiểm yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước hạn.

b. Đối với Tài khoản đóng thêm

Năm đóng phí	1 - 4	5+
% Giá trị tài khoản đóng thêm	5%	0%

13. Phí chuyển đổi Quỹ: Trong mỗi Năm hợp đồng, Generali sẽ miễn Phí chuyển đổi Quỹ cho 05 lần chuyển đổi đầu tiên. Từ lần chuyển đổi thứ 06 trở đi, Phí chuyển đổi Quỹ là 100.000 đồng cho mỗi lần chuyển đổi và được khấu trừ từ số tiền yêu cầu chuyển đổi trước khi chuyển đi.

14. Phí rút tiền là khoản phí tính cho Bên mua bảo hiểm khi rút một phần từ Tài khoản đóng thêm trong 04 Năm đóng phí đầu tiên, Phí rút tiền bằng 5% số tiền rút cho mỗi lần rút tiền.

LƯU Ý QUAN TRỌNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

- 1. Nghĩa vụ cung cấp thông tin: Hợp đồng được phát hành trên cơ sở Quý khách và Người được bảo hiểm đảm bảo tất cả các thông tin cung cấp tại Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm là đầy đủ và chính xác. Thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ có thể dẫn đến việc quyền lợi bảo hiểm sẽ không được chi trả và Hợp đồng có thể bị chấm dứt.
- 2. Thời gian cân nhắc: Quý khách có 21 ngày tính từ ngày nhận Hợp đồng để (i) Kiểm tra toàn bộ thông tin của Hợp đồng; và (ii) Thay đổi quyết định tham gia bảo hiểm (bằng cách gửi văn bản đến Generali). Nếu có bất kỳ thông tin nào chưa chính xác hay chưa đầy đủ, Quý khách cần thông báo kịp thời cho Generali trong thời hạn nêu trên. Nếu Quý khách từ chối tham gia bảo hiểm, Hợp đồng sẽ được hủy bỏ và Generali sẽ hoàn trả toàn bộ phí bảo hiểm đã đóng (không có lãi), sau khi trừ đi các chi phí khám và xét nghiệm y khoa (nếu có).
- 3. Đóng phí bảo hiểm: Quý khách cần đóng phí theo đúng quy định để duy trì hiệu lực Hợp đồng. Các sản phẩm liên kết chung và liên kết đơn vị có tính năng cho phép Bên mua bảo hiểm tạm ngưng đóng phí sau một số năm. Tuy nhiên, xin lưu ý: việc tạm ngưng đóng phí có thể làm cho Hợp đồng mất hiệu lực và/hoặc không đạt được kết quả đầu tư như mong muốn.
- 4. Thời gian chờ: là khoảng thời gian mà sự kiện xảy ra trong khoảng thời gian đó sẽ không được Generali chi trả quyền lợi bảo hiểm. Thời gian chờ được quy định chi tiết tại Quy tắc và Điều khoản của từng sản phẩm. Thời gian chờ được tính từ ngày sản phẩm bắt đầu có hiệu lực, hoặc ngày khôi phục hiệu lực gần nhất (tùy vào ngày nào đến sau).
- 5. Cập nhật thông tin: Khách hàng và Người được bảo hiểm cần thông báo kịp thời cho Generali khi (i) Có thay đổi về nơi cư trú và thông tin liên lạc, giấy tờ tùy thân (chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu, v.v.); hoặc (ii) Ra nước ngoài liên tục trên 3 tháng; hoặc (iii) Thay đổi người thụ hưởng.

Mọi thắc mắc, Quý khách có thể liên hệ hotline 1900 969675 hoặc trực tiếp tại các trung tâm dịch vụ khách hàng của Generali:
<https://generali.vn/bao-hiem-ca-nhan/lien-he/ho-tro/danh-sach-dia-diem>

XÁC NHẬN CỦA TỰ VẤN BẢO HIỂM		XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM VÀ NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM	
Tôi xác nhận đã giải thích đầy đủ và đã tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này cũng như nội dung của Quy tắc và Điều khoản, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm.		1. Tôi/Chúng tôi, xác nhận đã đọc kỹ và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này cũng như nội dung của Quy tắc và điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm. Tôi/Chúng tôi đã hiểu rõ các quyền lợi (đảm bảo và không đảm bảo) và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi theo quy định của Hợp đồng bảo hiểm. 2. Tôi/Chúng tôi đã được giải thích đầy đủ và đã hiểu rõ điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của (các) sản phẩm liệt kê trong Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này. 3. Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng được phát hành trên cơ sở Tôi/Chúng tôi đảm bảo tất cả các thông tin cung cấp tại Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm là đầy đủ và chính xác. Thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ có thể dẫn đến việc quyền lợi bảo hiểm sẽ không được chi trả và Hợp đồng có thể bị chấm dứt. 4. Tôi/chúng tôi hiểu và đồng ý rằng: i) Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa; ii) Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm được quy định tại Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm. 5. Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực nếu Phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong vòng 04 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng. 6. Tôi/Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng Chi phí bảo hiểm rủi ro của (các) Bảo hiểm bổ trợ được khấu trừ hàng tháng từ Tài khoản hợp đồng khi Tôi/Chúng tôi tham gia (các) Bảo hiểm bổ trợ và việc tham gia sản phẩm bảo hiểm bổ trợ không phải là điều kiện bắt buộc để tham gia sản phẩm bảo hiểm chính. 7. Tôi/Chúng tôi hiểu rằng việc tham gia Hợp đồng bảo hiểm Liên kết đơn vị là một cam kết dài hạn. Việc tham gia hợp đồng trong khoảng thời gian ngắn và chấm dứt hợp đồng trước hạn có thể chịu một khoản phí rất cao và kết quả đầu tư có thể không được như kỳ vọng. 8. Các kết quả hoạt động của Quỹ liên kết đơn vị trước đây (nếu có) chỉ dùng để tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo chắc chắn về kết quả hoạt động của các Quỹ liên kết đơn vị trong tương lai.	
		BÊN MUA BẢO HIỂM	NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM
		Họ và tên: NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG Ngày: 08/11/2024	Họ và tên: ĐÀO QUANG MINH Ngày: 08/11/2024
		Họ và tên: NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH Ngày: 08/11/2024	

Tài liệu minh họa này được lập thông qua ứng dụng điện tử Genova của Generali Việt Nam và được Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và Tư vấn bảo hiểm xác nhận bằng Thư xác nhận yêu cầu bảo hiểm qua ứng dụng điện tử Genova

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



241102175112883

In ngày: 08/11/2024

Trang số: 31 / 31

TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam
Nghiệp vụ bảo hiểm: **bảo hiểm liên kết đầu tư**



BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

VITA ĐẦU TƯ NHƯ Ý

Giải pháp **bảo vệ** và **đầu tư**
cho tương lai **bền vững**

Bảo vệ vẹn toàn

- 04 lựa chọn **Số tiền bảo hiểm** với cùng một mức phí

Đầu tư vượt trội

- **Quyền lợi Thưởng cạnh tranh** trên thị trường

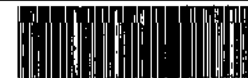
Lựa chọn linh hoạt

- 4 Quỹ liên kết đơn vị quản lý bởi **2 Công ty Quản lý Quỹ** hàng đầu Việt Nam

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



241218154742883

Generali SIS Bản số : ILP6

In ngày: 18/12/2024 15:47:42

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ GENERALI VIỆT NAM

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam được Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 61GP/KDBH, ngày 20/04/2011. Generali Việt Nam cung cấp giải pháp tài chính đa dạng cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp thông qua các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ: bảo vệ, tiết kiệm, đầu tư và sản phẩm bảo hiểm sức khỏe. Để tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động tại Việt Nam, Generali Việt Nam đã tăng vốn điều lệ lên đến 7.202,6 tỷ VND và trở thành một trong những công ty có vốn điều lệ cao nhất trên thị trường bảo hiểm nhân thọ.

Theo dõi và liên hệ chúng tôi tại

TRỤ SỞ CHÍNH

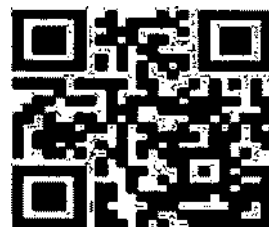
GENERALI PLAZA HỒ CHÍ MINH

43-45 Tú Xương, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

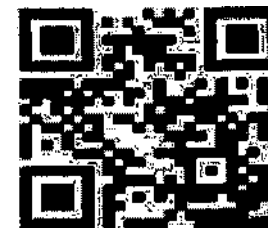
Hotline: 1900 96 96 75

Email: info@generalilife.com.vn

Số điện thoại
Doanh nghiệp: (+84) 28 6288 6888



Website: generalivn



Báo cáo sản phẩm & hoạt động quý
<https://generalivn/lai-suot>

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 18/12/2024

241218154742883 Trang số: 2 / 31

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị: nghìn đồng

Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	Tuổi: 48	Giới tính: Nữ	Nhóm nghề: 1	Nghề nghiệp: Giám đốc, chủ doanh nghiệp
Định kỳ đóng phí: Hàng năm	Thời hạn đóng phí dự kiến: 20 năm	Thời hạn đóng phí bắt buộc: 4 năm		

Người được bảo hiểm	Tuổi	Giới tính	Nhóm nghề	Tỉ lệ tăng phí (%)	Quyền lợi bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Phí BH hàng năm
ĐÀO QUANG MINH	21	Nam	2	0	Bảo hiểm liên kết đơn vị VITA - ĐẦU TƯ NHƯ Ý Lựa chọn bảo vệ 200	1.500.000	78	20.130
				0	BH tử vong và thương tật do Tai nạn - Phiên bản mở rộng	500.000	54	1.568
				0	BH Bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần	500.000	30	2.160
				0	VITA-Sức Khỏe Vàng-Phiên bản 3			
				0	- Nội trú - V.I.P	-	64	7.016
				0	- Ngoại trú - Tiêu Chuẩn	-	64	1.802
				0	- Nha Khoa - Tiêu Chuẩn	-	64	2.279
				0	BH miễn đóng phí Bệnh hiểm nghèo mở rộng	-	54	749

	Hàng năm	Hàng nửa năm
Phí bảo hiểm cơ bản Năm 1	20.130	10.065
Phí bảo hiểm bổ trợ Năm 1	15.574	7.787
Phí bảo hiểm định kỳ Năm 1	35.704	17.852
Phí bảo hiểm đóng thêm Năm 1	-	-
Tổng phí bảo hiểm đóng tại Năm 1	35.704	

Tỷ lệ phân bổ Quỹ (%)	Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	Quỹ Tích Lũy Năng Động	Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	Quỹ Tăng Trưởng Năng Động
Phí bảo hiểm định kỳ (gồm Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm bổ trợ)	50	50	-	-
Phí bảo hiểm đóng thêm	-	-	-	-

Ghi chú:

- Thời hạn đóng phí bằng Thời hạn bảo hiểm, tuy nhiên Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn Thời hạn đóng phí dự kiến phù hợp theo tình hình tài chính và nhu cầu bảo hiểm. Phí bảo hiểm định kỳ trong 04 Năm hợp đồng đầu tiên phải được đóng đầy đủ và đúng hạn. Khách hàng cần đóng phí theo đúng quy định để duy trì hiệu lực Hợp đồng. Việc tạm ngưng đóng phí có thể làm cho Hợp đồng mất hiệu lực và/hoặc không đạt được kết quả đầu tư như mong muốn.
- Thời hạn đóng phí dự kiến hiển thị tại các trang minh họa quyền lợi có thể ngắn hơn số năm đóng phí dự kiến tại Trang thông tin Hợp đồng bảo hiểm, tùy thuộc vào thời gian hiệu lực của Hợp đồng tại từng mức lãi suất minh họa.
- Đối với VITA – Sức Khỏe Vàng/VITA - Sức Khỏe Vàng - Phiên bản 3/VITA - Sức Khỏe Kim Cương, Phí bảo hiểm được thể hiện trên đây là phí của Năm hợp đồng đầu tiên. Phí bảo hiểm của các Năm hợp đồng tiếp theo sẽ thay đổi theo Tuổi đạt được của Người được bảo hiểm tại Ngày kỷ niệm hợp đồng.

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



241218154742883

In ngày: 18/12/2024

Trang số: 4 / 31

MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng/ Tuổi	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV đảm bảo	Mức tỷ suất đầu tư cao (Không đảm bảo)				Khoản rút và phí rút tiền
				Quyền lợi từ vong/ TTTBVV	Các khoản thường	Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)+(7)	(6)	(7)	(8)	(9)
1/22	35.704	9.249	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-
2/23	71.408	14.605	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-
3/24	107.112	30.348	3.000.000	3.011.391	-	11.391	680	-
4/25	142.816	33.919	3.000.000	3.031.187	-	31.187	20.476	-
5/26	178.520	35.704	3.000.000	3.054.124	-	54.124	54.124	-
6/27	214.950	36.430	3.000.000	3.080.970	2.351	80.970	80.970	-
7/28	251.380	36.430	3.000.000	3.107.009	-	107.009	107.009	-
8/29	287.810	36.430	3.000.000	3.134.544	-	134.544	134.544	-
9/30	324.240	36.430	3.000.000	3.169.066	5.475	169.066	169.066	-
10/31	360.670	36.430	3.000.000	3.235.735	35.704	235.735	235.735	-
11/32	397.689	37.019	3.000.000	3.270.634	-	270.634	270.634	-
12/33	434.708	37.019	3.000.000	3.316.653	9.301	316.653	316.653	-
13/34	471.727	37.019	3.000.000	3.355.830	-	355.830	355.830	-
14/35	508.746	37.019	3.000.000	3.396.998	-	396.998	396.998	-
15/36	545.765	37.019	3.000.000	3.489.870	49.648	489.870	489.870	-
16/37	584.675	38.910	3.000.000	3.538.559	-	538.559	538.559	-
17/38	623.585	38.910	3.000.000	3.589.518	-	589.518	589.518	-
18/39	662.495	38.910	3.000.000	3.662.405	19.578	662.405	662.405	-
19/40	701.405	38.910	3.000.000	3.719.296	-	719.296	719.296	-
20/41	740.315	38.910	3.000.000	3.850.134	71.408	850.134	850.134	-

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này

chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 18/12/2024

241218154742883 Trang số: 5 / 31

MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng/ Tuổi	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV đảm bảo	Mức tỷ suất đầu tư thấp (Không đảm bảo)				Khoản rút và phí rút tiền
				Quyền lợi từ vong/ TTTBVV	Các khoản thưởng	Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)+(7)	(6)	(7)	(8)	(9)
1/22	35.704	9.249	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-
2/23	71.408	14.605	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-
3/24	107.112	30.348	3.000.000	3.010.873	-	10.873	162	-
4/25	142.816	33.919	3.000.000	3.029.917	-	29.917	19.206	-
5/26	178.520	35.704	3.000.000	3.051.639	-	51.639	51.639	-
6/27	214.950	36.430	3.000.000	3.076.674	2.271	76.674	76.674	-
7/28	251.380	36.430	3.000.000	3.100.373	-	100.373	100.373	-
8/29	287.810	36.430	3.000.000	3.124.955	-	124.955	124.955	-
9/30	324.240	36.430	3.000.000	3.155.528	5.147	155.528	155.528	-
10/31	360.670	36.430	3.000.000	3.217.729	35.704	217.729	217.729	-
11/32	397.689	37.019	3.000.000	3.246.644	-	246.644	246.644	-
12/33	434.708	37.019	3.000.000	3.284.917	8.473	284.917	284.917	-
13/34	471.727	37.019	3.000.000	3.315.948	-	315.948	315.948	-
14/35	508.746	37.019	3.000.000	3.347.865	-	347.865	347.865	-
15/36	545.765	37.019	3.000.000	3.428.631	47.982	428.631	428.631	-
16/37	584.675	38.910	3.000.000	3.464.521	-	464.521	464.521	-
17/38	623.585	38.910	3.000.000	3.501.203	-	501.203	501.203	-
18/39	662.495	38.910	3.000.000	3.555.275	16.623	555.275	555.275	-
19/40	701.405	38.910	3.000.000	3.594.104	-	594.104	594.104	-
20/41	740.315	38.910	3.000.000	3.705.028	71.408	705.028	705.028	-

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ QUỸ TÍCH LŨY CHIẾN LƯỢC

(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng /Tuổi	Phí bảo hiểm phân bổ	Mức tỷ suất đầu tư cao (6,0%/năm) (Không đảm bảo)			Mức tỷ suất đầu tư thấp (4,0%/năm) (Không đảm bảo)		
		Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng	Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)
1/22	4.625	-	-	-	-	-	-
2/23	7.302	-	-	-	-	-	-
3/24	15.174	5.695	-	5.695	5.437	-	5.437
4/25	16.959	15.594	-	15.594	14.959	-	14.959
5/26	17.852	27.062	-	27.062	25.819	-	25.819
6/27	18.215	40.485	-	40.485	38.337	-	38.337
7/28	18.215	53.505	-	53.505	50.187	-	50.187
8/29	18.215	67.272	-	67.272	62.477	-	62.477
9/30	18.215	84.533	-	84.533	77.764	-	77.764
10/31	18.215	100.015	17.852	117.867	91.012	17.852	108.864
11/32	18.510	116.394	18.923	135.317	104.756	18.566	123.322
12/33	18.510	138.268	20.059	158.327	123.150	19.309	142.459
13/34	18.510	156.653	21.262	177.915	137.893	20.081	157.974
14/35	18.510	175.961	22.538	198.499	153.048	20.884	173.933
15/36	18.510	203.193	41.742	244.935	174.744	39.572	214.315
16/37	19.455	225.033	44.247	269.279	191.106	41.155	232.261
17/38	19.455	247.858	46.901	294.759	207.801	42.801	250.601
18/39	19.455	281.487	49.715	331.202	233.125	44.513	277.637
19/40	19.455	306.950	52.698	359.648	250.759	46.293	297.052
20/41	19.455	333.503	91.564	425.067	268.665	83.849	352.514

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này

chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 18/12/2024

241218154742883 Trang số: 7 / 31

MINH HẠ CHI TIẾT GIÁ TRỊ QUỸ TÍCH LŨY NĂNG ĐỘNG
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng /Tuổi	Phí bảo hiểm phân bổ	Mức tỷ suất đầu tư cao (6,0%/năm) (Không đảm bảo)			Mức tỷ suất đầu tư thấp (4,0%/năm) (Không đảm bảo)		
		Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng	Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)
1/22	4.625	-	-	-	-	-	-
2/23	7.302	-	-	-	-	-	-
3/24	15.174	5.695	-	5.695	5.437	-	5.437
4/25	16.959	15.594	-	15.594	14.959	-	14.959
5/26	17.852	27.062	-	27.062	25.819	-	25.819
6/27	18.215	40.485	-	40.485	38.337	-	38.337
7/28	18.215	53.505	-	53.505	50.187	-	50.187
8/29	18.215	67.272	-	67.272	62.477	-	62.477
9/30	18.215	84.533	-	84.533	77.764	-	77.764
10/31	18.215	100.015	17.852	117.867	91.012	17.852	108.864
11/32	18.510	116.394	18.923	135.317	104.756	18.566	123.322
12/33	18.510	138.268	20.059	158.327	123.150	19.309	142.459
13/34	18.510	156.653	21.262	177.915	137.893	20.081	157.974
14/35	18.510	175.961	22.538	198.499	153.048	20.884	173.933
15/36	18.510	203.193	41.742	244.935	174.744	39.572	214.315
16/37	19.455	225.033	44.247	269.279	191.106	41.155	232.261
17/38	19.455	247.858	46.901	294.759	207.801	42.801	250.601
18/39	19.455	281.487	49.715	331.202	233.125	44.513	277.637
19/40	19.455	306.950	52.698	359.648	250.759	46.293	297.052
20/41	19.455	333.503	91.564	425.067	268.665	83.849	352.514

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 18/12/2024

241218154742883 Trang số: 8 / 31

MINH HỌA CHI TIẾT CÁC LOẠI PHÍ
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ			Phí quản lý hợp đồng (**)	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Cơ bản & hỗ trợ	Đóng thêm	Tổng	Cơ bản & hỗ trợ	Đóng thêm	Tổng	Vào Tài khoản cơ bản	Vào Tài khoản đóng thêm	Tổng		Minh họa tại mức tỷ suất đầu tư	
											Cao	Thấp
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)	(13)
1/22	35.704	-	35.704	26.455	-	26.455	9.249	-	9.249	538	11.074	11.074
2/23	35.704	-	35.704	21.099	-	21.099	14.605	-	14.605	562	15.816	15.816
3/24	35.704	-	35.704	5.356	-	5.356	30.348	-	30.348	586	15.760	15.760
4/25	35.704	-	35.704	1.785	-	1.785	33.919	-	33.919	610	15.705	15.705
5/26	35.704	-	35.704	-	-	-	35.704	-	35.704	634	15.623	15.623
6/27	36.430	-	36.430	-	-	-	36.430	-	36.430	658	16.168	16.168
7/28	36.430	-	36.430	-	-	-	36.430	-	36.430	682	16.209	16.209
8/29	36.430	-	36.430	-	-	-	36.430	-	36.430	706	16.250	16.250
9/30	36.430	-	36.430	-	-	-	36.430	-	36.430	719	16.371	16.371
10/31	36.430	-	36.430	-	-	-	36.430	-	36.430	720	16.520	16.520
11/32	37.019	-	37.019	-	-	-	37.019	-	37.019	720	17.188	17.188
12/33	37.019	-	37.019	-	-	-	37.019	-	37.019	720	17.454	17.454
13/34	37.019	-	37.019	-	-	-	37.019	-	37.019	720	17.748	17.748
14/35	37.019	-	37.019	-	-	-	37.019	-	37.019	720	18.095	18.095
15/36	37.019	-	37.019	-	-	-	37.019	-	37.019	720	18.497	18.497
16/37	38.910	-	38.910	-	-	-	38.910	-	38.910	720	20.543	20.543
17/38	38.910	-	38.910	-	-	-	38.910	-	38.910	720	21.174	21.174
18/39	38.910	-	38.910	-	-	-	38.910	-	38.910	720	21.860	21.860
19/40	38.910	-	38.910	-	-	-	38.910	-	38.910	720	22.626	22.626
20/41	38.910	-	38.910	-	-	-	38.910	-	38.910	720	23.473	23.473

(**) Phí quản lý hợp đồng được khấu trừ tương ứng với thời gian hiệu lực của Hợp đồng minh họa theo tỷ suất đầu tư cao.

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

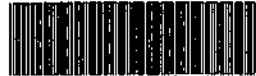
Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 18/12/2024

241218154742883 Trang số: 9 / 31

MINH HẠ QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng/ Tuổi	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV đảm bảo	Mức tỷ suất đầu tư cao (Không đảm bảo)				Khoản rút và phí rút tiền
				Quyền lợi từ vong/ TTTBVV	Các khoản thưởng	Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)+(7)	(6)	(7)	(8)	(9)
1/22	35.704	9.249	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-
2/23	71.408	14.605	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-
3/24	107.112	30.348	3.000.000	3.011.391	-	11.391	680	-
4/25	142.816	33.919	3.000.000	3.031.187	-	31.187	20.476	-
5/26	142.816	-	3.000.000	3.016.278	-	16.278	16.278	-
6/27	142.816	-	(*)	(*)	-	(*)	(*)	-

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:
NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐẦU TƯ CHỌN
Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 18/12/2024
Trang số: 10 / 31
241218154742883

MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng/ Tuổi	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV đảm bảo	Mức tỷ suất đầu tư thấp (Không đảm bảo)				Khoản rút và phí rút tiền
				Quyền lợi từ vong/ TTTBVV	Các khoản thưởng	Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)+(7)	(6)	(7)	(8)	(9)
1/22	35.704	9.249	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-
2/23	71.408	14.605	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-
3/24	107.112	30.348	3.000.000	3.010.873	-	10.873	162	-
4/25	142.816	33.919	3.000.000	3.029.917	-	29.917	19.206	-
5/26	142.816	-	3.000.000	3.014.507	-	14.507	14.507	-
6/27	142.816	-	(*)	(*)	-	(*)	(*)	-

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:
NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN
Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



241218154742883

In ngày: 18/12/2024
Trang số: 11 / 31

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ QUỸ TÍCH LŨY CHIẾN LƯỢC
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng /Tuổi	Phí bảo hiểm phân bổ	Mức tỷ suất đầu tư cao (6,0%/năm) (Không đảm bảo)			Mức tỷ suất đầu tư thấp (4,0%/năm) (Không đảm bảo)		
		Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng	Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)
1/22	4.625	-	-	-	-	-	-
2/23	7.302	-	-	-	-	-	-
3/24	15.174	5.695	-	5.695	5.437	-	5.437
4/25	16.959	15.594	-	15.594	14.959	-	14.959
5/26	-	8.139	-	8.139	7.253	-	7.253
6/27	-	-	-	-	-	-	-

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ QUỸ TÍCH LŨY NĂNG ĐỘNG

(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng /Tuổi	Phí bảo hiểm phân bổ	Mức tỷ suất đầu tư cao (6,0%/năm) (Không đảm bảo)			Mức tỷ suất đầu tư thấp (4,0%/năm) (Không đảm bảo)		
		Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng	Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)
1/22	4.625	-	-	-	-	-	-
2/23	7.302	-	-	-	-	-	-
3/24	15.174	5.695	-	5.695	5.437	-	5.437
4/25	16.959	15.594	-	15.594	14.959	-	14.959
5/26	-	8.139	-	8.139	7.253	-	7.253
6/27	-	-	-	-	-	-	-

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN



In ngày: 18/12/2024

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang

241218154742883 Trang số: 13 / 31

MINH HỌA CHI TIẾT CÁC LOẠI PHÍ
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ			Phí quản lý hợp đồng (**)	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Cơ bản & hỗ trợ	Đóng thêm	Tổng	Cơ bản & hỗ trợ	Đóng thêm	Tổng	Vào Tài khoản cơ bản	Vào Tài khoản đóng thêm	Tổng		Minh họa tại mức tỷ suất đầu tư	
											Cao	Thấp
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)	(13)
1/22	35.704	-	35.704	26.455	-	26.455	9.249	-	9.249	538	11.074	11.074
2/23	35.704	-	35.704	21.099	-	21.099	14.605	-	14.605	562	15.816	15.816
3/24	35.704	-	35.704	5.356	-	5.356	30.348	-	30.348	586	15.760	15.760
4/25	35.704	-	35.704	1.785	-	1.785	33.919	-	33.919	610	15.705	15.705
5/26	-	-	-	-	-	-	-	-	-	634	15.623	15.623
6/27	-	-	-	-	-	-	-	-	-	603	14.821	13.473

(**) Phí quản lý hợp đồng được khấu trừ tương ứng với thời gian hiệu lực của Hợp đồng minh họa theo tỷ suất đầu tư cao.

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:
NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN
Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



241218154742883

In ngày: 18/12/2024
Trang số: 14 / 31

GHI CHÚ

- 1. Quyền lợi TTTBVV được chi trả nếu Sự kiện bảo hiểm xảy ra trước Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt 70 Tuổi.
- 2. Phí bảo hiểm hàng năm được minh họa theo Thời hạn đóng phí dự kiến và Thời hạn đóng phí bắt buộc. Chi tiết về phí bảo hiểm được phân bổ vào Tài khoản hợp đồng được thể hiện tại trang “Minh họa chi tiết các loại phí”.
- 3. Các khoản thưởng ở cột (6) bao gồm Quyền lợi Món quà khởi đầu (nếu có); Quyền lợi Thưởng định kỳ (nếu có) và Quyền lợi Thưởng đặc biệt (nếu có). Giá trị Tài khoản hợp đồng ở cột (7) đã bao gồm các khoản thưởng này. Chi tiết về Điều kiện xét thưởng, vui lòng tham khảo Quy tắc và điều khoản sản phẩm.
- 4. Giá trị hoàn lại tương ứng với Giá trị Tài khoản hợp đồng trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn. Giá trị Tài khoản hợp đồng tùy thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết đơn vị (không được đảm bảo), phí bảo hiểm thực đóng và số tiền rút ra thực tế từ Tài khoản hợp đồng. Vì vậy, Giá trị Tài khoản hợp đồng thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị thể hiện ở Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này.
- 5. Lãi suất minh họa tại các Quỹ liên kết đơn vị chỉ mang tính tham khảo, sẽ có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết đơn vị và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho Quý khách trong tương lai.
- 6. Việc rút tiền sẽ được thực hiện từ Tài khoản đóng thêm (nếu có) trước; sau đó đến Tài khoản cơ bản.
- 7. Phí bảo hiểm hàng năm, các quyền lợi của Hợp đồng bảo hiểm, Giá trị Tài khoản hợp đồng được minh họa tại trang “Minh họa quyền lợi hợp đồng bảo hiểm” này có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết đơn vị. Chi tiết về Hợp đồng bảo hiểm và các quyền lợi bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.
- 8. Theo Thông tư 67/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính, Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này minh họa quyền lợi đầu tư trong 20 năm. Trường hợp Bên mua bảo hiểm tiếp tục đóng phí để duy trì Hợp đồng bảo hiểm thì Giá trị Tài khoản hợp đồng vẫn sẽ tiếp tục được duy trì và nhận toàn bộ kết quả đầu tư.
- 9. Bên mua bảo hiểm được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư và sẽ chịu toàn bộ rủi ro đầu tư từ các Quỹ liên kết đơn vị đã lựa chọn tương ứng với giá trị của hợp đồng trong các Quỹ liên kết đơn vị.

TÓM TẮT QUYỀN LỢI CỦA BẢO HIỂM BỒ TRỢ

Đơn vị: đồng

STT	Quyền lợi bảo hiểm	Số tiền chi trả				
		ĐÀO QUANG MINH				
1	BH tử vong và thương tật do Tai nạn - Phiên bản mở rộng (*)					
	Thương tật do Tai nạn	Tối đa 500.000.000 theo mức độ thương tật				
	Bồi thường do Tai nạn	Tối đa 500.000.000 theo mức độ Bồi thường				
	Chấn thương nội tạng do Tai nạn	Tối đa 50.000.000				
	Gãy xương do Tai nạn	Tối đa 50.000.000				
	Vận chuyển cấp cứu do Tai nạn/Tai nạn	2.500.000				
	Tử vong do Tai nạn	500.000.000				
	Tử vong do Tai nạn trên các phương tiện giao thông công cộng hoặc trong thang máy công cộng; hoặc do hỏa hoạn tại các tòa nhà công cộng theo Quy tắc và Điều khoản	1.000.000.000				
	Tử vong do Tai nạn máy bay khi Người được bảo hiểm đang là hành khách trên chuyến bay dân dụng.	1.500.000.000				

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:
NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐẦU LỰA CHỌN
Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 18/12/2024
Trang số: 16 / 31

TÓM TẮT QUYỀN LỢI CỦA BẢO HIỂM BỒ TRỢ

2	BH bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần					
	Bệnh hiểm nghèo dành cho trẻ em (chỉ trả 01 lần)	125.000.000				
	Biến chứng Bệnh tiểu đường (chỉ trả 01 lần)	125.000.000				
	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu (chỉ trả tối đa cho 02 Bệnh hiểm nghèo thuộc 02 Nhóm bệnh khác nhau)	125.000.000 /Bệnh				
	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau (chỉ trả tối đa cho 05 Bệnh hiểm nghèo thuộc 05 Nhóm bệnh khác nhau)	500.000.000 /Bệnh				
3	BH miễn đóng phí Bệnh hiểm nghèo mở rộng					
	Generali thay Bên mua bảo hiểm đóng Phí bảo hiểm phải đóng trong tương lai của Hợp đồng bảo hiểm cho đến khi kết thúc Thời hạn bảo hiểm của BHBT này hoặc khi kết thúc thời hạn 15 năm, tùy thời điểm nào đến trước, khi Người được bảo hiểm được Chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản của BHBT này.	Đính kèm				

TÓM TẮT QUYỀN LỢI CỦA BẢO HIỂM BỒ TRỢ

GHI CHÚ:

Chi tiết về các quyền lợi bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.

(*) Khi xảy ra Sự kiện được bảo hiểm đối với Người được bảo hiểm từ 04 Tuổi trở xuống, Số tiền bảo hiểm dùng để chi trả quyền lợi sẽ được điều chỉnh theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

Bảo hiểm tử vong và thương tật do Tai nạn (Phiên bản mở rộng): Quyền lợi Tử vong do Tai nạn sẽ trừ đi (các) quyền lợi thương tật do Tai nạn, Bồng do Tai nạn, chấn thương cơ quan nội tạng do Tai nạn, Gãy xương do Tai nạn, Vận chuyển cấp cứu do Tai nạn, đã chi trả trước

Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần: Số tiền tối đa mỗi lần chi trả đối với các quyền lợi Bệnh hiểm nghèo dành cho trẻ em, Biến chứng Bệnh tiểu đường, Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu không được vượt quá 500 triệu đồng cho mỗi quyền lợi - bất kể Người được bảo hiểm có tham gia nhiều Hợp đồng bảo hiểm.

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐẦU TƯ CHỌN

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 18/12/2024

241218154742883 Trang số: 18 / 31

TÓM TẮT LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

STT	Sản phẩm bảo hiểm	Loại trừ
1	Bảo hiểm liên kết đơn vị VITA - Đầu Tư Như Ý	Tham khảo Điều 3, Quy tắc và Điều khoản Bảo hiểm Liên kết đơn vị - Phiên bản 2
2	BH Bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần	Tham khảo Điều 2, Quy tắc và Điều khoản Bảo hiểm bổ trợ Bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần đính kèm sản phẩm Bảo hiểm Liên kết đơn vị - Phiên bản 2
3	BH miễn đóng phí Bệnh hiểm nghèo mở rộng	Tham khảo Điều 2, Quy tắc và Điều khoản Bảo hiểm bổ trợ Bảo hiểm miễn đóng phí Bệnh hiểm nghèo mở rộng đính kèm sản phẩm Bảo hiểm Liên kết đơn vị - Phiên bản 2
4	BH tử vong và thương tật do Tai nạn - Phiên bản mở rộng	Tham khảo Điều 4, Quy tắc và Điều khoản Bảo hiểm bổ trợ Bảo hiểm tử vong và thương tật do Tai nạn - Phiên bản mở rộng
5	VITA - Sức Khỏe Vàng - Phiên bản 3/ VITA - Sức Khỏe Kim Cương	Tham khảo Điều 10, Quy tắc và Điều khoản Bảo hiểm bổ trợ bảo hiểm sức khỏe cá nhân - Phiên bản 3

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



241218154742883

In ngày: 18/12/2024

Trang số: 19 / 31

DANH SÁCH BỆNH HIỂM NGHÈO ĐƯỢC BẢO HIỂM (BẢO HIỂM BỆNH HIỂM NGHÈO CHI TRẢ NHIỀU LẦN)

BIẾN CHỨNG BỆNH TIỂU ĐƯỜNG	BỆNH HIỂM NGHÈO DÀNH CHO TRẺ EM			
1. Bệnh vồng mạc do tiểu đường 2. Bệnh thận do tiểu đường 3. Cụt chi do tiểu đường	1. Bệnh Wilson 2. Bệnh Tay - Chân - Miệng với các biến chứng nặng (đe dọa tính mạng) 3. Bệnh tiểu đường phụ thuộc Insulin (Tiểu đường tuýp 1)	4. Bệnh Kawasaki với các biến chứng tim 5. Bệnh xương thủy tinh 6. Sốt thấp khớp có biến chứng van tim	7. Bệnh Hemophilia thể nặng 8. Sốt xuất huyết Dengue 9. Viêm khớp mạn tính hệ thống ở trẻ em (Bệnh Still ở trẻ em)	10. Chứng tự kỷ thể nặng 11. Hội chứng thận hư tái phát thể nặng 12. Bệnh bạch hầu đường hô hấp
NHÓM BỆNH	BỆNH HIỂM NGHÈO GIAI ĐOẠN ĐẦU THEO NHÓM BỆNH			
1. Ung thư	1. Ung thư biểu mô tại chỗ		2. Ung thư giai đoạn sớm của một số cơ quan	
2. Tạng chủ	3. Phẫu thuật cắt bỏ một thận 4. Ghép ruột non 5. Phẫu thuật cắt một bên phổi 6. Phẫu thuật gan 7. Phẫu thuật tái tạo đường mật		8. Ghép giác mạc 9. Hen suyễn nặng 10. Xơ gan 11. Thiếu máu bất sản có khả năng hồi phục	
3. Hệ tuần hoàn (tim mạch)	12. Đặt máy tạo nhịp tim 13. Đặt máy khử rung tim 14. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành trực tiếp xâm lấn tối thiểu (MIDCAB) 15. Phẫu thuật động mạch chủ xâm lấn tối thiểu		16. Tạo hình van tim hoặc nong van tim qua da 17. Cắt màng ngoài tim 18. Đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ 19. Tăng áp động mạch phổi giai đoạn sớm 20. Phồng động mạch chủ nặng không có triệu chứng	
4. Hệ thống thần kinh – Cơ xương khớp	21. Phẫu thuật đặt dẫn lưu não thất 22. Phẫu thuật cắt u tuyến yên 23. Loãng xương với Gãy xương 24. Bệnh tủy sống hoặc chấn thương tủy sống dẫn tới rối loạn chức năng bàng quang và ruột		25. Phẫu thuật huyết khối xoang hang 26. Viêm tủy sống do lao 27. Động kinh nặng 28. Parkinson thể trung bình	
5. Khác	29. Mất thị lực 01 mắt 30. Bồng không nghiêm trọng 31. Mất 01 chi 32. Phẫu thuật cấy ốc tai		33. Mất chức năng 01 chi và mất thị lực 01 mắt 34. Viêm vồng mạc sắc tố 35. Viêm khớp dạng thấp thể trung bình	

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:
NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐẦU LỰA CHỌN
Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 18/12/2024
Trang số: 20 / 31

241218154742883

NHÓM BỆNH	BỆNH HIỂM NGHÉO GIAI ĐOẠN SAU THEO NHÓM BỆNH	
1. Ung thư	1. Ung thư	
2. Tạng chủ	2. Suy thận 3. Phẫu thuật ghép tạng chủ 4. Bệnh phổi giai đoạn cuối 5. Nang tủy thận 6. Viêm gan siêu vi thể tối cấp	7. Suy gan giai đoạn cuối 8. Thiếu máu bất sản 9. Viêm tụy mãn tái phát 10. Viêm gan tự miễn mãn tính
3. Hệ tuần hoàn (tim mạch)	11. Nhồi máu cơ tim 12. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành 13. Phẫu thuật thay van tim 14. Phẫu thuật động mạch chủ	15. Tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát 16. Bệnh cơ tim 17. Hội chứng Eisenmenger 18. Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn
4. Hệ thống thần kinh – Cơ xương khớp	19. Hôn mê 20. Đột quỵ 21. Bệnh Alzheimer 22. Bệnh Parkinson 23. Bệnh xơ cứng rải rác 24. Viêm não 25. Chấn thương sọ não nặng 26. Phẫu thuật sọ não 27. Bệnh teo cơ tủy (SMA) 28. Bệnh xơ cứng cột bên teo cơ 29. Viêm màng não do vi khuẩn 30. U não lành tính 31. Bệnh bại liệt	32. Cụt chi 33. Liệt chi 34. Bệnh loạn dưỡng cơ 35. Bệnh nhược cơ 36. Loãng xương nặng 37. Tổn thương đa rễ đám rối thần kinh cánh tay 38. Bệnh Creutzfeldt-Jakob (Bò điên) 39. Bệnh lao màng não 40. Gãy cột sống do Tai nạn 41. Phình mạch não bắt buộc phải phẫu thuật 42. Hội chứng Apallic 43. Liệt trên nhân tiến triển 44. Liệt hành não tiến triển
5. Khác	45. Bỏng nặng 46. Lupus ban đỏ hệ thống có biến chứng thận 47. Mù 48. Mất khả năng nói 49. Mất thính lực 50. Viêm đa khớp dạng thấp thể nặng 51. U tủy thượng thận 52. Xơ cứng bì tiến triển	53. Nhiễm HIV do truyền máu 54. Nhiễm HIV do nghề nghiệp 55. Suy thượng thận mãn tính 56. Viêm cân mạc hoại tử 57. Viêm loét đại tràng có phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng 58. Bệnh Crohn có đường rò 59. Phẫu thuật Vẹo cột sống tự phát 60. Sốt xuất huyết Ebola 61. Bệnh phù chân voi

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này

chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 18/12/2024

241218154742883 Trang số: 21 / 31

BẢNG LIỆT KÊ QUYỀN LỢI CỦA VITA - SỨC KHỎE VÀNG - PHIÊN BẢN 3 / VITA - SỨC KHỎE KIM CƯƠNG
QUYỀN LỢI NỘI TRÚ Đơn vị: nghìn đồng

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	Tiết Kiệm	Tiêu Chuẩn	Cao Cấp	V.I.P	Kim Cương
PHẠM VI ĐỊA LÝ ĐƯỢC BẢO HIỂM	Việt Nam	Việt Nam	Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)	Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)	Toàn cầu
HẠN MỨC HÀNG NĂM CỦA QUYỀN LỢI NỘI TRÚ	100.000	300.000	650.000	1.200.000	5.000.000
QUYỀN LỢI NHÂN ĐÔI HẠN MỨC (để điều trị nội trú các bệnh Ung thư, Đột quỵ, Nhồi máu cơ tim) (*)	100.000	300.000	650.000	1.200.000	5.000.000
Tỷ lệ đồng chi trả	0% hoặc 20%	0%	0%	0%	0%
PHẠM VI BẢO HIỂM	GIỚI HẠN PHỤ				
Viện phí và các chi phí y tế					
Giới hạn cho mỗi Đợt điều trị có Phẫu thuật	60.000	180.000	390.000	720.000	Theo Chi phí y tế thực tế
Giới hạn cho mỗi Đợt điều trị không có Phẫu thuật	30.000	90.000	195.000	360.000	
1. Tiền giường và phòng/Ngày nằm viện - Điều trị trong nước	500	1.500	3.000	6.000	12.000
Tiền giường và phòng/Ngày nằm viện - Điều trị tại nước ngoài			3.000	6.000	Theo Chi phí y tế thực tế (**)
2. Chi phí Phòng chăm sóc đặc biệt (tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng)	Theo Chi phí y tế thực tế				
3. Chi phí Phẫu thuật					
4. Các chi phí điều trị nội trú khác					
5. Chi phí điều trị trước khi Nằm viện (trong vòng 30 ngày trước khi Nằm viện)					
6. Chi phí điều trị sau khi xuất viện (trong vòng 60 ngày sau khi xuất viện)					
7. Chi phí hỗ trợ người nuôi bệnh nhân/ngày (tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	500	1.500	3.000	6.000	12.000
8. Chăm sóc y tế tại nhà/ngày (tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	100	250	500	1.000	2.000
9. Trợ cấp nằm viện tại Bệnh viện công lập/Ngày nằm viện (tối đa 30 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng)		150	500	1.000	2.000
10. Chi phí Vật lý trị liệu/Năm hợp đồng	1.000	3.000	5.000	10.000	20.000
11. Vận chuyển cấp cứu/Năm hợp đồng	1.000	2.500	5.000	Theo Chi phí y tế thực tế	

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:
NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN
Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang

 In ngày: 18/12/2024
241218154742883 Trang số: 22 / 31

BẢNG LIỆT KÊ QUYỀN LỢI CỦA VITA - SỨC KHỎE VÀNG - PHIÊN BẢN 3 / VITA - SỨC KHỎE KIM CƯƠNG

QUYỀN LỢI NỘI TRÚ

Đơn vị: nghìn đồng

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	Tiết Kiệm	Tiêu Chuẩn	Cao Cấp	V.I.P	Kim Cương
PHẠM VI ĐỊA LÝ ĐƯỢC BẢO HIỂM	Việt Nam	Việt Nam	Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)	Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)	Toàn cầu
HẠN MỨC HÀNG NĂM CỦA QUYỀN LỢI NỘI TRÚ	100.000	300.000	650.000	1.200.000	5.000.000
QUYỀN LỢI NHẬN ĐỔI HẠN MỨC (để điều trị nội trú các bệnh Ung thư, Đột quy, Nhồi máu cơ tim) (*)	100.000	300.000	650.000	1.200.000	5.000.000
Tỷ lệ đồng chi trả	0% hoặc 20%	0%	0%	0%	0%
PHẠM VI BẢO HIỂM	GIỚI HẠN PHỤ				
Cấy ghép nội tạng (thận, tim, gan, phổi, tụy, tủy xương)					
1. Chi phí cho Người được bảo hiểm (là người nhận tạng)	Theo Chi phí y tế thực tế				
2. Chi phí cho người hiến tạng/Năm hợp đồng	50.000	150.000	325.000	600.000	2.500.000
Điều trị Ung thư, Đột quy, Nhồi máu cơ tim	Theo Chi phí y tế thực tế				
Điều trị trong ngày					
1. Phẫu thuật trong ngày	Theo Chi phí y tế thực tế				
2. Điều trị thận nhân tạo/Năm hợp đồng	15.000	30.000	45.000	60.000	150.000
Điều trị cấp cứu do Tai nạn/Tai nạn	1.500	5.000	7.500	Theo Chi phí y tế thực tế	

Ghi chú:
(*) Quyền lợi được áp dụng khi đã sử dụng hết Hạn mức hàng năm của quyền lợi nội trú
(**) Tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm Hợp đồng

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:
NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐẦU LỰA CHỌN
Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 18/12/2024
Trang số: 23 / 31
241218154742883

BẢNG LIỆT KÊ QUYỀN LỢI CỦA VITA - SỨC KHỎE VÀNG - PHIÊN BẢN 3 / VITA - SỨC KHỎE KIM CƯƠNG

Đơn vị: nghìn đồng

	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	Tiết Kiệm	Tiêu Chuẩn	Cao Cấp	V.I.P	Kim Cương
	PHẠM VI ĐỊA LÝ ĐƯỢC BẢO HIỂM		Việt Nam	Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)	Toàn cầu (Ngoại trừ Hoa Kỳ)	Toàn cầu
QL NGOẠI TRÚ	HẠN MỨC HÀNG NĂM	-	15.000	25.000	50.000	100.000
	Tỷ lệ đồng chi trả trong trường hợp khám, điều trị tại các Cơ sở y tế/Phòng khám tư nhân		20%	20%	0%	0%
	1. Chi phí điều trị ngoại trú theo Tây y/lần khám		1.500	3.000	6.000	12.000
	2. Chi phí điều trị ngoại trú theo Đông y/lần khám		750	1.500	3.000	6.000
	3. Chi phí tiêm chủng/Năm hợp đồng		-			2.000
QL NHA KHOA	HẠN MỨC HÀNG NĂM	-	5.000	10.000	20.000	40.000
	1. Chi phí kiểm tra, cạo vôi răng/lần (tối đa 02 lần/Năm hợp đồng)		500	1.000	2.000	4.000
	2. Các chi phí khám và điều trị răng khác		Theo Chi phí y tế thực tế			
QL THAI SẢN	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	Tiết Kiệm	Tiêu Chuẩn	Cao Cấp	V.I.P	Kim Cương
	PHẠM VI ĐỊA LÝ ĐƯỢC BẢO HIỂM	-	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	Toàn cầu
	HẠN MỨC HÀNG NĂM CỦA QUYỀN LỢI THAI SẢN		20.000	30.000	50.000	100.000
	Tỷ lệ đồng chi trả		20%	20%	0%	0%
	Chi phí khám thai/Năm hợp đồng		1.500	1.500	2.500	5.000
	Viện phí sinh con hoặc điều trị biến chứng thai sản					
	1. Tiền giường và phòng/Ngày nằm viện - Điều trị trong nước		1.500	3.000	6.000	12.000
	-Tiền giường và phòng/Ngày nằm viện - Điều trị tại nước ngoài		-			Theo Chi phí y tế thực tế (*)
	2. Chi phí Phòng chăm sóc đặc biệt (*)		Theo Chi phí y tế thực tế			
	3. Các chi phí chăm sóc thai sản khác					

(*) tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng

Giới hạn phụ của từng quyền lợi ngoại trú, nha khoa, thai sản quy định ở Quy tắc và Điều khoản

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐẦU LỰA CHỌN

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



241218154742883

In ngày: 18/12/2024

Trang số: 24 / 31

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

A. THÔNG TIN CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Các Quỹ liên kết đơn vị và Mục tiêu đầu tư	Mục tiêu	Công ty quản lý Quỹ	Danh mục đầu tư	Mức độ rủi ro và Lợi nhuận dự kiến
Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	Tạo thu nhập ổn định và bảo toàn vốn	Công ty quản lý quỹ VinaCapital	- Trái phiếu/Công cụ lãi suất cố định (Đầu tư tối đa 95%)	Thấp
Quỹ Tích Lũy Năng Động		Công ty quản lý quỹ Dragon Capital Việt Nam	- Công cụ thị trường tiền tệ (Đầu tư tối thiểu 5%)	
Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	Tăng trưởng vốn đầu tư và tối đa hóa lợi nhuận trong thời gian dài hạn	Công ty quản lý quỹ VinaCapital	- Cổ phiếu (và các chứng khoán phát sinh từ cổ phiếu đó) trên các hệ thống giao dịch chứng khoán được tổ chức và vận hành bởi các Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam (thường được gọi là sàn giao dịch chứng khoán) (Đầu tư tối đa đến 95%)	Cao
Quỹ Tăng Trưởng Năng Động		Công ty quản lý quỹ Dragon Capital Việt Nam	- Công cụ thị trường tiền tệ (Đầu tư tối thiểu 5%)	

B. BẢNG TỶ SUẤT ĐẦU TƯ DỰ KIẾN

Quỹ Liên kết đơn vị	Quỹ Tích Lũy Chiến Lược Quỹ Tích Lũy Năng Động		Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược Quỹ Tăng Trưởng Năng Động	
	Thấp	Cao	Thấp	Cao
Tỷ suất đầu tư minh họa theo loại tài sản	Thấp	Cao	Thấp	Cao
Cổ phiếu	Không áp dụng	Không áp dụng	0,9%	9,0%
Trái phiếu/ Công cụ lãi suất cố định	4,3%	6,2%	Không áp dụng	Không áp dụng
Tài sản khác	3,0%	7,0%	3,0%	7,0%
Tỷ suất đầu tư bình quân gia quyền của Quỹ	4,0%	6,0%	1,0%	8,9%

- Tỷ suất đầu tư dự kiến được dùng để minh họa các giá trị trong trang “Minh họa quyền lợi hợp đồng bảo hiểm” và các trang “Minh họa chi tiết giá trị quỹ”.
- Tỷ suất đầu tư dự kiến được giả định không thay đổi trong suốt Thời hạn hợp đồng.
- Tỷ suất đầu tư dự kiến chỉ có giá trị minh họa và KHÔNG ĐẢM BẢO.

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

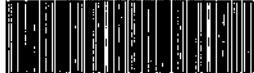
Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



241218154742883

In ngày: 18/12/2024

Trang số: 25 / 31

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

C. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Năm	So sánh tỷ suất đầu tư thực tế của Quỹ (1) và (2) với chỉ số đầu tư được lựa chọn			So sánh tỷ suất đầu tư thực tế của Quỹ (3) và (4) với chỉ số đầu tư được lựa chọn		
	Quỹ Tích Lũy Chiến Lược (1)	Quỹ Tích Lũy Năng Động (2)	Lãi suất liên ngân hàng Việt Nam (VNIBOR) 3 tháng + 3,5%	Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược (3)	Quỹ Tăng Trưởng Năng Động (4)	VNindex
Từ khi thành lập (*)	42,01%	40,24%	34,10%	56,78%	30,46%	15,37%
2020	7,16%	7,37%	5,78%	11,05%	14,06%	14,87%
2021	9,22%	8,36%	5,00%	52,42%	45,47%	35,73%
2022	9,07%	8,69%	7,81%	-22,11%	-33,01%	-32,78%
2023	9,03%	8,72%	8,80%	21,85%	19,07%	12,20%

Ghi chú:

- (*) Từ ngày thành lập quỹ 15/08/2019 đến 31/12/2023.
- Kết quả hoạt động của các Quỹ liên kết đơn vị trong quá khứ dùng để tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo chắc chắn về kết quả hoạt động của các Quỹ liên kết đơn vị trong tương lai.
- Các tỷ suất đầu tư không tính đến chênh lệch giữa giá mua và giá bán hoặc các khoản phí khác có thể sẽ được tính thêm cho Bên mua bảo hiểm.

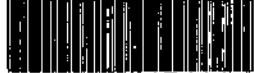
D. ĐỊNH GIÁ ĐƠN VỊ QUỸ

- Generali sẽ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ liên kết đơn vị vào Ngày định giá theo định kỳ 1 lần vào mỗi thứ sáu hàng tuần (trừ trường hợp lễ Tết hoặc do nguyên nhân bất khả kháng).
- Tài sản của Quỹ liên kết đơn vị được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là Đơn vị quỹ. Giá đơn vị quỹ là giá một Đơn vị quỹ khi Generali thực hiện mua hoặc bán các Đơn vị quỹ cho Bên mua bảo hiểm. Tuy nhiên, Giá đơn vị quỹ có thể khác nhau theo từng Quỹ liên kết đơn vị.
- Giá đơn vị quỹ có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào kết quả đầu tư của Quỹ liên kết đơn vị. Kết quả hoạt động của Quỹ liên kết đơn vị KHÔNG ĐẢM BẢO và có thể cho kết quả âm.
- Giá trị của Quỹ liên kết đơn vị có thể thấp hơn số phí đem đi đầu tư và phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết đơn vị.

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:
NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN
Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 18/12/2024
241218154742883 Trang số: 26 / 31

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

E. BIỆN PHÁP BẢO VỆ VÀ GIA TĂNG QUYỀN LỢI CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

- Generali sẽ áp dụng các biện pháp sau đây để bảo vệ và gia tăng quyền lợi của Bên mua bảo hiểm:
- Thay đổi tên của Quỹ liên kết đơn vị;
 - Đóng Quỹ liên kết đơn vị để chuyển đổi các tài sản sang một Quỹ liên kết đơn vị mới có cùng mục tiêu đầu tư;
 - Chia tách và/hoặc sáp nhập các Đơn vị Quỹ hiện có;
 - Ngừng định giá Đơn vị Quỹ và các giao dịch liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp Sở giao dịch chứng khoán và/hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán mà Quỹ liên kết đơn vị đang đầu tư vào tạm thời bị đình chỉ giao dịch;
 - Các biện pháp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

F. QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

- Chỉ định tỷ lệ đầu tư vào từng Quỹ liên kết đơn vị;
- Yêu cầu thay đổi tỷ lệ đầu tư;
- Chuyển đổi giữa các Quỹ liên kết đơn vị;
- Đóng thêm Phí bảo hiểm đóng thêm để đầu tư bổ sung;
- Rút tiền từ Tài khoản hợp đồng (Rút tiền).

G. MUA VÀ BÁN ĐƠN VỊ QUỸ

Mua đơn vị quỹ khi	Bán đơn vị quỹ khi
• Phân bổ Phí bảo hiểm; • Phân bổ Phí bảo hiểm đóng thêm; • Phân bổ Quyền lợi Thường và Quyền lợi Món quà khởi đầu (nếu có); • Chuyển đổi Quỹ. • Trường hợp khác theo quy định của Quy tắc và Điều khoản này.	• Chuyển đổi Quỹ; • Thanh toán Khoản khấu trừ hàng tháng và các loại phí quy định tại Quy tắc và Điều khoản (ngoại trừ Phí ban đầu và Phí quản lý quỹ); • Rút tiền từ Giá trị Tài khoản hợp đồng; • Chi trả quyền lợi bảo hiểm (ngoại trừ Quyền lợi Thường và Quyền lợi Món quà khởi đầu); • Hợp đồng bị mất hiệu lực; • Hợp đồng bị chấm dứt; • Trường hợp khác theo quy định của Quy tắc và Điều khoản này.

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



241218154742883

In ngày: 18/12/2024

Trang số: 27 / 31

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

G. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN

1. Phí bảo hiểm cơ bản: là phí bảo hiểm của quyền lợi chính. Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ vào Tài khoản cơ bản sau khi trừ đi Phí ban đầu.
2. Phí bảo hiểm bổ trợ: là phí bảo hiểm của (các) Bảo hiểm bổ trợ (nếu có). Phí bảo hiểm bổ trợ được phân bổ vào Tài khoản cơ bản sau khi trừ đi Phí ban đầu.
3. Phí bảo hiểm định kỳ: là tổng Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm bổ trợ theo định kỳ đóng phí đã chọn.
4. Phí bảo hiểm đóng thêm: là số tiền mà Bên mua bảo hiểm đóng thêm sau khi đã đóng đủ tổng Phí bảo hiểm định kỳ của Năm hợp đồng hiện tại và các Năm hợp đồng trước đó. Phí bảo hiểm đóng thêm được phân bổ vào Tài khoản đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu. Phí bảo hiểm đóng thêm cần tuân thủ theo mức tối thiểu và tối đa do Generali quy định tại từng thời điểm.
5. Tài khoản cơ bản: là tài khoản có các Đơn vị quỹ được hình thành từ: i) Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm bổ trợ (nếu có) sau khi trừ đi Phí ban đầu và Khoản khấu trừ hàng tháng; ii) Quyền lợi Món quà khởi đầu được chi trả (nếu có); và iii) Quyền lợi Thưởng định kỳ được chi trả (nếu có).
6. Tài khoản đóng thêm: là tài khoản có các Đơn vị quỹ được hình thành từ: i) Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu và Khoản khấu trừ hàng tháng (nếu có); và (ii) Quyền lợi Thưởng đặc biệt được chi trả (nếu có).
7. Tài khoản hợp đồng: là bao gồm Tài khoản cơ bản và Tài khoản đóng thêm (nếu có).
8. Phí ban đầu: Là khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm bổ trợ và Phí bảo hiểm đóng thêm trước khi các khoản phí bảo hiểm này được phân bổ vào Tài khoản hợp đồng. Phí ban đầu được tính theo tỷ lệ % của Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm bổ trợ và Phí bảo hiểm đóng thêm như sau:

Năm đóng phí	1	2	3	4	5+
% Phí bảo hiểm cơ bản	85%	70%	15%	5%	0%
% Phí bảo hiểm bổ trợ	60%	45%	15%	5%	0%
% Phí bảo hiểm đóng thêm	2%				0%

9. Phí bảo hiểm rủi ro: là khoản phí để đảm bảo quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại Hợp đồng bảo hiểm, được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị Tài khoản hợp đồng vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng. Phí bảo hiểm rủi ro bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro của các Quyền lợi bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản này và (các) Quy tắc và điều khoản của bảo hiểm bổ trợ (nếu có).
10. Phí quản lý hợp đồng: là khoản phí dùng để bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm, được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị Tài khoản hợp đồng vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng. Trong năm 2021, Phí quản lý hợp đồng là 37.000 đồng mỗi tháng và tự động tăng 2.000 đồng mỗi năm dương lịch sau đó. Trong mọi trường hợp, Phí quản lý hợp đồng không vượt quá 60.000 đồng mỗi tháng.

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này

Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 18/12/2024

241218154742883 Trang số: 28 / 31

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

11. Phí quản lý Quỹ: Là khoản phí dùng để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ liên kết đơn vị. Phí quản lý Quỹ được tính theo tỷ lệ % tổng tài sản của Quỹ trước khi Generali công bố Giá đơn vị Quỹ và khác nhau theo từng loại Quỹ như sau:

Quỹ liên kết đơn vị	Phí quản lý Quỹ hàng năm (% tổng tài sản Quỹ)
Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	1,5%/năm
Quỹ Tích Lũy Năng Động	1,5%/năm
Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	2,5%/năm
Quỹ Tăng Trưởng Năng Động	2,5%/năm

12. Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn: là khoản phí tính cho Bên mua bảo hiểm khi yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn. Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn được tính như sau:

a. Đối với Tài khoản cơ bản

Năm đóng phí	1 - 4	5+
Phí bảo hiểm Năm hợp đồng đầu tiên tại thời điểm phát hành Hợp đồng bảo hiểm	30%	0%

Nếu Giá trị Tài khoản cơ bản nhỏ hơn Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn, thì Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn bằng Giá trị Tài khoản cơ bản tại thời điểm Bên mua bảo hiểm yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước hạn.

b. Đối với Tài khoản đóng thêm

Năm đóng phí	1 - 4	5+
% Giá trị tài khoản đóng thêm	5%	0%

13. Phí chuyển đổi Quỹ: Trong mỗi Năm hợp đồng, Generali sẽ miễn Phí chuyển đổi Quỹ cho 05 lần chuyển đổi đầu tiên. Từ lần chuyển đổi thứ 06 trở đi, Phí chuyển đổi Quỹ là 100.000 đồng cho mỗi lần chuyển đổi và được khấu trừ từ số tiền yêu cầu chuyển đổi trước khi chuyển đi.
14. Phí rút tiền là khoản phí tính cho Bên mua bảo hiểm khi rút một phần từ Tài khoản đóng thêm trong 04 Năm đóng phí đầu tiên, Phí rút tiền bằng 5% số tiền rút cho mỗi lần rút tiền.

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐẦU LỰA CHỌN

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này

chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



241218154742883

In ngày: 18/12/2024

Trang số: 29 / 31

LƯU Ý QUAN TRỌNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

1. Nghĩa vụ cung cấp thông tin: Hợp đồng được phát hành trên cơ sở Quý khách và Người được bảo hiểm đảm bảo tất cả các thông tin cung cấp tại Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm là đầy đủ và chính xác. Thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ có thể dẫn đến việc quyền lợi bảo hiểm sẽ không được chi trả và Hợp đồng có thể bị chấm dứt.
2. Thời gian cân nhắc: Quý khách có 21 ngày tính từ ngày nhận Hợp đồng để (i) Kiểm tra toàn bộ thông tin của Hợp đồng; và (ii) Thay đổi quyết định tham gia bảo hiểm (bằng cách gửi văn bản đến Generali). Nếu có bất kỳ thông tin nào chưa chính xác hay chưa đầy đủ, Quý khách cần thông báo kịp thời cho Generali trong thời hạn nêu trên. Nếu Quý khách từ chối tham gia bảo hiểm, Hợp đồng sẽ được hủy bỏ và Generali sẽ hoàn trả toàn bộ phí bảo hiểm đã đóng (không có lãi), sau khi trừ đi các chi phí khám và xét nghiệm y khoa (nếu có).
3. Đóng phí bảo hiểm: Quý khách cần đóng phí theo đúng quy định để duy trì hiệu lực Hợp đồng. Các sản phẩm liên kết chung và liên kết đơn vị có tính năng cho phép Bên mua bảo hiểm tạm ngưng đóng phí sau một số năm. Tuy nhiên, xin lưu ý: việc tạm ngưng đóng phí có thể làm cho Hợp đồng mất hiệu lực và/hoặc không đạt được kết quả đầu tư như mong muốn.
4. Thời gian chờ: là khoảng thời gian mà sự kiện xảy ra trong khoảng thời gian đó sẽ không được Generali chi trả quyền lợi bảo hiểm. Thời gian chờ được quy định chi tiết tại Quy tắc và Điều khoản của từng sản phẩm. Thời gian chờ được tính từ ngày sản phẩm bắt đầu có hiệu lực, hoặc ngày khôi phục hiệu lực gần nhất (tùy vào ngày nào đến sau).
5. Cập nhật thông tin: Khách hàng và Người được bảo hiểm cần thông báo kịp thời cho Generali khi (i) Có thay đổi về nơi cư trú và thông tin liên lạc, giấy tờ tùy thân (chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu, v.v.); hoặc (ii) Ra nước ngoài liên tục trên 3 tháng; hoặc (iii) Thay đổi người thụ hưởng.
6. Bên mua bảo hiểm có thể: (i) Tự xây dựng kế hoạch bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư dự kiến tham gia thông qua công cụ tính phí tại website của Generali Việt Nam theo đường dẫn: <https://generali.vn/cong-cu-tinh-phi/>; và (ii) Tham khảo quy tắc, điều khoản của các sản phẩm bảo hiểm dự kiến tham gia tại website của Generali Việt Nam theo đường dẫn: <https://generali.vn/page/thu-vien-thong-tin/tai-lieu-bieu-mau>

Mọi thắc mắc, Quý khách có thể liên hệ hotline 1900 969675 hoặc trực tiếp tại các trung tâm dịch vụ khách hàng của Generali:
<https://generali.vn/bao-hiem-ca-nhan/lien-he/ho-tro/danh-sach-dia-diem>

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ THỰC TẾ LÀ KHÔNG ĐẢM BẢO, KHÁCH HÀNG ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN TOÀN BỘ

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:

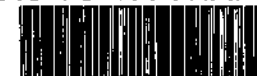
RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ ĐÃ LỰA CHỌN

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Mã số Tư vấn bảo hiểm: AG088883

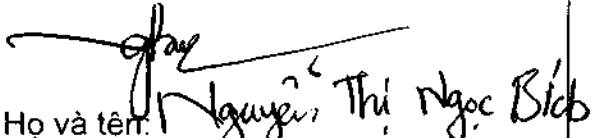
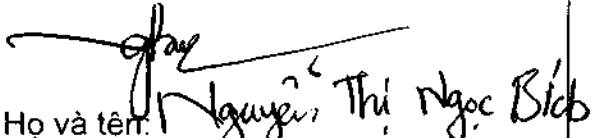
Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này

chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



In ngày: 18/12/2024

241218154742883 Trang số: 30 / 31

XÁC NHẬN CỦA TỰ VẤN BẢO HIỂM		XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM VÀ NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM			
Tôi xác nhận đã giải thích đầy đủ và đã tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này cũng như nội dung của Quy tắc và Điều khoản, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm.		1. Tôi/Chúng tôi, xác nhận đã đọc kỹ và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này cũng như nội dung của Quy tắc và điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm. Tôi/Chúng tôi đã hiểu rõ các quyền lợi (đảm bảo và không đảm bảo) và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi theo quy định của Hợp đồng bảo hiểm. 2. Tôi/Chúng tôi đã được giải thích đầy đủ và đã hiểu rõ điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của (các) sản phẩm liệt kê trong Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này. 3. Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng được phát hành trên cơ sở Tôi/Chúng tôi đảm bảo tất cả các thông tin cung cấp tại Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm là đầy đủ và chính xác. Thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ có thể dẫn đến việc quyền lợi bảo hiểm sẽ không được chi trả và Hợp đồng có thể bị chấm dứt. 4. Tôi/chúng tôi hiểu và đồng ý rằng: i) Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa; ii) Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm được quy định tại Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm. 5. Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực nếu Phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong vòng 04 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng. 6. Tôi/Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng Chi phí bảo hiểm rủi ro của (các) Bảo hiểm bổ trợ được khấu trừ hàng tháng từ Tài khoản hợp đồng khi Tôi/Chúng tôi tham gia (các) Bảo hiểm bổ trợ và việc tham gia sản phẩm bảo hiểm bổ trợ không phải là điều kiện bắt buộc để tham gia sản phẩm bảo hiểm chính. 7. Tôi/Chúng tôi hiểu rằng việc tham gia Hợp đồng bảo hiểm Liên kết đơn vị là một cam kết dài hạn. Việc tham gia hợp đồng trong khoảng thời gian ngắn và chấm dứt hợp đồng trước hạn có thể chịu một khoản phí rất cao và kết quả đầu tư có thể không được như kỳ vọng. 8. Các kết quả hoạt động của Quỹ liên kết đơn vị trước đây (nếu có) chỉ dùng để tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo chắc chắn về kết quả hoạt động của các Quỹ liên kết đơn vị trong tương lai.			
		<table><tr><th>BÊN MUA BẢO HIỂM</th><th>NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM</th></tr><tr><td>  Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Bích Ngày: 18.12.2024 </td><td>  Họ và tên: Đào Quang Minh Ngày: 18.12.2024 </td></tr></table>		BÊN MUA BẢO HIỂM	NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM
BÊN MUA BẢO HIỂM	NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM				
 Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Bích Ngày: 18.12.2024	 Họ và tên: Đào Quang Minh Ngày: 18.12.2024				

Tài liệu minh họa này được lập thông qua ứng dụng điện tử Genova của Generali Việt Nam và được Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và Tư vấn bảo hiểm xác nhận bằng Thư xác nhận yêu cầu bảo hiểm qua ứng dụng điện tử Genova



TẬP ĐOÀN
BẢO HIỂM SỐ TÀI VŨ

BẢNG CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH

A. THÔNG TIN BÊN MUA BẢO HIỂM (BMBH)

Họ và tên: NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

Ngày sinh: 03/02/1976

Địa chỉ: P 2506 - Tòa nhà IP2, 360 - Giải Phóng, P. Phương
Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

ĐTDD: 0913363636

Bên mua bảo hiểm cung cấp các thông tin sau để thực hiện đánh giá khả năng và nhu cầu tài chính:

B. THÔNG TIN KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH

Thông tin tài chính	Hàng tháng (triệu đồng)	Hàng năm (triệu đồng)
Thu nhập sau thuế của BMBH	70	840
Chi phí bình quân của BMBH	40	480

KHẢ NĂNG TÍCH LŨY HÀNG NĂM 360 triệu đồng

KHOẢN ĐẦU TƯ, TIẾT KIỆM ĐÃ CÓ 0 triệu đồng

SỐ TIỀN DỰ KIẾN DÀNH CHO BẢO HIỂM so với tổng thu nhập sau thuế hàng năm của BMBH:

☐ 1-5% ☐ 6-10% ☒ 11-20% ☐ 21-30%

Tương đương từ: 92.4 triệu đồng đến 168 triệu đồng

THỜI GIAN DỰ ĐỊNH ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM: 20 năm

C. PHÂN TÍCH NHU CẦU TÀI CHÍNH

NHU CẦU	Số tiền cần có (triệu đồng)	Khi nào cần số tiền này (năm)
TIẾT KIỆM	0	
BẢO VỆ	1,000	
GIÁO DỤC	0	
HƯU TRÍ	1,000	

D. HOẠCH ĐỊNH TÀI CHÍNH

TỔNG SỐ TIỀN CẦN CÓ 2,000 triệu đồng

TỔNG TÀI CHÍNH CÓ 360 triệu đồng

SỐ TIỀN CẦN CHUẨN BỊ THÊM 1,640 triệu đồng

E. XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

•Tôi xác nhận: i) đã được giải thích đầy đủ, hiểu rõ và đồng ý với các nội dung nêu trên, và ii) kết quả phân tích dựa trên các thông tin do tôi cung cấp cho Tư vấn viên.

•Tôi sẽ cân nhắc để lựa chọn sản phẩm bảo hiểm và số tiền bảo hiểm phù hợp với nhu cầu, khả năng tài chính của tôi. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về quyết định của mình, kể cả trường hợp tôi lựa chọn giải pháp bảo hiểm khác với mức dự kiến nêu trên

Bên mua bảo hiểm

Tư vấn viên

NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Tài liệu này được lập thông qua ứng dụng điện tử Genova của Generali Việt Nam và được Bên mua bảo hiểm, Tư vấn bảo hiểm xác nhận bằng Thư xác nhận yêu cầu bảo hiểm qua ứng dụng điện tử Genova.

Bảng câu hỏi đánh giá khả năng tài chính này nhằm mục đích tìm hiểu khả năng tài chính và nhu cầu của khách hàng để tư vấn các gói giải pháp bảo hiểm kết hợp tiết kiệm và đầu tư phù hợp. Bảng này không dùng cho việc phân tích đầu tư hoặc tiết kiệm nào khác.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ GENERALI VIỆT NAM

TÒA NHÀ GENERALI PLAZA
43 - 45 Tú Xương, P. Võ Thị Sáu,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

TÒA NHÀ GENTOWER HÀ NỘI
14 Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

TÒA NHÀ GENTOWER ĐÀ NẴNG
380 Hoàng Diệu, P. Bình Thuận,
Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

☎ 1900 96 96 75
🌐 www.generalivn
✉ info@general-life.com.vn

Công ty TNHH BHNT Generali Việt Nam được Bộ Tài Chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 61/GP-KDBH ngày 20/04/2011. Mã số thuế: 0310.679.824

(*) Theo Báo cáo Phí bảo hiểm trực tiếp năm 2021 từ ANIA - Hiệp hội của các công ty bảo hiểm

PHIẾU KHẢO SÁT MỨC ĐỘ CHẤP NHẬN RỦI RO

Họ và tên : NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

Ngày sinh : 03/02/1976

Địa chỉ : P 2506 - Tòa nhà IP2, 360 - Giải Phóng, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

ĐTDD : 0913363636

Quy ước: Điểm số sẽ được tính tương ứng theo câu trả lời của Bạn (Bên mua bảo hiểm)

Câu 1: Bạn thuộc nhóm tuổi nào sau đây?

- ☐ 1. Trên 55 tuổi
☐ 2. Từ 40 tuổi đến 55 tuổi
☒ 3. Từ 25 tuổi đến dưới 40 tuổi

Câu 2: Kiến thức và kinh nghiệm của bạn trong việc đầu tư như thế nào?

- ☐ 1. Không có kiến thức và kinh nghiệm
☒ 2. Có ít kiến thức và/hoặc kinh nghiệm, nhưng vẫn còn khá hạn chế khi ra quyết định đầu tư
☐ 3. Am hiểu và có kinh nghiệm trong việc đầu tư, nhận thức được các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu suất đầu tư, ứng dụng được các bài nghiên cứu và phân tích thị trường để đưa ra quyết định đầu tư

Câu 3: Chiến lược đầu tư của bạn là gì?

- ☐ 1. Đầu tư an toàn mặc dù lợi nhuận chỉ đạt mức thấp
☒ 2. Đầu tư ít rủi ro, lợi nhuận vừa phải
☐ 3. Đầu tư sinh lợi cao, đồng thời chấp nhận rủi ro ở mức tương ứng

Câu 4: Mục tiêu chính khi đầu tư của bạn là gì?

- ☐ 1. Bảo toàn giá trị tài sản, nhận mức sinh lời ổn định và giảm thiểu rủi ro ở mức thấp nhất
☒ 2. Gia tăng giá trị tài sản với mức sinh lời cao hơn tiền gửi ngân hàng, rủi ro ở mức vừa phải
☐ 3. Đạt được lợi nhuận tăng cao; đồng thời chấp nhận rủi ro ở mức tương ứng

Câu 5: Bạn dự định đầu tư trong thời gian bao lâu?

- ☐ 1. Từ 5 năm đến dưới 10 năm
☒ 2. Từ 10 năm đến 20 năm
☐ 3. Trên 20 năm

Câu 6. Nếu có một khoản tiền nhàn rỗi từ 500 triệu đồng, bạn sẽ đầu tư số tiền này như thế nào?

- ☐ 1. Đầu tư vào tiền gửi ngân hàng/vàng/ngoại tệ
☒ 2. Đầu tư vào bất động sản/góp vốn vào các doanh nghiệp
☐ 3. Đầu tư vào cổ phiếu

Câu 7: Danh mục đầu tư nào sau đây phù hợp với bạn?

	Danh mục đầu tư	Lợi nhuận hàng năm thấp nhất	Lợi nhuận hàng năm cao nhất	Lợi nhuận hàng năm trung bình
☐	1. Danh mục ABC	0 %	6 %	3 %
☒	2. Danh mục LMN	-5 %	15 %	5 %
☐	3. Danh mục XYZ	-15 %	55 %	20 %

Câu 8: Nếu khoản đầu tư bị lỗ 20% giá trị vì biến động thị trường, bạn sẽ làm gì?

- ☐ 1. Bán toàn bộ khoản đầu tư ngay lập tức
- ☒ 2. Bán một phần khoản đầu tư để chuyển sang kênh đầu tư khác
- ☐ 3. Giữ nguyên khoản đầu tư, không làm gì cả

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Tổng điểm	Điểm số	Mức độ chấp nhận rủi ro	Khuyến nghị của Generali về việc chọn quỹ liên kết đơn vị và tỷ lệ đầu tư vào các quỹ liên kết đơn vị
17	8 – 11	Thận trọng về đầu tư	Khuyến nghị đầu tư (phân bổ phí bảo hiểm) từ 80% đến 100% vào quỹ tích lũy , phần còn lại (nếu có) đầu tư vào quỹ tăng trưởng
	12 - 14	Tương đối thận trọng về đầu tư	Khuyến nghị đầu tư từ 60% đến 85% vào quỹ tích lũy , phần còn lại đầu tư vào quỹ tăng trưởng.
	15 - 17	Cân bằng về đầu tư	Khuyến nghị đầu tư từ 40% đến 65% vào quỹ tích lũy , phần còn lại đầu tư vào quỹ tăng trưởng.
	18 - 20	Tương đối mạo hiểm về đầu tư	Khuyến nghị đầu tư từ 60% đến 85% vào quỹ tăng trưởng , phần còn lại đầu tư vào quỹ tích lũy.
	21 - 24	Mạo hiểm về đầu tư	Khuyến nghị đầu tư từ 80% đến 100% vào quỹ tăng trưởng , phần còn lại đầu tư vào quỹ tích lũy.

Bạn (Bên mua bảo hiểm) nên cân nhắc lựa chọn quỹ liên kết đơn vị và tỷ lệ đầu tư trên cơ sở kết quả khảo sát và khuyến nghị nêu trên.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

- Tôi hiểu rằng bảo hiểm liên kết đơn vị là sản phẩm với đặc tính Bên mua bảo hiểm sẽ chịu mọi rủi ro xảy ra đối với khoản đầu tư vào các quỹ liên kết đơn vị.
- Tôi hiểu rằng **Phiếu khảo sát mức độ chấp nhận rủi ro** này chỉ có giá trị tham khảo, giúp tôi hiểu rõ hơn về khả năng và mức độ chấp nhận rủi ro của mình trong đầu tư. Kết quả khảo sát dựa trên các câu trả lời của tôi.
- Tôi sẽ cân nhắc lựa chọn quỹ liên kết đơn vị và tỷ lệ đầu tư (phân bổ phí bảo hiểm) vào quỹ liên kết đơn vị phù hợp với mức độ chấp nhận rủi ro của mình. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc lựa chọn quỹ liên kết đơn vị và tỷ lệ đầu tư.

Khách hàng

Tư vấn tài chính

NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Tài liệu này được lập thông qua ứng dụng điện tử Genova của Generali Việt Nam và được Bên mua bảo hiểm, Tư vấn bảo hiểm xác nhận bằng Thư xác nhận yêu cầu bảo hiểm qua ứng dụng điện tử Genova.

TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM TỐT NHẤT THẾ GIỚI*

664 TỶ EURO
TỔNG TÀI SẢN
QUẢN LÝ (2020)

TOP **
50 CÔNG TY
THÔNG MINH
NHẤT THẾ GIỚI

70,7 TỶ EURO
DOANH THU
PHÍ BẢO HIỂM (2020)

TOP ***
100 CÔNG TY
BỀN VỮNG
NHẤT THẾ GIỚI

65,9 TRIỆU
KHÁCH HÀNG

TOP ****
500 CÔNG TY
LỚN NHẤT
THẾ GIỚI

72 NGHÌN
NHÂN VIÊN

* Tạp chí Forbes (2019)
** Tạp chí MIT Technology Review (2015)
*** Tạp chí Corporate Knights (2020)
**** Bảng xếp hạng Fortune Global 500 (2020)



GENERALI VIỆT NAM ĐƠN GIẢN, HIỆU QUẢ, LẤY KHÁCH HÀNG LÀM TRỌNG TÂM



Giải thưởng Rỗng Vàng
2017 & 2021



Công ty Bảo hiểm có
Dịch vụ Khách hàng Tốt nhất
Việt Nam 2017 & 2018



Công ty Bảo hiểm
Sáng tạo nhất Việt Nam 2018



Top 10 doanh nghiệp có nguồn
nhân lực hạnh phúc 2021



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ GENERALI VIỆT NAM

GENERALI PLAZA

43 - 45 Tú Xương,
P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

GENTOWER HÀ NỘI

14 Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

☎ 1900 96 96 75

🌐 www.generali.vn

📧 info@generali-life.com.vn